

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
(Bachelor program specification)**

NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

*(Ban hành theo Quyết định số 1889/QĐ-ĐHĐT, ngày 11 tháng 10 năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)*

MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng	6
2. Một số thông tin về chương trình đào tạo	6
3. Mục tiêu đào tạo.....	6
4. Vị trí việc làm.....	6
5. Thông tin tuyển sinh	6
5.1. Đối tượng tuyển sinh.....	6
5.2. Phạm vi tuyển sinh:.....	7
5.3. Phương thức tuyển sinh:	7
6. Điều kiện nhập học.....	7
7. Điều kiện tốt nghiệp.....	7
8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả:	7
9. Nơi phát hành:.....	7
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	8
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	9
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết.....	9
3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)	13
4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy.....	19
4.1. Hình thức đào tạo:.....	19
4.2. Phương pháp giảng dạy	19
5. Cách thức đánh giá kết quả học tập	19
6. Điều kiện thực hiện chương trình	20
6.1. Đề cương chi tiết học phần	20
6.1.1. Nhập môn giáo dục mầm non	21
6.1.2. Tâm lý học mầm non.....	26
6.1.3. Giáo dục học Mầm non.....	36
6.1.4. Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non.....	42
6.1.5. Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non	48
6.1.6. Mỹ thuật mầm non	54
6.1.7. Tiếng Việt.....	61
6.1.8. Văn học trẻ em	65
6.1.9. Cơ sở toán mầm non	71
6.1.10. Vệ sinh - Phòng bệnh cho trẻ mầm non	75
6.1.11. Đánh giá kết quả giáo dục MN.....	81
6.1.12. Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.....	87
6.1.13. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.....	91
6.1.14. Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non	95

6.1.15.	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	101
6.1.16.	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.....	106
6.1.17.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	112
6.1.18.	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	117
6.1.19.	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	123
6.1.20.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non .	131
6.1.21.	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán	138
6.1.22.	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non	143
6.1.23.	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.....	148
6.1.24.	Rèn luyện NVSPTX 1 (Nghe, nói, đọc viết).....	152
6.1.25.	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa).....	156
6.1.26.	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)	160
6.1.27.	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ).....	165
6.1.28.	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ).....	169
6.1.29.	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)	173
6.1.30.	Kiến tập sư phạm.....	178
6.1.31.	Thực tập tốt nghiệp.....	184
6.2.	Đội ngũ giảng viên.....	192
6.3.	Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.....	192
7.	Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo.....	192
PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ⁽⁶⁾		193

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về đơn vị đào tạo và đơn vị cấp bằng

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp
- Đơn vị đào tạo: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành:
 - + Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
 - + Tiếng Anh: Early childhood education
- Mã số ngành đào tạo: 51140201
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Giáo dục Mầm non
- Thông tin về kiểm định chất lượng: không có

3. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo giáo viên cao đẳng giáo dục mầm non có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đảm nhận tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu của xã hội; có khả năng tự duy độc lập, tinh thần hợp tác, thân thiện và cung cấp các dịch vụ cộng đồng góp phần phát triển chất lượng ngành giáo dục mầm non của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Bên cạnh đó, sau tốt nghiệp, sinh viên có khả năng định hướng chuyên môn, tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

4. Vị trí việc làm

- Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục mầm non;
- Chuyên viên phụ trách ngành Giáo dục mầm non tại các phòng/sở GD&ĐT;
- Cán bộ quản lý các nhóm trẻ tư thục;
- Chuyên viên tư vấn về chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

5. Thông tin tuyển sinh

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT;

Thí sinh có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

5.2. Phạm vi tuyển sinh:

Cả nước

5.3. Phương thức tuyển sinh:

5.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non.

5.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non.

5.3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Trường ĐHQG TP HCM và kết quả thi năng khiếu Giáo dục mầm non

6. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

7. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học; Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

8. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả:

Ngày tháng năm 2021

9. Nơi phát hành:

Trường Đại học Đồng Tháp

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA (NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON – TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG)		Đánh giá mức độ năng lực
Sau khi tốt nghiệp người học sẽ đạt được:		
1. Kiến thức		
1.1. Vận dụng được những cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.	3	
1.2. Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non; kiến thức cơ bản về tâm - sinh lí, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục	3	
1.3. Vận dụng được những kiến thức về khoa học cơ bản (Toán, Văn học, Tiếng Việt) và nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật, Múa) vào quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.	3	
1.4. Vận dụng linh hoạt các kiến thức thực tế về chương trình giáo dục mầm non, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ.	3	
1.5. Vận dụng được những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ và kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non.	3	
1.6. Vận dụng được kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành và công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	3	
2. Kỹ năng và phẩm chất đạo đức		
2.1. Kỹ năng nghề nghiệp		
2.1.1. Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục.	3	
2.1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	5	
2.1.3. Thiết kế môi trường giáo dục an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	6	
2.1.4. Tổ chức hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	5	
2.1.5. Đánh giá được chất lượng và kết quả thực hiện đối với nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non và những nhiệm vụ được giao khác.	5	
2.2. Kỹ năng mềm		
Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, ứng xử và truyền đạt hiệu quả các kiến thức, thông tin, ý tưởng, giải pháp tới mọi người; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng.	3	
2.3. Phẩm chất đạo đức		
Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ; Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên	5	
3. Mức tự chủ và trách nhiệm		
3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.	4	
3.2. Hướng dẫn, giám sát những người thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ được giao. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	4	
3.3. Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.	4	

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy:**

106 tín chỉ (TC), trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 32 TC
- Khối kiến thức chuyên nghiệp: 74 TC
 - + Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 10 TC
 - + Kiến thức cơ sở ngành: 17 TC
 - + Kiến thức chuyên ngành: 33 TC
 - + Thực hành, thực tập nghề nghiệp: 14 TC

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết

T T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾ N ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			32						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bồi dưỡng)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3

T T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾ N ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			13						
1	GE4038A	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30	0				1
2	KI4500	Nhập môn giáo dục mầm non	1	15	0				1
3	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
4	GE4038B	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45	0		GE4038A		2
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4038B		3
6	GE4011	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	45	0		GE4056		4
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			74						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			10						
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30	0				1
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30	0				1
3	GE4072N	Tâm lý học mầm non	2	30	0		GE4045		2
4	GE4074N	Giáo dục học Mầm non	2	30	0		GE4017		2
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30	0				5
II. Kiến thức cơ sở ngành			17						
1	KI4221N	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non	2	30	0				1
2	KI4220	Lý thuyết âm nhạc sơ giản mầm non	2	15	30				1
3	KI4219	Mỹ thuật mầm non	2	7	48				1
4	KI4117N	Tiếng Việt	2	30	0				2
5	KI4121	Văn học trẻ em	2	30	0				3
6	KI4222	Cơ sở toán mầm non	2	30	0				3
7	KI4224	Vệ sinh - Phòng bệnh cho trẻ mầm non	3	45	0		KI4221N		3
8	KI4002	Đánh giá kết quả giáo dục MN	2	30	0				5
III. Kiến thức chuyên ngành			33						
1	KI4238N	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	30	0		GE4072N GE4074N		2

T T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾ N ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2	KI4232N	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	3	15	60		KI4219		2
3	KI4154	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non	2	20	20				2
4	KI4255	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non	3	10	70		KI4219		3
5	KI4225	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0		GE4072N GE4074N		3
6	KI4229N	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	45	0		KI4117N		4
7	KI4233	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non	3	45	0				4
8	KI4226	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	30	30		KI4221N		4
9	KI4241	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non	3	45	0				4
10	KI4228	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán	3	45	0		KI4222		4
11	KI4254	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non	3	45	0		KI4221		5
12	KI4106N	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non	3	45	0		KI4233 KI4220		5
IV. Thực hành thực tập nghề nghiệp			14						
1	KI4401P	Rèn luyện NVSPTX 1 (Nghe, nói, đọc viết)	1	0	30			KI4117N	2
2	KI4402N	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa)	1	0	30		KI4233		5
3	KI4403	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)	1	0	30		KI4241 KI4228		5
4	KI4404	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ)	1	0	30		KI4106N KI4255		5
5	KI4405	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ)	1	0	30		KI4115 KI4254		5

T T	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾ N ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
6	KI4406	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)	1	0	30		KI4226		5
7	KI4430	Kiến tập sư phạm	2	0	60				3
8	KI4407N	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180				6
Tổng số TCTL			106						

3. Các học phần hình thành kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức theo chuẩn đầu ra đã công bố (theo thứ tự các học phần của CTĐT)

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾	
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3
A. Khối kiến thức đại cương																		
I.	Ngoại ngữ																	
1	Tiếng Anh 1						3						3				3	
2	Tiếng Anh 2						3						3				3	
II.	Giáo dục quốc phòng																	
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3												3			3	3
2	Công tác quốc phòng, an ninh	3												3			3	3
3	Quân sự chung	3												3			3	3
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	3												3			3	3
III.	Giáo dục thể chất																	
3.1	Học phần bắt buộc																	
1	Giáo dục thể chất 1	3												3			3	
2	Giáo dục thể chất 2	3												3			3	
3.2	Học phần tự chọn																	

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
1	Bóng đá	3												3		3			
2	Bóng chuyền	3												3		3			
3	Cầu lông	3												3		3			
4	Võ thuật Vovinam	3												3		3			
5	Võ thuật Karatedo	3												3		3			
6	Cờ vua	3												3		3			
7	Bóng bàn	3												3		3			
8	Bóng ném	3												3		3			
9	Bóng rổ	3												3		3			
10	Tennis	3												3		3			
11	Đá cầu	3												3		3			
IV	Đại cương chung																		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	3												3		3	3		
2	Nhập môn ngành Giáo dục Mầm non		3		3									3	3	3		3	
3	Pháp luật Việt Nam đại cương	3												3			3		
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3												3			3		

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3												3		3	3		
6	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3												3		3	3		
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																			
I.	Kiến thức cơ sở nhóm ngành																		
1	Tâm lý học đại cương	3												3		3			
2	Giáo dục học đại cương	3												3		3			
3	Tâm lý học mầm non	3												3		3			
4	Giáo dục học mầm non	3												3		3			
5	Quản lý HCNN và QL ngành GD	3												3		3			
II.	Kiến thức cơ sở ngành																		
1	Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non					3								3		3		3	
2	Lý thuyết Âm nhạc sơ giản mầm non			3										3		3		3	
3	Mỹ thuật mầm non			3										3		3		3	
4	Tiếng Việt			3										3		3		3	
5	Văn học trẻ em			3										3		3		3	

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
6	Cơ sở Toán mầm non			3										3		3		3	
7	Vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non					3									3	3		3	
8	Đánh giá kết quả giáo dục MN					3						5		3		4	4	4	
III.	Kiến thức chuyên ngành																		
1	Phương pháp tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non					3		4	3	3	5	5				4	4	4	
2	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
3	Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non						3		3							3		3	
4	Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non			3						6						3		3	
5	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non				3			4	6	3	5					4	4	4	
6	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
7	Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non			3					3		5	3				4	4	4	
8	Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
9	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
10	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán					3			3	3	5	5				4	4	4	
11	Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
12	Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non					3			3	3	5	5				4	4	4	
IV	Thực hành thực tập nghề nghiệp																		
1	Rèn luyện NVSPTX 1 (Kê, đọc, nói, viết)			3										5	3		3		
2	Rèn luyện NVSPTX 2 (Hát, múa)			3									3	5	3		3		
3	Rèn luyện NVSPTX 3 (Phát triển nhận thức)					3			6		5		3		4	4	4		
4	Rèn luyện NVSPTX 4 (Phát triển thẩm mỹ)					3			6		5		3		4	4	4		
5	Rèn luyện NVSPTX 5 (Phát triển ngôn ngữ)					3			6		5		3		4	4	4		

Số TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra																	
		Kiến thức ⁽¹⁾						Kỹ năng và Phẩm chất đạo đức ⁽²⁾									Mức tự chủ và trách nhiệm ⁽³⁾		
		KT 1.1	KT 1.2	KT 1.3	KT 1.4	KT 1.5	KT 1.6	KN 2.1.1	KN 2.1.2	KN 2.1.3	KN 2.1.4	KN 2.1.5	KN 2.1.6	KN 2.2	PC 2.3	TC 3.1	TC 3.2	TC 3.3	
6	Rèn luyện NVSPTX 6 (Phát triển thể chất)					3			6		5			3		4	4	4	
7	Kiến tập sư phạm		3											3	3	4	4	4	
8	Thực tập tốt nghiệp		3			3	3	4	6	6	5	5		3	3	4	4	4	

4. Hình thức đào tạo và phương pháp giảng dạy

4.1. Hình thức đào tạo:

Chính quy

4.2. Phương pháp giảng dạy

Luôn cải tiến các phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy đều chú trọng sử dụng phương pháp, biện pháp và kỹ thuật dạy học tích cực. Đảm bảo phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học.

Đối với nội dung học lý thuyết, đa số giảng viên sử dụng các phương pháp và biện pháp như:

+ Phương pháp trực quan: Phương pháp này được sử dụng phổ biến nhất trong đào tạo giúp học viên có thể dễ dàng hình dung những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

+ Phương pháp công não: Thường sử dụng khi bắt đầu học phần hoặc đầu giờ, giảng viên đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề kích thích học viên suy nghĩ và đưa ra phương án trả lời trong thời gian sớm nhất.

+ Phương pháp thảo luận nhóm: Giảng viên có thể đặt vấn đề từ buổi học trước hoặc đến lớp phân bổ thời gian và cho học viên tạo nhóm thảo luận và tranh luận.

+ Phương pháp giải quyết vấn đề: Thường sử dụng cho các học phần cơ sở ngành hoặc phương pháp chuyên ngành để sinh viên tư duy, huy động kiến thức và cùng nhau tìm phương án giải quyết vấn đề sao cho hợp lý và khoa học nhất.

+ Kỹ thuật khăn trải bàn: Cũng được nhiều giảng viên áp dụng, nội dung thảo luận thường được nêu ra ngay trong lớp học.

+ Phương pháp trò chơi: Phương pháp này được sử dụng rất thường xuyên vì phù hợp với đặc điểm của sinh viên ngành GDMN, sinh viên thích vừa học vừa chơi, nội dung chơi chính là nhiệm vụ học tập. Phương pháp này cũng được xem như các hình mẫu để sinh viên vận dụng trong quá trình xuống cơ sở GDMN.

Đối với nội dung thực hành, giảng viên sử dụng phương pháp rất đa dạng:

+ Phương pháp làm việc nhóm: Được sử dụng trong các học phần phương pháp chuyên ngành, học viên thảo luận lựa chọn đề tài dạy, thống nhất soạn giáo án, chuẩn bị các điều kiện cần thiết và thực hiện yêu cầu theo nhóm.

+ Phương pháp giải quyết tình huống: Các tình huống xuất phát từ thực tiễn ngành GDMN được giảng viên lồng ghép vào trong các giờ dạy hoặc thực hành để học viên phân tích và xử lý. Từ đó giúp tích lũy kinh nghiệm cho bản thân.

+ Phương pháp dạy học dự án: Có một số học phần có thể áp dụng một phần theo phương pháp này, nhằm giúp học viên được nghiên cứu sâu hơn về một mảng nội dung trong học phần chuyên ngành.

+ Phương pháp thực hành: Đây là phương pháp được sử dụng nhiều nhất, thường xuyên nhất đối với đào tạo chuyên ngành GDMN. Tổ chức cho học viên thực hành có rất nhiều hình thức rất đa dạng: theo đề tài, theo chủ đề, trong lớp, ngoài lớp, trên bàn hoặc trên trẻ mầm non.

+ Phương pháp đóng vai: Được sử dụng trong các học phần liên quan đến vấn đề Tâm lý học lứa tuổi mầm non, giáo dục học mầm non,...

5. Cách thức đánh giá kết quả học tập

- Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định

1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp;

- Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp;

- Thực hiện theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

6. Điều kiện thực hiện chương trình

6.1. Đề cương chi tiết học phần

6.1.1. NHẬP MÔN GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4500 – NHẬP MÔN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15/00/30
- Học phần điều kiện (nếu có): *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Kim Anh** Chức danh, học hàm, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988 980929 Email: ltkanh@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Lê Thị Thanh Sang** Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Nhập môn Giáo dục mầm non** là học phần đầu tiên trong khối kiến thức đại cương chung bắt buộc, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Trường, về Khoa đào tạo; vài nét khái quát về ngành giáo dục mầm non, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo toàn khóa; cách xây dựng kế hoạch học tập theo học chế tín chỉ; quy chế đào tạo, rèn luyện và những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên nắm bắt thích nghi với môi trường đại học, qua đó hình thành niềm say mê, nhiệt huyết, niềm tự hào với lựa chọn trở thành người giáo viên mầm non, phấn đấu học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt trong quá trình học tập, nghiên cứu tại trường.

Những kiến thức chung này sẽ là nền tảng cơ sở lý luận để sinh viên tự tin hơn trong môi trường học tập bậc đại học, sinh viên sẽ có thể độc lập và chủ động trong việc triển khai kế hoạch học tập của mình.

4. Mục tiêu học phần

- 4.1. Kiến thức: Khái quát hóa được những kiến thức cơ bản về Trường, Khoa và ngành giáo dục mầm non trong học tập và tham gia các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
- 4.2. Kỹ năng/ phẩm chất: Vận dụng được những kiến thức khái quát để thiết kế được kế hoạch học tập toàn khóa, lên thời gian biểu cho hoạt động học tập và rèn luyện ở trường đại học để đạt được mục tiêu học tập; Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.
- 4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; thích ứng tốt với môi trường học tập ở đại học.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Hiểu khái quát về Trường và Khoa đào tạo, về ngành Giáo dục mầm non và khung chương trình đào tạo của ngành.	1.2	2
5.1.2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non trong học tập và tham gia tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được Khung chương trình đào tạo và xây dựng được kế hoạch học tập toàn khóa; Vận dụng được các phương pháp học tập tích cực trong khám phá tri thức và kỹ năng mới về chuyên ngành.	2.1.1	3
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Thích ứng tốt với môi trường học tập ở đại học. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3.1, 3.2	3
5.3.2	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. Giới thiệu về Trường ĐH Đồng Tháp, Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non</p> <p>1.1. Giới thiệu về Trường ĐH Đồng Tháp</p> <p>1.1.1. Lịch sử phát triển</p> <p>1.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy</p> <p>1.1.3. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường</p> <p>1.1.4. Thành tích nổi bật của Trường</p> <p>1.2. Giới thiệu về khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non</p> <p>1.2.1. Lịch sử phát triển</p> <p>1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy</p> <p>1.2.3. Các bộ phận liên quan đến sinh viên</p>	02/04	5.1.1	<p>PHẦN II: -PP trực quan</p> <p>PHẦN III: Sử dụng video và hình ảnh về Trường, Khoa, Ngành GDMN</p> <p>PHẦN IV: -PP đàm thoại</p> <p>PHẦN V: Trao đổi về lịch sử Trường/Khoa; tầm nhìn, mục tiêu chất lượng của trường</p> <p>PHẦN VI: Động cơ lựa chọn ngành GDMN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu 3 - Tài liệu ghi chép - Nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của Trường, Khoa - Chuẩn bị các thông tin: Trả lời vào phiếu hỏi gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> - Bạn biết đến ĐHT qua kênh thông tin nào? - Tên Khoa bạn đang theo học? - Những đơn vị phòng ban – Khoa mà SV thường liên hệ - Những địa chỉ mà SV cần biết để hỗ trợ về học tập 	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 2. Vị trí, vai trò và đặc trưng của nghề giáo viên mầm non trong xã hội</p> <p>2.1. Vị trí của nghề giáo viên mầm non</p> <p>2.2. Vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên mầm non</p> <p>2.3 Đặc trưng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non</p>	02/04	5.1.2 5.2.2	<p>-PP Thuyết trình</p> <p>-PP đàm thoại (Nội dung 2.1)</p> <p>-PP Thảo luận nhóm (Nội dung 2.2 đến 2.3)</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Tham gia thảo luận các vấn đề (Nội dung 2.2, 2.3)</p>	9.1.3
<p>Chương 3. Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non Khóa tuyển sinh 2021</p> <p>3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo</p> <p>3.2. Khung chương trình đào tạo</p> <p>3.3. Kế hoạch học tập và rèn luyện</p>	02/04	5.1.1 5.1.2 5.2.1	<p>-PP thuyết trình, PP đàm thoại (Nội dung 3.1, 3.2)</p> <p>-PP Thực hành (Nội dung 3.3)</p> <p>Hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập cho cả khóa học</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], [2] , liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Chuẩn bị nội dung trả lời các câu hỏi đã được dẫn từ buổi trước</p> <p>- Chuẩn bị nội dung làm việc cá nhân: (1) Nhìn khung chương trình xác định các loại học phần (2)Lập kế hoạch học tập cho cả khóa học, ghi rõ các HP tiên quyết, kế hoạch tích lũy điều kiện tốt nghiệp</p>	9.1.2
<p>Chương 4. Phương pháp học tập ở đại học</p> <p>4.1. Các phương pháp dạy học tích cực</p> <p>4.2. Các kỹ thuật dạy học tích cực</p> <p>4.3. Các phương pháp học tập chuyên ngành</p>	05/10	5.2.1 5.3.1 5.3.2	<p>-PP thảo luận nhóm (Nội dung 4.1, 4.2)</p> <p>-PP Đàm thoại (Nội dung 4.3)</p> <p>PP trực quan</p> <p>Chiếu video các hình thức học tập các học phần chuyên ngành</p>	<p>- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Tham khảo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực</p>	9.1
<p>Chương 5. Kỹ năng cơ bản cần có của tân sinh viên ngành Giáo dục mầm non</p> <p>5.1. Kỹ năng thích ứng với sự thay đổi</p>	04/08	5.2.2 5.3.2	<p>-PP thảo luận nhóm (Nội dung 5.1, và 5.7)</p> <p>-Kỹ thuật khăn trải bàn</p>	<p>Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1]; liệt kê sẵn các nội dung bài học,</p>	9.1.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.2. Kỹ năng tự học 5.3. Kỹ năng giao tiếp và tạo lập mối quan hệ 5.4. Kỹ năng làm việc nhóm 5.5. Kỹ năng giải quyết vấn đề 5.6. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh, tin học 5.7. Kỹ năng xử lý thông tin				nêu câu hỏi thắc mắc. Tham khảo tài liệu [5] Chuẩn bị làm việc cá nhân: Nêu quan điểm cá nhân và quan điểm của nhóm về những kỹ năng cơ bản cần có của SV năm nhất	

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: (không có)

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Anh	Bài giảng Nhập môn nghề nghiệp	2021		Giảng viên	x	
2	ĐH Đồng Tháp	Sổ tay sinh viên	2021		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Hồ Lam Hồng	Nghề giáo viên mầm non	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD và ĐT	Thông tư Số: 26/2018/TT-BGDĐT, ngày 08 tháng 10 năm 2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non	2018		Mạng internet		x
5	Huỳnh Văn Sơn và các tác giả	Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm	2012	GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5	5.1; 5.2; 5.3	1,0
9.1.1	Chuyên cần	- Dự lớp, tham gia làm việc nhóm. - Tham gia xây dựng bài.	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 3	5.2.1 5.3.1	
9.1.3	Bài tập nhóm	Chương 5	5.1.1 5.2.1 5.3.1	
9.2	Bài thu hoạch đánh giá học phần - Hình thức: Bài thu hoạch	Chương 1, Chương 2, Chương 4 - Điều kiện được đánh giá: <u>Tham dự ít nhất 80 %</u> tổng số tiết của học phần	5.1 đến 5.3	

6.1.2. TÂM LÝ HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: GE4072N - TÂM LÝ HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện: Tâm lý học đại cương
- Học kỳ: Năm học: 2021 – 2022

2. Thông tin về giảng viên:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Đinh Ngọc Thắng** Chức danh, học vị: GV, Ths
- Điện thoại: 0909196802 Email: dnthang@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa SPKHXH

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Xuân Đài** Chức danh, học vị: GV, Ths
- Điện thoại: 0908.299.776 E-mail: ntxdai@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa SPKHXH

3. Tổng quan về học phần

Học phần “Tâm lý học mầm non” là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giúp trang bị cho sinh viên/học viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm điển hình về các chức năng tâm lý của trẻ em từ 0-6 tuổi. Từ đó, sinh viên/học viên có thể vận dụng những kiến thức tâm lý học mầm non vào quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Sinh viên/học viên hiểu được những kiến thức cơ bản – tổng quan về tâm lý học MN.
- 4.1.2. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em sơ sinh.
- 4.1.3. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em hài nhi
- 4.1.4. Sinh viên/học viên phân tích được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em ấu nhi.
- 4.1.5. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.
- 4.1.6. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỡ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.
- 4.1.7. Sinh viên/học viên vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo lớn vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp.

4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học mầm non.
- 4.2.2. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn sơ sinh.
- 4.2.3. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn hài nhi.

4.2.4. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn ấu nhi.

4.2.5. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ.

4.2.6. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỡ.

4.2.7. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo lớn.

4.2.8. Sinh viên/học viên chuẩn xác trong việc tiến hành các biện pháp khoa học, phù hợp nhằm phát triển các chức tâm lý mới ở các giai đoạn lứa tuổi trẻ em khác nhau.

4.3. Phẩm chất đạo đức

4.3.1. Sinh viên/học viên hồi đáp rõ ràng thái độ trân trọng các kiến thức, thành tựu nghiên cứu về tâm lý học mầm non.

4.3.2. Sinh viên/học viên hồi đáp rõ ràng thái độ tích cực, chủ động và thái độ hứng thú, say mê trong quá trình nghe giảng, thực hiện các bài tập, yêu cầu, nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao.

4.4. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

4.4.1. Sinh viên/học viên hồi đáp thái độ tích cực, chủ động, hào hứng trong quá trình học tập học phần.

4.4.2. Sinh viên/học viên đánh giá được mức độ hình thành và phát triển các kỹ năng tương ứng.

4.4.3. Sinh viên/học viên tổ chức quá trình tự học – tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt.

4.4.3. Sinh viên/học viên hình thành những nét tích cách đặc thù, tích cực, phù hợp của giáo viên khi sử dụng các kiến thức tâm lý học để chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Hiểu được những kiến thức cơ bản – tổng quan về tâm lý học mầm non	1.2.4	2
5.1.2	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em sơ sinh	1.2.4	2
5.1.3	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em hài nhi	1.2.4	2
5.1.4	Hiểu được toàn diện - sâu sắc sự phát triển tâm lý trẻ em ấu nhi	1.2.4	2
5.1.5	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỏ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.1.6	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo nhỡ vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.1.7	Vận dụng hiệu quả kiến thức tâm lý học trẻ em mẫu giáo lớn vào giải quyết các yêu cầu của nghề nghiệp	1.2.4	3
5.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Chuẩn xác trong việc nhận diện đối tượng, nhiệm vụ, vị trí của tâm lý học mầm non	2.1.2.1	3
5.2.2	Chuẩn xác trong nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn sơ sinh	2.1.2.1	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.3	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn hài nhi	2.1.2.1	3
5.2.4	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn ấu nhi	2.1.2.1	3
5.2.5	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ	2.1.2.1	3
5.2.6	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo nhỏ	2.1.2.1	3
5.2.7	Chuẩn xác trong việc nhận diện – xác định quá trình hình thành, phát triển tâm lý và những đặc điểm tâm lý điển hình của trẻ em giai đoạn mẫu giáo lớn	2.1.2.1	3
5.2.8	Chuẩn xác trong việc tiến hành các biện pháp khoa học, phù hợp nhằm phát triển các chức năng tâm lý mới ở các giai đoạn lứa tuổi trẻ em khác nhau	2.1.2.1	3
5.2.9	Hồi đáp rõ ràng thái độ trân trọng các kiến thức, thành tựu nghiên cứu về tâm lý học mầm non	2.3.1	2
5.2.10	Hồi đáp rõ ràng thái độ tích cực, chủ động và thái độ hứng thú, say mê trong quá trình nghe giảng, thực hiện các bài tập, yêu cầu, nhiệm vụ học tập mà giảng viên giao	2.3.2	2
5.3. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
5.3.1	Hồi đáp thái độ tích cực, chủ động, hào hứng trong quá trình học tập học phần	3.1.1	2
5.3.2	Đánh giá được mức độ hình thành và phát triển các kỹ năng tương ứng	3.1.2	3
5.3.3	Tổ chức quá trình tự học – tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm tốt	3.2.1	4
5.3.4	Hình thành những nét tích cách đặc thù, tích cực, phù hợp của giáo viên khi sử dụng các kiến thức tâm lý học để chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non	3.2.2 3.2.3	5

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÂM LÝ HỌC MẦM NON 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học mầm non 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.2. Khái niệm về trẻ em	2	5.1.1 5.2.1 5.2.9 5.2.10 5.3.1 5.3.2	- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng. - Đàm thoại – gợi mở. - Trực quan.	Cần nghiên cứu tài liệu: [1, Chương 1; 2 và 3]; [2, Chương 1; 2; và 3]; [10]	HĐ 9.1 HĐ 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>1.2.1. Các quan niệm về trẻ em</p> <p>1.2.2. Quan điểm tâm lý học về trẻ em</p> <p>1.3. Các quy luật phát triển của tâm lý trẻ em</p> <p>1.3.1. Nguyên lý phát triển</p> <p>1.3.2. Tính không đồng đều của sự phát triển</p> <p>1.3.3. Nguyên lý về các mối quan hệ giữa trẻ em với các thành tố của môi trường sống</p> <p>1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>1.4.1. Điều kiện sinh học (di truyền – bẩm sinh)</p> <p>1.4.2. Gia đình</p> <p>1.4.3. Văn hóa xã hội</p> <p>1.4.4. Hoạt động – giao tiếp</p> <p>1.4.5. Giáo dục</p> <p>1.5. Các giai đoạn phát triển của lứa tuổi trẻ em từ: 0 – 6 tuổi</p> <p>1.5.1. Các tiêu chí để phân định các giai đoạn phát triển tâm lý</p> <p>1.5.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi trẻ em</p>			- Tự học.		
<p>CHƯƠNG 2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM SƠ SINH (0-2 THÁNG)</p> <p>2.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>2.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>2.2. Sự phát triển vận động – vai trò của phản xạ không điều kiện và sự hình thành phản xạ có điều kiện</p> <p>2.2.1. Vận động do phản xạ không điều kiện chi phối</p> <p>2.2.2. Hình thành phản xạ có điều kiện và sự tham gia vào quá trình vận động</p> <p>2.3. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.3.1. Cảm giác – tình trạng chưa phân định</p> <p>2.3.2. Nhu cầu tiếp nhận các ấn tượng từ thế giới bên ngoài</p> <p>2.4. Mối quan hệ gắn bó mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em giai đoạn sơ sinh</p> <p>2.4.1. Cơ sở hình thành mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p>	4	<p>5.1.2</p> <p>5.2.2</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p> <p>5.3.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>[1, Chương 4];</p> <p>[2, Chương 12];</p> <p>[3, Chương 5];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [8]; [9, Chương 1; 2; 3; 4; 5]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.4.2. Các kiểu quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p> <p>2.4.3. Vai trò của các mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em sơ sinh</p> <p>2.5. Phức cảm hơn hờ - thành tựu hình thành và phát triển tâm lý của trẻ em sơ sinh</p> <p>2.5.1. Biểu hiện của phức cảm hơn hờ</p> <p>2.5.2. Những chức năng tâm lý tham gia vào phức cảm hơn hờ</p>					
<p>CHƯƠNG 3. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM HÀI NHI (2-15 THÁNG)</p> <p>3.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em hài nhi</p> <p>3.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>3.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>3.2. Sự phát triển vận động – sự tham gia mạnh mẽ của phản xạ có điều kiện</p> <p>3.2.1. Sự tham gia của phản xạ có điều kiện vào vận động của trẻ em hài nhi</p> <p>3.2.2. Phản ứng vòng tròn (J. Peaget) với vận động của trẻ em hài nhi</p> <p>3.2.3. Các mức độ phát triển vận động theo thời gian của trẻ em hài nhi</p> <p>3.3. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ em hài nhi</p> <p>3.3.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>3.3.2. Sự phát triển tâm vận động, hành động với đồ vật và định hướng vào môi trường xung quanh</p> <p>3.4. Sự phát triển mối quan hệ gắn bó mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em hài nhi và sự hình thành xúc cảm ở trẻ em hài nhi</p> <p>3.4.1. Giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo</p> <p>3.4.2. Lý thuyết gắn bó của John Bowlby</p> <p>2.4.3. Vai trò của các mối quan hệ gắn bó giữa mẹ/người chăm sóc với con/trẻ em hài nhi</p> <p>2.4.4. Sự hình thành và biểu hiện xúc cảm ở trẻ em hài nhi</p> <p>2.5. Hình thành tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ</p> <p>2.5.1. Biểu hiện về các tiền đề của sự lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ em hài nhi</p> <p>2.5.2. Một số các yếu tố kích thích sự lĩnh hội ngôn ngữ ở trẻ em hài nhi</p>	5	<p>5.1.3</p> <p>5.2.3</p> <p>5.2.8</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p> <p>5.3.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 4];</p> <p>[2, Chương 12];</p> <p>[3, Chương 5];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [8]; [9, Chương 6; 7 và 8]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 4. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ EM ẬU NHI (15 – 36 THÁNG)</p> <p>4.1. Sự phát triển sinh lý – cơ thể của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.1.1. Phát triển về mặt thể chất</p> <p>4.1.2. Hoạt động của các giác quan và hệ thần kinh</p> <p>4.2. Sự phát triển vận động – sự tham gia của phản xạ có điều kiện và phản xạ công cụ</p> <p>3.2.1. Sự tham gia của phản xạ có điều kiện vào vận động của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.2.2. Sự hình thành và tham gia của phản xạ công cụ vào vận động của trẻ ấu nhi</p> <p>4.2.3. Các hình thức vận động của trẻ ấu nhi</p> <p>4.2.4. Đi theo tư thế thẳng đứng – Hình thái vận động đặc trưng của con người</p> <p>4.3. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ em ấu nhi</p> <p>4.3.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>4.3.2. Tư duy hành động với đồ vật</p> <p>4.4. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi</p> <p>4.4.1. Các loại hành động với đồ vật</p> <p>4.4.2. Vai trò của hoạt động với đồ vật với sự phát triển các chức năng tâm lý của trẻ ấu nhi</p> <p>4.4.3. Sự phát triển nhận thức của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật</p> <p>4.4.4. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật</p> <p>4.5. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách</p> <p>4.5.1. Sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong – tâm trí</p> <p>4.5.2. Sự phát triển và biểu hiện xúc cảm, tình cảm của trẻ ấu nhi</p> <p>4.5.3. Sự xuất hiện tự ý thức ở trẻ ấu nhi</p> <p>4.6. Khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.1. Nguyên nhân của khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.2. Các biểu hiện của khủng hoảng tâm lý “tuổi lên 3”</p> <p>4.6.3. Một số biện pháp tác động giúp trẻ ấu nhi vượt qua khủng hoảng tâm lý</p>	5	<p>5.1.4</p> <p>5.2.4</p> <p>5.2.8</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 5];</p> <p>[2, Chương 13];</p> <p>[3, Chương 5];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [6, 15-132];</p> <p>[7, 11-258];</p> <p>[8]; [9, Chương 9; 10 và 11];</p> <p>[10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 5. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO NHỎ (3 – 4 TUỔI)</p> <p>5.1. Sự thay đổi hoạt động chủ đạo – hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.1. Khái niệm về hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.2. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em mẫu giáo (3 – 6 tuổi)</p> <p>5.1.3. Đặc điểm của hoạt động vui chơi</p> <p>5.1.4. Cấu trúc của trò chơi đóng vai theo chủ đề</p> <p>5.1.5. Trò chơi đóng vai theo chủ đề với trẻ em mẫu giáo nhỏ</p> <p>5.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ mẫu giáo nhỏ</p> <p>5.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>5.2.2. Tư duy trực quan hình ảnh</p> <p>5.2.3. Tưởng tượng nảy sinh trong vui chơi</p> <p>5.2.4. Phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ tự trị</p> <p>5.3. Sự hình thành ý thức về bản thân</p> <p>5.3.1. Sự nhận thức về bản thân</p> <p>5.3.2. Sự phát triển xúc cảm – tình cảm</p> <p>5.3.3. Sự xuất hiện động cơ hành vi</p>	5	5.1.5 5.2.5 5.2.8 5.2.9 5.2.10 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học. 	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>[1, Chương 7]; [2, Chương 14; 15]; [3, Chương 6]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 11; 12]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1 HĐ 9.2 HĐ 9.3</p>
<p>CHƯƠNG 6. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO NHỎ (4 – 5 TUỔI)</p> <p>6.1. Sự phát triển hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.1. Hoàn thiện hoạt động vui chơi và hình thành “xã hội trẻ em”</p> <p>6.1.2. Biểu hiện rõ tính tự lực, tự do và chủ động trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.3. Thiết lập và mở rộng các mối quan hệ xã hội trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.1.4. Trò chơi đóng vai theo chủ đề với trẻ em mẫu giáo nhỏ</p> <p>6.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ mẫu giáo nhỏ</p> <p>6.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>6.2.2. Tư duy trực quan hình ảnh – biểu tượng (hình tượng)</p> <p>6.2.3. Tưởng tượng phát triển mạnh trong hoạt động vui chơi</p> <p>6.2.4. Phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ mang tính xã hội</p> <p>6.3. Sự phát triển ý thức và tự ý thức của trẻ em mẫu giáo nhỏ</p>	4	5.1.6 5.2.6 5.2.8 5.2.9 5.2.10 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình nêu - vấn đề, diễn giảng và giảng thuật. - Đàm thoại gợi mở. - Trực quan. - Làm việc nhóm. - Tự học. 	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 8); [2, Chương 14; 15]; [3, Chương 6]; [4, Chương 2]; [5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 13]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1 HĐ 9.2 HĐ 9.3</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>6.3.1. Sự nhận thức về bản thân và bước đầu đánh giá về bản thân</p> <p>6.3.2. Phát triển đời sống xúc cảm - tình cảm</p> <p>6.3.3. Sự phát triển động cơ hành vi và sự hình thành hệ thống thứ bậc các động cơ</p> <p>6.3.4. Các dạng hoạt động khác của trẻ mẫu giáo nhờ</p>					
<p>CHƯƠNG 7. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ TRẺ EM MẪU GIÁO LỚN (5 – 6 TUỔI)</p> <p>7.1. Sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ em mẫu giáo lớn</p> <p>7.1.1. Kết hợp hoạt động vui chơi với các hoạt động khác</p> <p>7.1.2. Phát triển tính tự lực, độc lập và chủ động trong hoạt động vui chơi</p> <p>7.1.3. Những hình thức sơ đẳng của hoạt động lao động</p> <p>7.2. Đặc điểm phát triển nhận thức – trí tuệ của trẻ em mẫu giáo lớn</p> <p>7.2.1. Đặc điểm phát triển các quá trình nhận thức</p> <p>7.2.2. Tư duy trực quan hình tượng và tư duy sơ đồ</p> <p>7.2.3. Đặc điểm phát triển tưởng tượng</p> <p>7.2.4. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ - thành thạo tiếng mẹ đẻ</p> <p>7.3. Sự phát triển ý thức và tự ý thức của trẻ em mẫu giáo lớn</p> <p>7.3.1. Sự nhận thức và đánh giá bản thân (ý thức bản ngã)</p> <p>7.3.2. Phát triển đời sống xúc cảm - tình cảm</p> <p>7.3.3. Phát triển tính chủ định trong hoạt động tâm lý</p> <p>7.4. Bước ngoặt 6 tuổi</p> <p>7.4.1. Sự thay đổi các điều kiện của môi trường sống</p> <p>7.4.2. Sự nảy sinh các yếu tố của hoạt động học tập</p> <p>7.4.3. Chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho trẻ bước vào trường tiểu học</p>	5	<p>5.1.7</p> <p>5.2.7</p> <p>5.2.8</p> <p>5.2.9</p> <p>5.2.10</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình nêu vấn đề, diễn giảng và giảng thuật.</p> <p>- Đàm thoại gợi mở.</p> <p>- Trực quan.</p> <p>- Làm việc nhóm.</p> <p>- Tự học.</p>	<p>Cần nghiên cứu tài liệu:</p> <p>1, Chương 9];</p> <p>[2, Chương 14; 15];</p> <p>[3, Chương 6];</p> <p>[4, Chương 2];</p> <p>[5]; [6, 133-320]; [7, 259-374]; [8]; [9, Chương 14; 15]; [10].</p>	<p>HĐ 9.1</p> <p>HĐ 9.2</p> <p>HĐ 9.3</p>
Tổng:	30				

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

7. Tài liệu học tập

Số TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm XB	Nhà XB	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL - chính	Tham khảo
1	Nguyễn Ánh Tuyết Nguyễn Thị Như Mai Đinh Thị Kim Thoa	Giáo trình: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)	2014	ĐHSP HÀ NỘI	Thư viện	X	
2	Nguyễn Thị Bích Thủy Nguyễn Thị Anh Thư	Giáo trình: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (Từ lọt lòng đến 6 tuổi)	2005	Hà Nội	Thư viện		X
3	Dương Thị Diệu Hoa Nguyễn Ánh Tuyết Nguyễn Kế Hào Phan Trọng Ngộ Đỗ Thị Hạnh Phúc	Giáo trình tâm lý học phát triển (Giáo trình dùng cho sinh viên hệ cử nhân không chuyên – chuyên ngành Tâm lý học)	2008	ĐHSP	Thư viện		X
4	Vũ Thị Nho	Giáo trình Tâm lý học phát triển	2008	ĐHQG Hà Nội	Thư viện		X
5	Tiền Nguyên Vĩ (Phương Linh – dịch)	Bách khoa thư giáo dục và phát triển tâm lý - tính cách trẻ 0-6 tuổi	2020	Phụ nữ Việt Nam	Thư viện	X	
6	Jean Peaget (Nguyễn Xuân Khánh, Hoàng Hưng – dịch)	Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em	2017	Tri Thức	Thư viện		X
7	Jean Peaget (Hoàng Hưng – dịch)	Sự xây dựng các thực ở trẻ em	2017	Tri Thức	Thư viện		X
8	Tracy Hogg & Melinda Blau (Hachun Lyonnet, Mẹ Ong Bông, Trần Huyền– dịch)	Độc vị mọi vấn đề của trẻ Giải mã mọi vấn đề về nuôi con nhỏ: Ăn – ngủ - kỷ luật hành vi	2019	Lao Động	Thư viện		X
9	Thérèse Gouin - Décarie (Nguyễn Hiến Lê dịch)	Thế giới bí mật của trẻ em	2015	Hồng Đức	Thư viện		X
10	Vũ Dũng	Từ điển thuật ngữ tâm lý học	2012	Từ điển Bách khoa	Thư viện		X

8. Tài liệu học tập

- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập và nghiên cứu tài liệu theo chỉ dẫn của giảng viên thông qua “Đề cương chi tiết môn học”.
- Vắng không quá 20 % số tiết trên lớp của môn học.
- Làm việc nhóm và thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nhiệm vụ của giảng viên giao cho.

9. Đánh giá kết quả học tập

HD	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá	TS
9.1	Lên lớp đầy đủ, tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài học	Các nội dung của học phần	0,05
9.2	Bài tập trên lớp - về nhà; Làm việc nhóm... có nộp kết quả - sản phẩm → theo hướng dẫn cụ thể của giảng viên	Theo từng nội dung học tập của học phần, được giảng viên phân công cho từng cá nhân và nhóm	0,15
9.3	Kiểm tra thường kì	Tập trung vào Chương 5; 6; 7	0,2
9.4	Thi kết thúc môn học	Toàn bộ học phần	0,6

6.1.3. GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: GE4074 – GIÁO DỤC HỌC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30
- Học phần điều kiện: GDH đại cương
- Học kỳ: 2 Năm học: 2021-2022

2. Thông tin về giảng viên:

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Nguyễn Kim Chuyên** Chức danh, học vị: GVC, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0983 597 075 Email: kimchuyen62020@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc Hà** Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0989 707 323 Email: ntnha@dtu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: **Huỳnh Mộng Tuyền** Chức danh, học vị: PGS, GVCC, TS
- Điện thoại: 0919 231 707 Email: huynhmongtuyen010@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Sư phạm khoa học xã hội

3. Tổng quan về học phần

Học phần Giáo dục học mầm non là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành giúp sinh viên hiểu biết về quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và biết cách thực hiện hiệu quả nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tìm thấy niềm vui, hạnh phúc trong lao động sư phạm.

4. Mục tiêu học phần

- 4.1. Sinh viên hiểu, biết những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của Giáo dục học mầm non;
- 4.2. Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương pháp giáo dục vào việc chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non;
- 4.3. Bước đầu có khả năng thiết kế, tổ chức, xử lý tình huống, đánh giá kết quả giáo dục mầm non;
- 4.4. Tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo trong học tập, trải nghiệm học phần Giáo dục học Mầm non;
- 4.5. Trải nghiệm kỹ năng học tập, giao tiếp, nghề nghiệp;
- 4.6. Ý thức tầm quan trọng nghề, cảm thấy yêu thích nghề giáo viên mầm non.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Sinh viên hiểu đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non.	1.2.3 1.2.4	2
5.1.2	Sinh viên giải thích, phân tích, liên hệ thực tiễn: Nhiệm vụ; Nguyên tắc; Phương pháp giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non; Tổ chức các hoạt động		3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
	chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non; Phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ mầm non.	1.2.3 1.2.4 1.3.10	4
5.2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Sinh viên phân tích, đánh giá những vấn đề cơ bản của lý luận, thực tiễn giáo dục mầm non.	1.3.7	2
5.2.2	Bước đầu có khả năng thiết kế, tổ chức, xử lý tình huống, đánh giá quá trình giáo dục ở trường mầm non.	2.1.3.1 2.1.3.2 2.1.4.1	2
5.2.3	Sưu tầm, xử lý thông tin, trình bày được kết quả tự học, nhận xét đánh giá kết quả học tập, hợp tác,...	2.1.3.1	3
5.2.4	Tự học giáo dục học mầm non để tự hoàn thiện phẩm chất và năng lực sư phạm của bản thân.	2.1.1.1	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chủ động tiếp nhận, làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	3.1.2	3
5.3.2	Có thái độ tôn trọng, thích học Giáo dục học mầm non, tăng cường lòng yêu nghề, yêu trẻ, hoàn thiện nhân cách, có lòng tự hào về nghề giáo viên mầm non, tích cực nghiên cứu về khoa học giáo dục mầm non.	2.3.1 2.3.2	3
5.3.3	Đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có lối sống lành mạnh, văn minh, có tác phong mẫu mực trong giao tiếp, ứng xử.	2.3.1 2.3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON (GDMN) 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non 1.1.1. Đối tượng 1.1.2. Nhiệm vụ 1.1.3. Phương pháp cứu giáo dục học mầm non 1.2. Mục tiêu và nhiệm vụ của giáo dục mầm non 1.2.1. Mục tiêu 1.2.2. Nhiệm vụ của giáo dục mầm non 1.3. Bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân	4	5.1.1 5.2.1 5.3.1 5.3.2	Làm việc với sách; Trực quan Thuyết trình, Vấn đáp, Thảo luận nhóm Nhận xét, đánh giá	SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5]; [6];[7] SV chuẩn bị theo các yêu cầu của GV - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn, - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3 #T 9.5
Chương 2. GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON	10	5.1.2	Làm việc với sách;	SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5];	#CC

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.1. Cơ sở khoa học của việc giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.1.1. Cơ sở triết học</p> <p>2.1.2. Cơ sở sinh lý học</p> <p>2.1.3. Cơ sở tâm lý học</p> <p>2.1.4. Cơ sở xã hội học</p> <p>2.2. Một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.2.1. Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em</p> <p>2.2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ</p> <p>2.2.2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo</p> <p>2.3. Nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non</p> <p>2.3.1. Giáo dục thể chất</p> <p>2.3.2. Giáo dục đạo đức</p> <p>2.3.3. Giáo dục trí tuệ</p> <p>2.3.4. Giáo dục thẩm mỹ</p> <p>2.3.5. Giáo dục lao động</p> <p>2.4. Nguyên tắc giáo dục trẻ mầm non</p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Một số nguyên tắc giáo dục cơ bản</p> <p>2.5. Phương pháp giáo dục trẻ mầm non</p> <p>2.5.1. Khái niệm</p> <p>2.5.2. Một số phương pháp giáo dục trẻ mầm non</p>		<p>5.2.2</p> <p>5.2.3</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p>	<p>Trực quan</p> <p>Thuyết trình, Vấn đáp,</p> <p>Tình huống</p> <p>Thảo luận nhóm</p> <p>Trò chơi</p> <p>Nhận xét, đánh giá</p>	<p>[6]; [7]</p> <p>- Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn,</p> <p>- GV cho SV xem các clip về các nhiệm vụ và phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non để SV nhận diện, xác định các nhiệm vụ, phương pháp giáo dục và rút ra những bài học kinh nghiệm giáo dục.</p> <p>-Thực hành trải nghiệm các nhiệm vụ, phương pháp giáo dục trẻ mầm non</p> <p>- Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng.</p>	<p>9.1</p> <p>#TH</p> <p>9.2</p> <p>#BCN</p> <p>9.3</p> <p>#KT</p> <p>9.4</p> <p>#T</p> <p>9.5</p>
<p>Chương 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ EM Ở TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt</p> <p>3.1.2. Nguyên tắc xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non</p> <p>3.1.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non</p> <p>3.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường mầm non</p> <p>3.2.1. Hoạt động giao tiếp</p> <p>3.2.2. Hoạt động với đồ vật</p> <p>3.2.3. Hoạt động vui chơi</p> <p>3.2.4. Hoạt động học tập</p> <p>3.2.5. Tổ chức ngày hội, ngày lễ</p>	14	<p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.2.3</p> <p>5.2.4</p> <p>5.3.1</p> <p>5.3.2</p>	<p>Làm việc với sách;</p> <p>Trực quan</p> <p>Tình huống</p> <p>Thuyết trình, Vấn đáp, Thực hành, Kiểm tra, đánh giá.</p>	<p>SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5]; [6];[7];[8]</p> <p>- Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn,</p> <p>- Xem video clip, Phân tích đánh giá thực trạng việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non trong hoạt động DH/GD cụ thể.</p> <p>-Thực hành trải nghiệm tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em ở trường mầm non</p>	<p>#CC</p> <p>9.1</p> <p>#TH</p> <p>9.2</p> <p>#BCN</p> <p>9.3</p> <p>#KT</p> <p>9.4</p> <p>#T</p> <p>9.5</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	
<p>Chương 4: PHỐI HỢP GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>4.1. Giáo dục gia đình và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển nhân cách trẻ em</p> <p>4.1.1. Khái niệm về gia đình.</p> <p>4.1.2. Khái niệm về giáo dục gia đình.</p> <p>4.1.3. Phương thức giáo dục trẻ trong gia đình.</p> <p>4.1.4. Ý nghĩa của GD gia đình đối với sự phát triển nhân cách trẻ em</p> <p>4.2. Sự phối hợp giữa gia đình và trường mầm non trong việc giáo dục trẻ em</p> <p>4.2.1. Ý nghĩa của sự phối hợp giữa gia đình và trường mầm non trong việc giáo dục trẻ em</p> <p>4.2.2. Nội dung và các hình thức phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác GD trẻ em</p>	2	5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1 5.3.2 5.3.3	Làm việc với sách; Trực quan Tình huống Thuyết trình, Vấn đáp, Thực hành, Kiểm tra, đánh giá.	SV nghiên cứu tài liệu:7[1];[2];[3];[5]; [6];[7];[8] - Lên lớp thảo luận nhóm, trình bày, đặt câu hỏi chất vấn, - Thực hành xử lý các tình huống phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và rút ra những bài học cho bản thân. - Hệ thống hóa, củng cố kiến thức, kỹ năng	#CC 9.1 #TH 9.2 #BCN 9.3 #KT 9.4 #T 9.5

6.1.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế :

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL chính	TL tham khảo
1	Đình Văn Vang	Giáo dục học mầm non	2008	NXB Giáo dục	Thư viện Lê Vũ Hùng	X	
2	Giảng viên giảng dạy học phần	Bài giảng học phần GDH mầm non	2021	TL của GV biên soạn	GV giảng dạy cung cấp		X
3	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X
4	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non Nhà trẻ (3 - 36 tháng)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X
5	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm,	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình	2017	NXB GD Việt nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL chính	TL tham khảo
	PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	giáo dục mầm non MG bé (3 - 4 tuổi)					
6	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non MG nhỡ (4 - 5 tuổi)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng;		X
7	TS. Trần Thu Hương, TS. Thị Ngọc Trâm, PGS.TS. Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non MG lớn (5 - 6 tuổi)	2017	NXB GD Việt Nam	Thư viện Lê Vũ Hùng		X
8	Nguyễn Ánh Tuyết	Bài tập thực hành Tâm lý học và Giáo dục học	1992	NXB GD	Thư viện Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Thực hiện đúng các quy định của SV trong học tập, rèn luyện, không sử dụng điện thoại vào việc riêng trong quá trình học tập trên lớp;
- Có đề cương chi tiết học phần, các tài liệu bắt buộc trong học tập;
- Tích cực tự học, tự nghiên cứu, hợp tác với bạn chuẩn bị trước theo yêu cầu câu hỏi, những bài tập, thực hành, trải nghiệm thực tiễn giáo dục.
- Tích cực thể hiện trên lớp trong trình bày, thảo luận, thực hành, trải nghiệm, nhận xét, đánh giá kết quả học tập.
- Thể hiện sự chuyên nghiệp: Phản hồi nhanh, tự tin, thân thiện, thể hiện văn hóa; Nói to, rõ, tốc độ phù hợp; Phong cách, biểu hiện giao tiếp phù hợp.
- Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết (6 tiết) sẽ không đủ điều kiện hoàn thành môn học.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	- Chuyên cần (Quan sát ghi nhận biểu hiện ý thức tổ chức, kỷ luật trong học tập của SV)	Tham gia học trên lớp đảm bảo thời gian, đủ phương tiện, điều kiện, tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ học tập và thực hiện đúng quy định học tập, rèn luyện của SV.	5.1 5.2 5.3	0,1
9.2	- Sản phẩm tự học (Sưu tầm bài báo, Video, trả lời câu hỏi, làm các bài tập,	Số và chất lượng sản phẩm bài tập, tự học theo mục tiêu, nội dung, yêu cầu học phần.	5.1.1 5.1.2 5.2.1	0,1

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
	xử lý các tình huống, chuẩn bị thực hành trải nghiệm)		5.2.2	
9.3	- Báo cáo nhóm (Quan sát, ghi nhận tích cực, kết quả tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm của nhóm)	Trình bày, báo cáo kết quả của nhóm; Đóng góp ý kiến, phân biện về các vấn đề học tập; Tham gia thực hành, trải nghiệm theo mục tiêu, nội dung, yêu cầu học phần.	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3	0,2
9.4	Kiểm tra thường kỳ	Nội dung bao gồm trong: Chương 2 Chương 3 Chương 4	5.1.2 5.2.1 5.2.2	0,1
9.5	Thi kết thúc HP (Tự luận - 90 phút)	Toàn bộ học phần	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.4	0,5

Ghi chú: Đánh giá quá trình trọng số 0,5 (Trung bình cộng 9.1 đến 9.4) và thi kết thúc học phần 0,5

6.1.4. SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4221N - SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT CỦA TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (27/03/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): không
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Nguyễn Thị Ngọc Thu. Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ
- Điện thoại: 0919.560 600. Email: ngocthukhoasinh@gmail.com
- Đơn vị : Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.

2.2. Giảng viên 2:

- Trần Thị Kim Thúy. Chức danh, học vị: Giảng viên chính, thạc sĩ
- Điện thoại: 0944.821039. Email: ttkthuy26@gmail.com
- Đơn vị : Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non.

3. Tổng quan về học phần

Học phần Sự phát triển thể chất của trẻ mầm non là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò quan trọng trong chương trình ngành giáo dục mầm non giúp hình thành tri thức cho sinh viên trong việc nghiên cứu quá trình phát triển các chỉ số thể chất diễn ra trong cơ thể ở lứa tuổi mầm non, hiểu được cơ thể trẻ có những đặc điểm khác so với người lớn; Nội dung của học phần là cơ sở cho nhiều môn học khác như: tâm lí học mầm non, giáo dục học mầm non, vệ sinh phòng bệnh cho trẻ mầm non; giúp người học có những kiến thức, kĩ năng, thái độ về sự phát triển của trẻ và từ đó có biện pháp chăm sóc trẻ tốt hơn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Hiểu biết khái quát về quá trình hình thành và phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em; đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản các hệ cơ quan cơ thể trẻ em. Giải thích được các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em và cơ chế hoạt động của chúng.

4.2. Kỹ năng

Đo được các chỉ số phát triển thể chất bình thường của trẻ so với người lớn. Vận dụng được kiến thức cơ sở để giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến sự phát triển thể chất của trẻ, đề xuất các biện pháp vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ em. Thực hiện được các thao tác cân, đo, đếm nhịp tim của trẻ đảm bảo đúng quy trình và chính xác. Lập được biểu đồ theo dõi và đánh giá được sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non. Yêu mến trẻ và có hứng thú, cảm xúc tích cực khi chăm sóc sự phát triển thể chất cho trẻ. Thực hiện được các hành vi cơ bản, tích cực trong việc vệ sinh, chăm sóc, bảo vệ các cơ quan của trẻ.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được kiến thức về sự phát triển của trẻ em qua các giai đoạn và các quy luật sinh trưởng, phát triển thể chất trẻ em. đặc điểm cấu tạo và chức năng cơ bản hệ cơ quan để giáo dục trẻ em trong tổ chức các hạt động chăm sóc và giáo dục	1.2	3
5.1.2	Phân tích kiến thức về các hiện tượng sinh lí trong quá trình phát triển của trẻ em vào quá trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch chăm sóc-giáo dục trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ	2.3	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm với công việc, thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1. Cấu tạo chung của cơ thể trẻ em 1.1. Cơ thể con người là một khối thống nhất 1.1.1. Sự thống nhất về đơn vị cấu tạo 1.1.2. Sự thống nhất giữa cấu tạo và chức phận 1.1.3. Sự thống nhất giữa đồng hóa và dị hóa 1.1.4. Sự thống nhất giữa các cơ quan và các hệ cơ quan trong cơ thể 1.2. Quá trình phát triển của cơ thể trẻ em 1.3. Các chỉ số đánh giá phát triển thể chất của trẻ em 1.3.1. Các chỉ số thể chất của trẻ em 1.3.2. Một số chỉ số thể chất của trẻ em lứa tuổi mầm non 1.3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất của trẻ em lứa tuổi MN 1.4. Các qui luật sinh trưởng và phát triển của trẻ em. 1.4.1. Qui luật phát triển theo giai đoạn 1.4.2. Qui luật phát triển không đồng thì và không đồng tốc 1.5. Các giai đoạn phát triển của trẻ em 1.5.1. Phát triển phôi thai 1.5.2. Phát triển sau phôi thai	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1	- Thuyết trình, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm -GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 1. - Đọc thêm TLHT [2],[4] ứng với nội dung liên quan	9.1.1 9.1.3 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 2. Cơ quan phân tích 2.1. Đại cương về các cơ quan phân tích 2.2. Cấu tạo và chức phận của các cơ quan phân tích 2.2.1. Cấu tạo và chức phận của da 2.2.2. Cơ quan phân tích thính giác 2.2.3. Cơ quan phân tích thị giác 2.2.4. Cơ quan phân khứu giác 2.2.5. Cơ quan phân tích vị giác	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 2. - Đọc thêm TLHT [2],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 3. Sinh lí vận động 3.1. Hệ xương 3.1.1. Vai trò của hệ xương 3.1.2. Cấu tạo của hệ xương 3.1.3. Sự phát triển xương trẻ em 3.2. Hệ cơ 3.2.1. Chức năng của hệ cơ 3.2.2. Cấu tạo của cơ 3.2.3. Đặc điểm và sự phát triển cơ ở trẻ em	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 3. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 4. Hệ hô hấp 4.1. Cấu tạo của hệ hô hấp 4.1.1. Hệ thống ống dẫn khí 4.1.2. Phổi 4.2. Cơ chế hoạt động của hệ hô hấp 4.2.1. Động tác thở 4.2.2. Trao đổi khí ở phổi và ở mô 4.2.3. Vận chuyển khí oxi và cacbonic trong máu 4.3. Vệ sinh hô hấp và hô hấp nhân tạo	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 4. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2
Chương 5. Hệ tiêu hóa 5.1. Vai trò của hệ tiêu hóa 5.2. Cấu tạo hệ tiêu hóa 5.2.1. Cấu tạo của khoang miệng 5.2.2. Cấu tạo của hầu và thực quản 5.2.3. Cấu tạo của dạ dày 5.2.4. Cấu tạo của ruột 5.2.5. Cấu tạo của gan và tụy 5.3. Sự tiêu hóa thức ăn 5.3.1. Tiêu hóa ở khoang miệng 5.3.2. Tiêu hóa ở dạ dày 5.3.3. Tiêu hóa ở ruột non 5.3.4. Tiêu hóa ở ruột già 5.4. Sự hấp thụ thức ăn 5.4.1. Các bộ phận hấp thụ thức ăn 5.4.2. Các con đường hấp thụ thức ăn 5.4.3. Các cơ chế hấp thụ thức ăn 5.5. Vệ sinh tiêu hóa trẻ	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 5. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 6. Máu và tuần hoàn 6.1. Máu 6.1.1. Chức năng của máu 6.1.2. Các thành phần của máu 6.1.3. Đặc điểm máu trẻ 6.2. Tuần hoàn 6.2.1. Cấu tạo của hệ tuần hoàn 6.2.2. Hoạt động của tim 6.2.3. Các vòng tuần hoàn 6.2.4. Huyết áp	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 6 - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.1.3 9.2
Chương 7. Hệ bài tiết 7.1. Cấu tạo của hệ tiết niệu 7.1.1. Cấu tạo của thận 7.1.2. Cấu tạo của bàng quang 7.2. Quá trình hình thành nước tiểu 7.2.1. Quá trình lọc nước tiểu ở cầu thận 7.2.2. Quá trình tái hấp thu ở ống thận 7.3. Quá trình bài xuất nước tiểu 7.4. Vệ sinh hệ tiết niệu 7.5. Một số dạng bài tiết khác	02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 7. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.2
Chương 8. Hệ thần kinh 8.1. Nơ ron 8.1.1. Đặc điểm cấu tạo chung của nơron 8.1.2. Các chức năng cơ bản của nơron 8.2. Cấu tạo và chức phận của hệ thần kinh 8.2.1. Bộ phận thần kinh ngoại biên 8.2.2. Bộ phận thần kinh trung ương 8.3. Giác ngủ của trẻ em	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 8. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan. -Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi	9.1.2 9.2
Chương 9. Hệ sinh dục 9.1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam, nữ 9.1.1. Đặc điểm cấu tạo cơ quan sinh dục nam 9.1.2. Đặc điểm cơ quan sinh dục nữ 9.2. Các tế bào sinh dục đực và tế bào sinh dục cái 9.2.1. Tế bào sinh dục đực (tinh trùng) 9.2.2. Tế bào sinh dục cái (trứng)	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm - GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 9. - Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan - Thực hiện bài báo cáo nhóm và trả lời câu hỏi.	9.1.2 9.2
Chương 10. Trao đổi chất và năng lượng 10.1. Đại cương về trao đổi chất và năng lượng	03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2	- GV giảng lí thuyết, hỏi đáp kết hợp hoạt động nhóm	- Đọc TLHT [1], nghiên cứu nội dung chương 10.	9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
10.2. Chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể 10.2.1. Chuyển hóa glucit 10.2.2. Chuyển hóa lipit trong cơ thể trẻ em 10.2.3. Chuyển hóa protein 10.3. Trao đổi năng lượng trong cơ thể 10.4. Cơ sở sinh lí của khẩu phần thức ăn 10.4.1. Nhu cầu về chất 10.4.2. Nhu cầu về lượng			- GV đánh giá và tổng kết chương	- Đọc thêm TLHT [2],[3],[4] ứng với nội dung liên quan	
Tổng	27				

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có):

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Cân, đo, đếm nhịp tim và đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ	03	2.2.5 2.3.3 3.1.2	-Thảo luận nhóm -Giảng giải, hướng dẫn các thao tác khi đo, cân, đếm nhịp tim	-Đem theo biểu đồ tăng trưởng của trẻ -Thực hiện cân, đo, đếm nhịp tim trẻ -Dựa vào biểu đồ tăng trưởng kết luận các chỉ số vừa thực hiện được	Giảng viên đánh giá hoạt động theo bài thu hoạch của nhóm

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan	Giáo trình sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2008	NXB Giáo dục	Thư viện	x	
2	Tạ Thúy Lan-Trần Thị Loan	Giải phẫu sinh lý người	2003	NXB ĐHSP	Thư viện		x
3	Nguyễn Tố Mai-Nguyễn Thị Hồng Thu	Dinh dưỡng trẻ em	1998	NXB Giáo dục	Thư viện		x
4	Trần Trọng Thủy-Trần Quy	Giải phẫu sinh lý, Vệ sinh phòng bệnh	1998	NXB Giáo dục	Thư viện		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu;
- Đối với giờ thực hành: 100% có mặt đầy đủ (không tham gia sẽ không được dự thi kết thúc học phần).

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên			0.4
9.1.1	Kiểm tra	Tất cả các chương	5.1.1;5.1.2;5.2.1;5.2.2	
9.1.2	Báo cáo nhóm	Nội dung chuẩn bị và báo cáo các chương 2,3,4,5,6,7,8,9	5.1.1;5.1.2;5.2.1;5.2.2	
9.1.3	Thực hành	Báo cáo nhóm (tham gia 100% số giờ).	5.2.1;5.2.2;5.3.1	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Tất cả các chương	5.1.1;5.1.2,5.2.1;5.2.2	0.6

6.1.5. LÝ THUYẾT ÂM NHẠC SƠ GIẢN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4220 - LÝ THUYẾT ÂM NHẠC SƠ GIẢN MẦM NON
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/Th.H/TH): 45(15/30/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Không
- Học kì: 1 Năm học: 2021-2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Kim Chi Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919191930 Email: 2010khanhtram@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học hàm, học vị: GV-Thạc sĩ
- Điện thoại: 0988.980.929 Email: bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hoàng Nhị Bình Chức danh, học hàm, học vị: GV-Cử nhân
- Điện thoại: 0904999787 Email: hoangnhibinh1973@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Lý thuyết âm nhạc sơ giản là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, có vai trò rất quan trọng đối với sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Học phần này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản như: Âm thanh và cách ghi chép nhạc; Độ dài-Tiết tấu; Quảng; Hợp âm; Điệu thức-gam-giọng; Xác định giọng-dịch giọng; Hình thức âm nhạc. Những kiến thức trên nhằm trang bị cho sinh viên để tiếp tục học môn tập đọc nhạc và hát, môn Đàn phím điện tử, phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Khái quát được kiến thức của môn lý thuyết âm nhạc sơ giản và cần nắm vững những phần trọng tâm của môn học, vì nó rất cần thiết cho phần “cô hát cho cháu nghe” ở trường mầm non

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức.

Thực hành và thể hiện những bài hát ở thể loại thiếu nhi, ca khúc Việt Nam, dân ca.. một cách tự tin, bên cạnh đó cần có thái độ giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, luôn có trách nhiệm với công việc được giao, và thích nghi với môi trường làm việc.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Khái quát được những kiến thức về lý thuyết âm nhạc sơ giản; âm thanh và cách ghi chép nhạc, độ dài - tiết tấu, quãng, hợp âm, điệu thức - gam - giọng, xác định giọng – dịch giọng, hình thức âm nhạc.	1.3	2
5.1.2	Liệt kê những nội dung trọng tâm kiến thức của môn lý thuyết âm nhạc sơ giản để thực hành phản ứng dụng bài tập chương 2.	1.3	2
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tổ chức được các hoạt động nghệ thuật phát triển năng khiếu phù hợp với đặc điểm cá nhân cho trẻ và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	4
5.2.2	Có kỹ năng quản lý cảm xúc; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1. NHẠC LÝ CƠ BẢN 1.1. Âm thanh và cách ghi chép nhạc 1.1.1. Hệ thống âm thanh tên gọi, kí hiệu 1.1.2. Hệ thống ghi âm bằng nốt nhạc 1.1.3. Hệ điều hòa âm thanh, cung và nửa cung 1.1.4. Dấu hóa, trùng âm 1.1.5. Dấu lặng, các dấu tăng thêm độ dài, dấu viết tắt	02/04	5.1.1 5.3.1	* PP thuyết giảng kết hợp với thực hành (VD minh họa, dẫn chứng bằng ca khúc cụ thể.	- Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, bài giảng tài liệu [1] - SV tìm hiểu các khái niệm của phần 1.1 trang 2 trong tài liệu [1] - Sinh viên chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy....	9.1.1 9.2
1.2. Độ dài – Tiết tấu 1.2.1. Giá trị trường độ của các nốt nhạc 1.2.2. Nhịp và phách, tiết nhịp, loại nhịp, nhịp lấy đà 1.2.3. Nhịp đơn, nhịp phức, nhịp hỗn hợp 1.2.4. Đảo phách, nghịch phách 1.2.5. Nhịp độ, cách đánh nhịp.	04/08	5.1.1 5.1.2 5.3.1	* PP Thuyết giảng - Hoạt động cá nhân, GV cho câu hỏi, bài tập ứng dụng, đặt câu hỏi SV trả lời. Cuối cùng là GV nhận xét đúng sai - Trong quá trình SV thực	- SV xem trước bài giảng - Nội dung 1.2.1 SV vẽ lại biểu đồ mối tương quan cao độ của các hình nốt, nghiên cứu tài liệu [4] - Nội dung 1.2.2 Tìm 3 bài hát có ô nhịp	9.1.1 9.2

			hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ SV	lấy đà, tài liệu [3] - Đọc 9 bài tiết tấu trang 18, tài liệu [1] - <i>Hình thức:</i> Chia nhóm (mỗi nhóm 5 SV) đọc vở tiết tấu - Tìm một vài VD minh chứng cho phần đảo phách và nghịch phách. -SV tự nghiên cứu phần 1.2.3; 1.2.5 tài liệu [1]	
1.3. Quãng 1.3.1. Khái niệm, tên gọi 1.3.2. Quãng diatonic, quãng chromatic 1.3.3. Quãng trùng 1.3.4. Quãng kép, đảo quãng 1.3.5. Quãng thuận, quãng nghịch.	03/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. -Hoạt động nhóm nhỏ (2 đến 3 SV).	- SV nghiên cứu và làm bài tập Quãng trang 54,55 trong tài liệu [4] -SV nghiên cứu phần quãng kép - đảo quãng 1.3.4 tài liệu [1] - SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy....	9.1.1 9.2
1.4 Hợp âm 1.4.1. Khái niệm về chồng âm – hợp âm 1.4.2. Hợp âm 3, các thể đảo của hợp âm 3 1.4.3. Hợp âm 7 át, các thể đảo của hợp âm 7 át.	03/06	5.1.1 5.2.1 5.3.1	- * PP Thuyết giảng. - -Hoạt động nhóm, (từ 2 đến 5 SV) hoặc tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau. Cần có sự giao lưu, trao đổi kiến thức, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm	-SV xem trước 1.4. Hợp âm (Tìm những bài hát có hợp âm ba, hợp âm bảy và tìm hiểu cách bấm bắt kỳ hợp âm ba hay hợp âm bảy nào trong tài liệu [1] tài liệu tham khảo [4] - SV trả lời câu hỏi phần hợp âm trang 112,113 tài liệu [4] - SV làm thêm bài tập phần hợp âm	9.1.1 9.2

				113,114,115 tài liệu [3] -SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy...	
1.5. Điệu thức – Gam – Giọng 1.5.1. Khái niệm điệu thức 1.5.2. Gam 1.5.3. Giọng	01/02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. - Hoạt động cá nhân, GV cho câu hỏi, bài tập ứng dụng, đặt câu hỏi SV trả lời. Cuối cùng là GV nhận xét đúng sai	Độc 1. 5: Điệu thức – Gam – Giọng tài liệu [1] Xem trước nội dung bài học? Soạn những câu hỏi liên quan đến 1. 5 tài liệu [1] -SV chuẩn bị đồ dùng học tập là: tập chép nhạc, viết chì, tẩy...	9.1.1 9.2
1.6 Xác định giọng – Dịch giọng 1.6.1. Khái niệm và mục đích của dịch giọng 1.6.2. Cách xác định giọng qua dấu hóa biểu 1.6.3. Dịch giọng bằng cách viết.	01/04	5.1.1 5.2.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng. - -Hoạt động nhóm, (từ 2 đến 5 SV) hoặc tương tác giữa GV và SV, giữa SV với nhau. Cần có sự giao lưu, trao đổi kiến thức,phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập nhóm	- Mỗi SV tìm 5 bài hát thiếu nhi, ngắn, đơn giản để thực hành cho phần xác định giọng và dịch giọng, tài liệu [2] [3] - SV tự nghiên cứu nội dung 1.6.3, trang 33 tài liệu [1]	9.1.1 9.2
1.7 Hình thức âm nhạc 1.7.1. Khái niệm về hình thức âm nhạc 1.7.2. Mô - típ âm nhạc 1.7.3. Tiết nhạc 1.7.4. Câu nhạc 1.7.5. Kết câu 1.7.6. Hình thức một đoạn 1.7.7. Hình thức hai đoạn	01/02	5.1.1 5.3.1	* PP Thuyết giảng -GV lấy VD minh họa từ những bài hát trong chương trình MN (hoặc tài liệu trẻ mầm non ca hát (Tác giả: Hoàng Văn Yến).	- Với nội dung này Mỗi SV tìm 3 bài hát thiếu nhi 2 ca khúc Việt Nam, để thực hành cho phần 1.7 tài liệu [3]	9.1.1 9.2

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 2: ỨNG DỤNG THỰC HÀNH 2.1. Giọng Đô trưởng (C)	30/30	5.1.1 5.1.2	* PP: Thực hành	- Nội dung: SV đọc bài theo nhóm	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
2.2. Giọng Pha trưởng (F) 2.3. Giọng son trưởng (G) 2.4. Giọng La thứ (Am) 2.5. Giọng Rê thứ (Dm) 2.6. Giọng Mi thứ (Em)		5.2.1 5.3.1	<p>* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm.</p> <p>* Hướng dẫn thực hành:</p> <p>GV hướng dẫn từng bước bài đầu tiên. Những bài tiếp theo SV nêu lần từng bước thể hiện bài mới. Trong quá trình SV thực hành GV hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ SV</p>	<p>(nhóm từ 4 -5 SV)</p> <p>* Thực hành lại từng bước đọc bài TĐN</p> <p>1/-Xác định giọng bài hát, giải thích những kí hiệu âm nhạc có trong bài</p> <p>2/ Tập nhiều lần tiết tấu khó trong bài.</p> <p>3/ Tìm những kí hiệu trường độ dài nhất và ngắn nhất trong bài</p> <p>4/ Xác định âm thấp nhất và âm cao nhất trong bài</p> <p>5/ Viết những âm thanh có trong bài hát từ thấp lên cao</p> <p>6/ Xác định những âm thanh nào được lặp lại nhiều nhất trong bài hát</p> <p>- Giọng Đô trưởng (C) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]</p> <p>- Giọng Pha trưởng (F) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]</p> <p>- Giọng son trưởng (G) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]</p> <p>- Giọng La thứ (Am) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]</p> <p>- Giọng Rê thứ (Dm) tài liệu [1] tài liệu</p>	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
				tham khảo [2] [3] - Giọng Mi thứ (Em) tài liệu [1] tài liệu tham khảo [2] [3]	

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Kim Chi	Lý thuyết âm nhạc sơ giản		Nội bộ	Giảng viên	x	
2	Lê Thị Kim Chi	Tập đọc nhạc và hát		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ mầm non ca hát. (Trẻ thơ hát)	1993	Nxb Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm Tú Hương	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	1997	Nxb ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0,4
9.2	<i>Thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm)</i>	Chương 1	5.1;5.2	0,6

6.1.6. MỸ THUẬT MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4219 - **MỸ THUẬT MẦM NON**
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 53 (7LT/46ThH/60TH)
- Học phần điều kiện: Không
- Học kì: 1 Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hồ Thị Huyền Chức danh, học vị: Giảng viên, CN
- Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthiminhuyen@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm Non

3. Tổng quan về học phần

“*Mỹ thuật mầm non*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở thuộc chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho sinh viên những lý luận chung của mỹ thuật và các kỹ năng cần thiết về vẽ, xé - cắt dán và nặn; giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về mỹ thuật, khả năng thực hành mỹ thuật và là cơ sở chắc chắn, hỗ trợ đắc lực cho các học phần tiếp theo như: *Phát triển khả năng sáng tạo mỹ thuật, Làm đồ dùng đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục, Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.*

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Nhận định được kiến thức cơ bản về vẽ hình họa, vẽ trang trí, vẽ tranh, xé - cắt dán giấy và tập nặn tạo dáng.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Sử dụng những kiến thức cơ bản mỹ thuật vào thực hành các bài tập ở mức độ đơn giản và đúng phương pháp.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Ứng dụng những điều đã học vào trong thực hành mỹ thuật, trong giảng dạy và trong thực tế cuộc sống. Luôn đề cao ý thức tự học, tự nghiên cứu.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Khái quát hóa những kiến thức cơ bản về lý luận mỹ thuật, khoa học màu sắc, luật xa gần, sơ lược tỷ lệ người vào vẽ hình họa, vẽ trang trí, bố cục tranh, xé cắt dán và nặn trong thực tiễn giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện được các bài tập trong chương trình và vận dụng kiến thức học phần vào trong hoạt động dạy – học và trang trí trường lớp mầm non.	2.1.6	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.2	Hình thành thị hiếu thẩm mỹ đúng đắn. Nâng cao năng lực nhận thức, hiểu biết trong thưởng thức cái đẹp của tự nhiên và tác phẩm mỹ thuật.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu từ giáo trình và những tài liệu tham khảo. Biết cảm thụ sản phẩm mỹ thuật, tôn trọng, bảo vệ và sáng tạo cái đẹp. Hiểu được vai trò của mỹ thuật đối với hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (7LT/14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1: Những vấn đề chung về mỹ thuật 1.1. Khái niệm mỹ thuật 1.2. Các ngành mỹ thuật 1.3. Ngôn ngữ của mỹ thuật 1.4. Nguyên tắc của mỹ thuật	02/04	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;... <i>GV giới thiệu ĐC, TLHT, PPDH; đưa vấn đề cho các nhóm thảo luận.</i>	- Đọc đề cương, nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, trang bị dụng cụ học tập. - TL[1] trang 7-22. - TL [5]. - <i>Nêu khái niệm mỹ thuật, khái quát về các ngành mỹ thuật.</i> - <i>Trình bày ngôn ngữ, các nguyên tắc của mỹ thuật. Cho ví dụ minh họa.</i> - SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 2: Vẽ hình họa 2.1. Khái niệm. 2.2. Vai trò của hình họa đối với mỹ thuật. 2.3. Ngôn ngữ của hình họa. 2.4. Phương pháp tiến hành bài vẽ hình họa. 2.5. Luật xa gần. 2.6. Tỷ lệ cơ thể người.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Thảo luận; - Trực quan;...	- TL[1, tr.45-68]; - TL[2,5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 2 ở trang 68 [1].</i> SV báo cáo theo nhóm, tương tác giữa các nhóm.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 3: Vẽ trang trí 3.1. Khái quát chung và vai trò của trang trí trong đời sống. 3.2. Kí họa và cách điệu họa tiết làm tài liệu cho trang trí. 3.3. Hoa văn dân tộc.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận nhóm;	- TL[1, tr.69-102]. - TL[3,5]. - Nghiên cứu câu hỏi ôn tập	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (7LT/ 14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
3.4. Bố cục trang trí. 3.5. Phương pháp tiến hành bài vẽ trang trí. 3.6. Các nguyên tắc trong trang trí.				chương 3, [1, tr. 102].	
Chương 4: Vẽ tranh 1. Khái quát chung và yêu cầu về bố cục tranh. 2. Phân loại tranh và chất liệu vẽ tranh. 3. Phương pháp tiến hành bố cục một số thể loại tranh. 3.1. Hình thức bố cục, phương pháp tiến hành bố cục từng thể loại tranh. 3.2. Phương pháp chung trong vẽ tranh. 4. Màu sắc trong bố cục. 5. Những điều cần tránh trong bố cục. 6. Phương pháp phóng - thu ảnh, tranh và hình vẽ.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận nhóm;	-TL[1,tr.103- 174]. -TL[4,5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 4[1, tr. 174,].</i> - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp yêu cầu bài tập.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 5: Chữ mỹ thuật 5.1. Khái quát chung 5.1.1. Nguồn gốc, ý nghĩa của chữ đối với đời sống xã hội. 5.1.2. Các kiểu chữ cơ bản và đặc điểm của chúng. 5.2. Bố cục chữ. 5.2.1. Những nguyên tắc về viết, kẻ và sắp xếp dòng chữ. 5.2.2. Áo ảnh của chữ. 5.2.3. Khoảng cách giữa các chữ, các từ, các dòng. 5.3. Yêu cầu về bố cục và sự biến dạng của chữ. 5.4. Ứng dụng chữ mỹ thuật trong trang trí khẩu hiệu, bản trích và phong hội trường. 5.5. Cách gấp, cắt chữ.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình, - Thảo luận nhóm;...	-TL[1,tr.175- 194]. -TL [5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5, [1, tr. 194].</i>	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 6: Tạo hình xé - cắt dán và nặn cơ bản. 6.1. Tạo hình xé - cắt dán 6.1.1. Khái quát chung và vai trò của xé, cắt dán đối với nghệ thuật tạo hình. 6.1.2. Ngôn ngữ của xé, cắt dán, đồ dùng, chất liệu. 6.1.3. Cách xé, cắt dán và một số cách tạo hình cơ bản. 6.1.4. Phương pháp tiến hành bài xé - cắt dán. 6.1.5. Cách xếp dán bài trang trí và tranh. 6.2. Nặn cơ bản 6.2.1. Khái quát chung và vai trò của nặn trong nghệ thuật tạo hình.	01/02	5.1; 5.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Trực quan; - Thuyết trình; - Thảo luận nhóm;...	-TL[1,tr.195- 210]. - TL [5]. - <i>Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 5, [1, tr. 210 và 236].</i>	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (7LT/ 14TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
6.2.2. Những yếu tố liên kết và nguyên tắc tạo hình 3 chiều. 6.2.3. Các đồ dùng để nặn. 6.2.4. Một số kỹ năng nặn. 6.2.5. Phương pháp tiến hành bài nặn. 6.2.6. Các loại bài tập nặn cơ bản. 6.2.7. Phù điêu.					

6.2. Thực hành

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình</p> <p>1.5. Thực hành</p> <p>1.5.1. Vẽ bảng pha màu.</p> <p>1.5.2. Vẽ dây màu nóng, lạnh, màu trung gian, các cặp màu bổ túc.</p> <p>1.5.3. Vẽ vòng thuần sắc. (Chất liệu: màu bột, khổ giấy A3).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành bài. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xem TL [1, tr. 7 - 22]. - TL [5]. - Dụng cụ phù hợp yêu cầu bài tập. * Bài tự học <i>Vẽ 8 gam màu, tông màu hoặc hòa sắc màu khác nhau.</i> <i>Tham khảo [1, tr.38].</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 2: Vẽ hình hoạ</p> <p>2.7. Thực hành</p> <p>2.7.1. Vẽ khối trụ và khối cầu theo phương pháp vẽ hình hoạ.</p> <p>2.7.2. Vẽ mẫu ghép lọ hoa và quả theo phương pháp vẽ hình hoạ.</p> <p>2.7.3. Vẽ tỉ lệ cơ thể người lớn và trẻ em (Chất liệu chì mềm, khổ giấy A3).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL[1, tr 45 - 68]; - TL [2,5]. - Nghiên cứu LXG, TL [1, tr. 106 - 121]. * Bài tự học <i>- Vẽ mẫu ghép (đồ dùng hoặc hoa quả) bằng màu.</i> <i>- Nghiên cứu [1], tập vẽ phối cảnh:</i> <i>+ đường nét (tr.108).</i> <i>+ hình vuông, tròn, lập phương (tr.1140).</i> <i>+ bóng ngã, bóng nước (tr. 116).</i> <i>+ Vẽ người gần và xa (tr. 116).</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 3: Vẽ trang trí</p> <p>3.7. Thực hành</p> <p>3.7.1. Trang trí hình vuông, kích thước khoảng 20cm x 20cm.</p> <p>3.7.2. Trang trí hình tròn, đường kính khoảng 20cm.</p> <p>3.7.3. Trang trí đường diềm, chiều cao khoảng 8- 10cm.</p> <p>(Sử dụng hoạ tiết hình hoa lá, động vật, hoa văn dân tộc,... Khổ giấy A3. Chất liệu: màu bột).</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - TL [1,tr.69-102]. - TL [3,5]. - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp. * Bài tự học 1. <i>Sưu tầm và chép 5 mẫu hoạ tiết cổ dân tộc.</i> 2. <i>Kí hoạ và cách điệu 5 mẫu hoạ tiết hoa, lá, côn trùng, động vật,...</i> (<i>Khổ giấy A3, chất liệu bút chì, bút sắt, màu bột,...</i>). 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 4: Vẽ tranh</p> <p>7. Thực hành</p> <p>7.1. Vẽ một tranh phong cảnh.</p> <p>7.2. Vẽ một tranh sinh hoạt của trẻ mẫu giáo.</p> <p>7.3. Phóng một tranh chủ đề về mẫu giáo hay tranh truyện mẫu giáo. (bài có kèm tranh mẫu, đính ở góc bên trái phía trên và còn lưu cách phóng). Chất liệu bột màu, khổ giấy A3.</p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> -TL[1,tr.103-174]. - TL [4,5]. - Chuẩn bị dụng cụ thực hành phù hợp yêu cầu bài tập. * Bài tự học: - <i>Kí hoạ một số dáng người, động vật, phong cảnh,...</i> <i>bằng chì, sáp, màu bột,...</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.2.3
<p>Chương 5: Chữ mỹ thuật</p> <p>5.6. Thực hành</p> <p>5.6.1. Kẻ một khẩu hiệu ngắn.</p> <p><i>Chủ đề tự chọn.</i> <i>Khổ giấy A3.</i> <i>Chất liệu: màu bột.</i></p> <p>5.6.2. Trình bày một bản trích.</p> <p><i>Chủ đề tự chọn.</i> <i>Khổ giấy A3.</i> <i>Chất liệu: màu bột</i></p>	07/07	5.1; 5.2; 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; - Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> -TL[1,tr.175-194]. -TL [5]. - Chuẩn bị dụng cụ học tập. * Bài tự học: - <i>Cắt dán và trang trí một phong chữ tuỳ thích hoặc cắt dán bằng chữ cái tiếng Việt.</i> <i>Khổ giấy A3.</i> <i>Chất liệu: giấy thủ công màu,...</i> 	- 9.1; - 9.2; - 9.3
<p>Chương 6. Tạo hình xé - cắt dán và nặn cơ bản.</p>	07/07	5.1; 5.2;	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng; - Trực quan; 	<ul style="list-style-type: none"> -TL[1,tr.195-210]. 	- 9.1; - 9.2;

Chương	Số tiết (46Th/ 46TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HDDG
6.3. Thực hành 6.3.1. Xé dán một tranh đề tài tự chọn. 6.3.2. Cắt dán một bài trang trí tự do. Khổ giấy A3. Chất liệu: giấy màu, lá cây,... 6.3.3. Nặn các con vật quen thuộc, dáng người hay các loại quả,... Chất liệu đất sét hoặc sáp nặn.		5.3	- Dự án; - Luyện tập, thực hành cá nhân;... - GV hướng dẫn SV thực hành. - GV hướng dẫn SV trưng bày, nhận xét sản phẩm.	- TL [5]. - Chuẩn bị dụng cụ đúng yêu cầu bài tập (giấy màu, đất nặn,...). * Bài tự học - <i>Nặn sáng tác một nội dung chủ đề quen thuộc. Chất liệu đất sét hoặc sáp nặn.</i> - <i>Đắp phù điêu một tranh phong cảnh hoặc bố cục nhân vật. Chất liệu: đất sét.</i>	- 9.3
Thi kết thúc học phần (Thực hành tại lớp)	04/04	5.1; 5.2; 5.3	- Thực hành;... <i>GV hướng dẫn SV thể hiện tốt phần thi và trưng bày, đánh giá bài thi.</i>	- Chuẩn bị nội dung thi đã được dặn dò. - Thể hiện tốt bài thi và tích cực tham gia nhận xét, đánh giá bài thi.	- 9.1; - 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Ngô Bá Công	<i>Giáo trình Mỹ thuật</i>	2016	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Triệu Khắc Lễ, Nguyễn Thế Hùng, Vũ Kim Quyên	<i>Hình họa và Điêu khắc</i>	2001	NXB GD	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Tạ Phương Thảo	<i>Giáo trình Trang trí</i>	2007	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Đàm Luyện	<i>Giáo trình Bố cục</i>	2007	ĐHSP Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Thị Tuyết Minh	<i>Bài giảng Mỹ thuật (SP GD Mầm Non)</i>	2021	ĐHĐT	GV		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Chuyên cần	Đánh giá quá trình Bài tập tại lớp và tự học. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.3
9.2.1	Bài tập tại lớp	Chấm bài tập tại lớp. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.2	Bài tập về nhà	Chấm bài tập tự học. Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành tại lớp)	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6.	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.7. TIẾNG VIỆT

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4117N – TIẾNG VIỆT
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (20/10/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Đức Hùng Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0988.682.643 E-mail: tdhung@dtu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thị Hiền Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0974.814.712 E-mail: hienvuth123@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Mô tả tóm tắt/ Tổng quan về học phần

Tiếng Việt là học phần cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về tiếng Việt nói chung. Trọng tâm của học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: khái niệm, đặc điểm và cấu tạo của âm tiết tiếng Việt, hệ thống âm vị và chính tả tiếng Việt; từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt (cấu tạo từ tiếng Việt, nghĩa của từ và các lớp từ có quan hệ về nghĩa, các lớp từ phân loại theo nguồn gốc); ngữ pháp tiếng Việt (từ loại tiếng Việt, cụm từ tiếng Việt, câu tiếng Việt, các lỗi về câu và cách sửa lỗi); ngữ pháp văn bản (đoạn văn và văn bản); phong cách ngôn ngữ tiếng Việt (khái niệm, các phong cách chức năng, các đặc điểm tu từ tiếng Việt có trong chương trình mầm non).

Những kiến thức cơ bản trên sẽ là nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nâng cao ở học phần: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. Bên cạnh đó, sinh viên có thể sử dụng các kiến thức mà học phần cung cấp để vận dụng trong dạy học tiếng Việt ở dưới trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Phân tích được những kiến thức về tiếng Việt để vận dụng vào quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và phong cách của tiếng Việt vào việc dạy học ở bậc mầm non.

Giải được các bài tập tiếng Việt cơ bản, sửa được lỗi chính tả, lỗi dùng từ và lỗi câu.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức trau dồi các kiến thức về tiếng Việt và vận dụng vào việc nghiên cứu phương pháp dạy nói, viết chữ cho trẻ mầm non. Bước đầu khơi gợi tình yêu tiếng Việt ở trẻ, biết giữ gìn và phát huy sự trong sáng của tiếng Việt trong trường mầm non.

5. Chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được những kiến thức về Tiếng Việt như: cấu tạo của âm tiết; cấu tạo từ TV và phân loại từ theo cấu tạo; biết cách xác định từ loại TV; nắm được cấu tạo của cụm từ; các thành phần câu và phân loại câu; cấu trúc các loại đoạn văn, đặc điểm của văn bản; kiến thức về phong cách chức năng tiếng Việt và các biện pháp tu từ tiếng Việt vào việc nghiên cứu và dạy học ở trường Mầm non..	1.3	3
5.2. Kỹ năng / Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Vận dụng được những kiến thức về: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách của tiếng Việt vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ, giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình giáo dục trẻ ở trường Mầm non.	2.1.4	3
5.2.2	Chuẩn xác các kỹ năng hợp tác làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong quá trình lĩnh hội kiến thức tiếng Việt.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; Có năng lực làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc.	3.1, 3.2	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI 1.1. Âm tiết tiếng Việt 1.1.1. Khái niệm âm tiết 1.1.2. Đặc điểm âm tiết 1.1.3. Cấu tạo âm tiết 1.2. Âm vị tiếng Việt 1.2.1. Khái niệm âm vị 1.2.2. Hệ thống âm vị tiếng Việt 1.3. Kiến thức về ngữ âm trong dạy học ở trường mầm non	05/10	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc giáo trình 1, 2, 3. - Thảo luận nhóm. mục 1.3; 1.4. - Thực hiện các bài tập Chương 1.	9.1.1 9.1.2 9.2
CHƯƠNG 2: TỪ VỰNG - NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT 2.1. Các đơn vị từ vựng tiếng Việt 2.1.1. Khái niệm từ 2.1.2. Các kiểu từ phân loại theo cấu tạo: từ đơn, từ ghép, từ láy 2.1.3. Cụm từ cố định (quán ngữ, thành ngữ) 2.2. Nghĩa của từ tiếng Việt	08/16	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc tài liệu 1, 2, 3. - Chuẩn bị nội dung thảo luận nhóm: mục 2.4. - Sưu tầm một số thành ngữ, tục ngữ. Tra từ	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.2.1. Khái niệm về nghĩa của từ 2.2.2. Các thành phần nghĩa của từ 2.2.3. Tính đa nghĩa và phương thức chuyển nghĩa của từ 2.2.4. Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, trường nghĩa 2.3. Các lớp từ tiếng Việt 2.3.1. Từ ngữ gốc Hán và gốc Ấn - Âu 2.3.2. Lớp từ địa phương 2.3.3. Từ nghề nghiệp 2.4. Kiến thức về từ vựng – ngữ nghĩa trong dạy học ở trường mầm non.				điển thành ngữ để tìm hiểu nghĩa của chúng. - Thực hiện các bài tập Chương 2.	
CHƯƠNG 3: NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT 3.1. Từ loại tiếng Việt 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Hệ thống từ loại tiếng Việt 3.2. Cụm từ tiếng Việt 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Các loại cụm từ chính phụ 3.3. Câu tiếng Việt 3.3.1. Khái quát về câu 3.3.2. Các thành phần của câu 3.3.3. Phân loại câu 3.4. Kiến thức về ngữ pháp trong dạy học ở trường mầm non	08/16	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc tài liệu: 1, 2, 3. - SV chuẩn nội dung thảo luận: mục 3.4 - Thực hiện các bài tập Chương 3.	9.1.1 9.1.2 9.2
CHƯƠNG 4: NGỮ PHÁP VĂN BẢN 4.1. Đoạn văn 4.1.1. Khái niệm đoạn văn 4.1.2. Cấu trúc đoạn văn 4.2. Văn bản 4.2.1. Khái niệm về văn bản 4.2.2. Bộ cục của văn bản 4.2.3. Các phương thức liên kết trong văn bản 4.3. Kiến thức về văn bản trong dạy học ở trường mầm non	04/08		- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc tài liệu: 1, 2, 3. - SV chuẩn bị bài thảo luận: mục 4. - Làm bài tập viết đoạn văn. - Thực hiện các bài tập Chương 4.	9.1.3 9.1.4 9.2
CHƯƠNG 5: PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT 5.1. Khái quát về phong cách học 5.1.1. Đối tượng của phong cách học 5.1.2. Các phong cách chức năng tiếng Việt 5.1.3. Các phương thức tu từ tiếng Việt 5.2. Kiến thức về các phương thức tu từ tiếng Việt trong chương trình mầm non 5.2.1. So sánh	03/06	5.1, 5.2, 5.3.	- Thuyết trình - Thảo luận. - Thảo luận cá nhân.	- Đọc tài liệu: 1, 2, 3. - SV chuẩn bị nội dung báo cáo nhóm mục 5.1; - Thực hiện các bài tập Chương 5.	9.1.3 9.1.4 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết LT/TH	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.2.2. Ân dụ 5.2.3. Nhân hóa					
Bài kiểm tra	02/04	5.1, 5.2, 5.3.	Theo yêu cầu của GV	Chương 1, 2, 3, 4, 5	9.1. 4

7. Tài liệu học tập

S TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lã Thị Bắc Lý (Chủ biên)	<i>Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành</i>	2011	Đại học Sư phạm.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Đặng Thị Lanh, Lê Hữu Tĩnh	<i>Tiếng Việt, tập 1</i>	1998	Giáo Dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Đình Trọng Lạc, Bùi Minh Toán	<i>Tiếng Việt, tập 2</i>	1998	Giáo Dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Thi Tự luận; Thời gian: 90 phút; Đề đóng.	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.8. VĂN HỌC TRẺ EM

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4121 - VĂN HỌC TRẺ EM
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 2 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Hồng - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0918 282 625
- Email: hongdht@gmail.com

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phạm Thị Minh Hiếu - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0914 759 251
- Email: phamhieu2501@gmail.com

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu - Chức danh, học vị: Giảng viên - Tiến sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0938 124 570
- Email: tronghieunguvan@gmail.com

3. Tổng quan về môn học

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc dành cho Mầm non. Học phần gồm có 04 chương nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về văn học dân gian, văn học trẻ em Việt Nam và văn học trẻ em nước ngoài. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng có hiệu quả vào việc giảng dạy cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học trong chương trình Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Giải thích được khái niệm, đặc trưng và các nội dung chủ đề của văn học trẻ em; Khái quát được các thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết Việt Nam và nước ngoài; Vận dụng được kiến thức lý thuyết để phân tích được một số tác phẩm văn học trẻ em.

4.2. Kỹ năng/phẩm chất đạo đức

Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích và bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Phân tích được các đặc điểm, thể loại và các tác giả- tác phẩm của văn học dân gian, văn học viết trẻ em Việt Nam và nước ngoài;	1.3	3
5.1.2	Diễn giải được những nội dung về văn học trẻ em vào việc giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đánh giá, phân tích tác phẩm văn học; cảm thụ tác phẩm văn học; đọc diễn cảm tác phẩm văn học trẻ em trong chương trình chăm sóc- giáo dục mầm non	2.1.4	3
5.2.2	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung và phát triển cộng đồng	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC TRẺ EM 1.1. Khái niệm và các bộ phận cấu thành văn học trẻ em 1.1.1. Khái niệm văn học trẻ em 1.1.2. Các bộ phận cấu thành văn học trẻ em 1.2. Đặc trưng thơ văn cho trẻ em 1.2.1. Văn học trẻ em đáp ứng yêu cầu giáo dục 1.2.2. Văn học trẻ em đảm bảo tính nghệ thuật 1.2.3. Văn học trẻ em đảm bảo tính vừa sức 1.3. Những nội dung chủ yếu của văn học trẻ em trong trường mầm non 1.3.1. Tình yêu quê hương, đất nước 1.3.2. Tình cảm đối với Bác Hồ kính yêu 1.3.3. Tình cảm gia đình 1.3.4. Tình cảm với thầy cô, bạn bè 1.3.5. Tình cảm đối với thiên nhiên	05/10	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22]. - Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi: 1. Nêu khái niệm và các bộ phận cấu thành văn học trẻ em? 2. Nêu đặc trưng của văn học trẻ em? 3. Hãy kể tên các tác phẩm thơ truyện thuộc các nội dung chủ yếu của VHTE trong trường MN.	9.1.1 9.2
CHƯƠNG 2. VĂN HỌC DÂN GIAN CHO TRẺ EM PHẦN VII: 2.1. Khái niệm, đặc trưng của văn học dân gian PHẦN VIII: 2.1.1. Khái niệm văn học dân gian	08/16	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22]. - Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi:	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
<p>PHẦN IX: 2.1.2. Đặc trưng cơ bản của văn học dân gian</p> <p>2.2. Các thể loại truyện cổ dân gian</p> <p>2.2.1. Thần thoại</p> <p>2.2.2. Truyền thuyết</p> <p>2.2.3. Truyện cổ tích</p> <p>2.2.4. Truyện ngụ ngôn</p> <p>2.3. Các thể loại thơ ca dân gian</p> <p>2.3.1. Ca dao</p> <p>2.3.2. Câu đố</p> <p>2.3.3. Đồng dao</p> <p>2.4. Phân tích một số tác phẩm VHDG tiêu biểu trong chương trình mầm non.</p>				<p>1. Nêu khái niệm VHDG, đặc trưng cơ bản của VHGD?</p> <p>2. Hãy nêu khái niệm, nội dung ý nghĩa của các thể loại truyện DG và thơ ca DG</p> <p>3. Phân tích nội dung ý nghĩa và nghệ thuật độc đáo của một số truyện cổ dân gian (GV chọn một vài truyện tiêu biểu sau đây):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thần thoại: <i>Thần trụ trời, Sơn Tinh- Thủy Tinh, Chú Cuội cung trăng</i> - Truyền thuyết: <i>Thánh Gióng, Lạc Long Quân- Âu Cơ</i> - Truyện cổ tích: <i>Cây khế, Cây tre trăm đốt</i> - Truyện ngụ ngôn: <i>Thầy bói xem voi, Mèo lại hoàn mèo..</i> <p>4. Suu tầm một số bài ca dao có trong chương trình MN, thực hành câu đố, đồng dao.</p>	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CĐR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
<p>CHƯƠNG 3. VĂN HỌC TRẺ EM HIỆN ĐẠI</p> <p>3.1. Khái quát chung về văn học trẻ em Việt Nam hiện đại</p> <p>3.1.1. Các chặng đường phát triển của văn học trẻ em Việt Nam</p> <p>3.1.2. Những đặc sắc của thơ do trẻ em viết</p> <p>3.2. Một số tác giả tiêu biểu</p> <p>3.2.1. Thơ và truyện Võ Quảng</p> <p>3.2.2. Thơ Phạm Hồ</p> <p>3.2.3. Thơ Trần Đăng Khoa</p> <p>3.3. Phân tích một số tác phẩm VHTE tiêu biểu trong chương trình mầm non.</p>	10/20	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	<p>- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22].</p> <p>- Lên lớp nghe giảng, kết hợp trao đổi, trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Nêu những thành tựu cơ bản của VHTE trong mỗi chặng đường?</p> <p>2. Những nguyên nhân nào tạo nên sự phát triển đa dạng của VHTE Việt Nam sau 1975?</p> <p>3. Tập đọc diễn cảm và phân tích một số bài thơ của Võ Quảng, Phạm Hồ, Trần Đăng Khoa (GV chọn một số bài thơ hay):</p> <p>- <i>Ai dậy sớm, Mời vào, Anh đom đóm...</i></p> <p>- <i>Chú bò tìm bạn, Đàn gà con, Rong và cá, Bắp cải xanh...</i></p> <p>- <i>Cây dừa, Ảnh Bác, Trăng ơi...từ đâu đến?, Kể cho bé nghe...</i></p>	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
<p>CHƯƠNG 4. VĂN HỌC TRẺ EM NƯỚC NGOÀI</p> <p>4.1. Khái quát chung về văn học trẻ em nước ngoài</p> <p>4.2. Một số tác giả tiêu biểu</p> <p>4.2.1. Andecxen</p> <p>4.2.2. Grim</p> <p>4.2.3. L.Tônxtôi và tập truyện <i>Kiến và chim bồ câu</i></p>	07/14	5.1; 5.2; 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại - Thảo luận và báo cáo nhóm	<p>- Đọc Tài liệu tham khảo [1, tr. 5 - 22].</p> <p>- Thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>3. Tìm đọc truyện cổ Andecxen và truyện cổ Grim (tóm tắt truyện <i>Bà Chúa Tuyết, Bạch Tuyết và bảy chú lùn</i>)</p> <p>4. Thống kê các tác phẩm truyện <i>Kiến và Chim bồ câu</i> có trong chương trình truyện kể MN, phân tích một truyện tiêu biểu.</p>	9.1.1 9.1.2 9.2

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lã Thị Bắc Lý	<i>Giáo trình Văn học trẻ em</i>	2005	Đại học Sư phạm Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nhiều tác giả	<i>Tuyển tập thơ ca, truyện kể, bài hát, câu đố (các độ tuổi)</i>	2002	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Hồ	<i>Tuyển tập thơ Phạm Hồ</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Võ Quảng	<i>Tuyển tập thơ Võ Quảng</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Đăng Khoa	<i>Tuyển tập thơ Trần Đăng Khoa</i>	2005	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Andecxen	Truyện cổ Andecxen	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
7	Grim	Truyện cổ Grim	2005	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
8	L.Tônxtôi	<i>Tập truyện “Kiến và Chim bồ câu”</i>	2000	Văn học	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2,3,4	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập nhóm	Chương 1,2,3,4	5.1.1; 5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.1
9.1.2	Bài tập cá nhân	Chương 2,3,4	5.2.1; 5.2.2; 5.3	0.3
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận 90 phút sv không được sử dụng tài liệu)	Chương 1,2,3,4	5.1; 5.2;	0.6

6.1.9. CƠ SỞ TOÁN MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4222- Cơ sở toán Mầm Non
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (20/10/60)
- Học phần học trước: không
- Học kì: 2 Năm học: 2021 - 2022

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Kim Châu Chức danh, học hàm, học vị: GVC – Tiến sĩ
- Điện thoại: 0919820682 Email: ptkchau1978@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thị Tuyết Trinh Chức danh, học hàm, học vị: GVC.TS
- Điện thoại: 0888556869 Email: letrinh1282@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Phan Thị Hiệp Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919 155 680 Email: hiepdongthapmuoi@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.4. Giảng viên 4:

- Họ và tên: Hà Thái Thủy Lam Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Điện thoại: 0939277679 E-mail: httlam@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Cơ sở toán Mầm Non* thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành. Ở bậc học phổ thông, sinh viên đã được học một số kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp và logic toán, đồng thời sinh viên cũng được rèn một số kỹ năng vận dụng những kiến thức này trong quá trình học môn Toán. Học phần “Cơ sở toán mầm non” hệ thống hóa và tiếp tục nâng cao cho sinh viên những hiểu biết, cách nhìn khái quát về cơ sở lý thuyết tập hợp và cơ sở logic toán về Toán cho trẻ mầm non. Sinh viên bước đầu hiểu được cơ sở toán học lý thuyết tập hợp và cơ sở logic toán vào hình thành các biểu tượng toán mầm non.

Đây cũng là một trong những học phần nền tảng để sinh viên nghiên cứu các học phần *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Trình bày và chính xác hoá được các kiến thức về logic mệnh đề và các phép suy luận; các tập hợp số, các phép toán trên tập hợp, ánh xạ và quan hệ trong chương trình toán mầm non.

4.1. *Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức*

Tổ chức, hướng dẫn cho trẻ phát biểu chính xác các mệnh đề logic phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong cuộc sống. Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung trong lĩnh vực kiến thức môn học, và phát triển cộng đồng.

4.3. *Mức tự chủ, chịu trách nhiệm*

Lập được kế hoạch, phân công, thực thi nhiệm vụ học tập nhóm trong môn học; phát huy tính hợp tác tập thể và chịu trách nhiệm với công việc được giao thông qua môn học.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Chính xác khái niệm mệnh đề, các phép toán trên mệnh đề, công thức logic.	1.3	3
5.1.2	Hiểu được khái niệm tập hợp, các phép toán cơ bản tập hợp: Ánh xạ, các quan hệ trên tập hợp; Sự hình thành số tự nhiên, quan hệ thứ tự trên tập số tự nhiên, phép tính về số tự nhiên; biết hệ g-phân.	1.3	2
5.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Tổ chức, hướng dẫn trẻ diễn đạt chính xác ngôn ngữ logic mệnh đề; giải các bài tập liên quan mệnh đề logic mệnh đề, tập hợp, quan hệ, Ánh xạ	2.1.4	3
5.2.2	Vận dụng kỹ năng động nhóm để lĩnh hội tri thức môn học; Tổ chức xây dựng tính hợp tác, kỷ luật tập thể vào tiếp thu các kiến thức về mệnh đề, phép toán trên mệnh đề; tập hợp, ánh xạ, hệ g-phân, số tự nhiên.	2.2; 2.1.4	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Lập được kế hoạch, phân công, thực thi nhiệm vụ học tập nhóm trong môn học; phát huy tính hợp tác tập thể và chịu trách nhiệm với công việc được giao thông qua môn học.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LOGIC TOÁN 1.1.Mệnh đề - Hàm mệnh đề 1.2.Các phép toán trên mệnh đề 1.3.Công thức logic	10/20	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	Xem tài liệu [1]; [2, Tr.64-82] Mệnh đề là gì? Cho ví dụ minh họa? Tương tự cho hàm mệnh đề? -Các Phép toán trên mệnh đề? Ví dụ minh họa? Tương tự công thức là gì? Ví dụ? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non(ví dụ cho các ví dụ mệnh đề liên quan đến mầm non)	9.1, 9.2, 9.3
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT TẬP HỢP 2.1. Khái niệm về tập hợp 2.2. Các phép toán trên tập hợp 2.3. Ánh xạ	12/24	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	-Thế nào là 1 tập hợp? Cho ví dụ minh họa? Các phép toán trên tập	9.1, 9.2, 9.3

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.4. Quan hệ thứ tự và quan hệ tương đương Kiểm tra lần 1				hợp? Cho ví dụ ? -Ánh xạ là gì? Cho ví dụ? Quan hệ tương đương trên tập hợp? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non (ví dụ các tập hợp đề liên quan đến mầm non)	
CHƯƠNG 3: SỐ TỰ NHIÊN 3.1.Hệ thống số tự nhiên 3.2.Các phép toán trên số tự nhiên 3.3. Hệ đếm và cách ghi số Kiểm tra lần 2 và ôn tập	8/16	5.1 5.2 5.3	Thuyết trình, làm việc nhóm, seminar	Số tự nhiên được hình thành như thế nào? Ví dụ? Các phép toán cơ bản trên N? -Hệ g phân? Hệ thập phân? Các phép toán trên g phân? -Bước đầu tìm hiểu các biểu tượng toán hình thành ở mầm non	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phan Thị Hiệp	Cơ sở Toán mầm non	2019	ĐHĐT (LHNB)	Giảng viên	x	
2	Trần Diên Hiên Nguyễn Văn Ngọc	Giáo trình Toán cao cấp 1	2012	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Diên Hiên	Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic Toán	2007	NXB GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Diên Hiên Nguyễn Thủy Chung	Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học	2018	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi

tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Sửa bài tập	Chương 1, mục 1.2, Chương 2, mục 2.1, 2.2, Chương 3, mục 3.1, 3.2.	5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.2	Báo cáo nhóm	Chương 1, mục 1.2, 1.3 Chương 2, mục 2.2, 2.3. Chương 3, mục 3.2, 3.3 - Có mặt 2/3 bài nhóm - Báo cáo	5.1, 5.2, 5.3	
9.3	Kiểm tra giữa kì, Thời gian 60 phút, đề mở	Chương 1, mục 1.1, 1.2, Chương 2, mục 2.1, 2.2, Chương 3, mục 3.1, 3.2	5.1, 5.2	
9.4	Thi kết thúc học phần, Tự luận thời gian 60 phút, đề mở	Toàn bộ nội dung của học phần	5.1,5.2	0.6

6.1.10. VỆ SINH - PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4224 - VỆ SINH – PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (45/00/90)
- Học phần điều kiện (nếu có): Sự phát triển thể chất trẻ em
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phan Thị Hoàng Nguyên
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Điện thoại: 0914443524 Email: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ em* thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, nó chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình, góp phần hình thành ở SV những năng lực cần thiết trong việc vệ sinh và phòng bệnh cho trẻ, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong quá trình làm việc sau này.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Xác định những vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh, liệt kê được công việc vệ sinh trường MN và các kỹ năng vệ sinh chăm sóc trẻ; Xác định các bệnh thường gặp ở trẻ; cách phòng và sơ cứu các bệnh thường gặp ở trẻ; cách bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được kiến thức vệ sinh và phòng bệnh – đảm bảo an toàn cho trẻ, để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tốt hơn, đáp ứng với việc đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non hiện nay.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Liên hệ được kiến thức vệ sinh trường MN và các thao tác vệ sinh để chăm sóc trẻ.	1.2	3
5.1.2	Phân biệt những phương pháp, hình thức về phòng, sơ cứu các bệnh; cách bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp cho trẻ.	1.4	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích một số tình huống có liên quan đến công tác vệ sinh cho trẻ, vệ sinh ở trường MN.	2.1.1	4
5.2.2	Xác định các nguyên nhân gây bệnh cho trẻ và các tai nạn thương tích liên quan đến trẻ ở trường MN.	2.1.4	4
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Hình thành được thói quen tự học, sưu tầm tư liệu từ nhiều nguồn, biết sắp xếp có hệ thống, tiện sử dụng, thích làm việc với nhóm, yêu môn học và mong muốn trải nghiệm thực tế những điều đã biết.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Phần 1: VỆ SINH TRẺ EM					
Chương 1. VI SINH VẬT VÀ KÍ SINH TRÙNG GÂY BỆNH 1.1. Đại cương về vi sinh vật 1.2. Đặc điểm dịch tễ học và miễn dịch 1.3. Kí sinh trùng y học (Sv tự NC)	02/04	5.1; 5.2 5.3	- Đàm thoại - Giảng giải	- SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình [1] và trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn.	9.1 9.2
Chương 2. VỆ SINH Ở TRƯỜNG MẦM NON 2.1. Môi trường không khí 2.2. Vệ sinh nguồn nước 2.3. Vệ sinh mặt đất và các chất thải. (Tự NC) 2.3.1 Ô nhiễm đất 2.3.2 Những biện pháp giữ vệ sinh mặt đất ở trường mầm non 2.4 Yêu cầu vệ sinh ở trường MN	04/08		- Thảo luận nhóm - Đàm thoại - Giảng giải	- SV nghiên cứu trước nội dung ở giáo trình [1] và trả lời các câu hỏi theo hướng dẫn.	9.1 9.2
Chương 3. VỆ SINH CHĂM SÓC TRẺ EM 3.1 Vệ sinh sinh hoạt 3.2 Vệ sinh cơ thể 3.3 Vệ sinh mắt, tai, mũi, họng 3.4 Vệ sinh trang phục 3.5 Giáo dục thói quen vệ sinh văn minh cho trẻ	08/16	5.1 5.2 5.3	- Thảo luận nhóm - Đàm thoại - Giảng giải - Thực hành	- SV đọc tài liệu tham khảo - SV nghiên cứu các thao tác vệ sinh cho trẻ, chuẩn bị một số dụng cụ thực hành: Khăn, thau chậu... SV tự tin, mạnh dạn thực hiện đúng thao tác.	9.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.6 Yêu cầu vệ sinh đối với giáo viên, nhân viên ở trường MN 3.7 Theo dõi quản lý sức khỏe trẻ (Sv tự NC) *Ôn tập + dặn dò				-GV hướng dẫn các nội dung vệ sinh: + Thao tác rửa mặt cho trẻ nhà trẻ - Mẫu giáo. + Thao tác rửa tay cho trẻ nhà trẻ - Mẫu giáo. + Thao tác rửa bộ phận sinh dục cho trẻ nhà trẻ nhóm 6-12 tháng. V.V....	
Phần 2: PHÒNG BỆNH CHO TRẺ MẦM NON					
Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy học	- Chuẩn bị của sinh viên	- Hoạt động đánh giá
Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BỆNH TRẺ EM 1.1 Vai trò của môn học và một số khái niệm về bệnh. 1.2 Sự tăng trưởng về thể chất và phát triển tâm vận động ở trẻ. 1.3 Đặc điểm bệnh lý ở trẻ em qua các thời kỳ phát triển. 1.4 Tình hình bệnh tật và tử vong ở trẻ em. 1.5 Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.	02/04	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm	- - Sv đọc giáo trình [2] trang (7-29) và trả lời câu hỏi trang (29-30)	- 9.1 - 9.2
Chương 2. CÁC BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ EM. 2.1 Các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và chuyển hóa 2.2 Bệnh thuộc hệ tiêu hóa 2.3 Bệnh thuộc hệ hô hấp 2.4 Bệnh thuộc hệ tiết niệu 2.5 Bệnh thấp tim	04/08	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm -Trò chơi (nếu có).	- Sv đọc giáo trình [2] trang (31-98) và trả lời câu hỏi trang 99. - Sv đọc các tài liệu tham khảo	9.1 9.2
Chương 3: CÁC BỆNH CHUYÊN KHOA VÀ BỆNH TRUYỀN NHIỄM. CÁCH PHÒNG VÀ SƠ CỨU BAN ĐẦU MỘT SỐ BỆNH THƯỜNG GẶP Ở TRẺ 3.1 Bệnh về mắt 3.1.1 Bệnh viêm kết mạc cấp tính 3.1.2 Bệnh đau mắt hột	12/24	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm	- Sv đọc giáo trình [2] trang (100-116) và trả lời câu hỏi trang 116. SV đọc giáo trình [2] trang (117-146) và trả lời câu hỏi trang 146. - Sv đọc các tài liệu tham khảo	9.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
3.2 Bệnh sâu răng 3.3 Các bệnh truyền nhiễm thường gặp 3.3.1 Bệnh lao 3.3.2 Bệnh uốn ván 3.3.3 Bệnh ho gà 3.3.4 Bệnh bạch hầu 3.3.5 Bệnh bại liệt 3.3.6 Bệnh viêm gan do virus 3.3.7 Bệnh AIDS 3.4 Đề phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp 3.4.1 Bệnh nhiễm khuẩn hô hấp cấp 3.4.2 Bệnh tiêu chảy 3.4.3 Phòng bệnh sâu răng 3.4.4 Bệnh béo phì ở trẻ em 3.5 Một số kỹ năng phát hiện sớm và chăm sóc trẻ ốm 3.6 Theo dõi sức khỏe và phòng dịch				- - SV đọc giáo trình [2] trang (147- 168) và trả lời câu hỏi trang 169. - - SV nhận và làm bài tập từ GV (nếu có) SV đọc các tài liệu tham khảo	
Chương 4: MỘT SỐ TAI NẠN THƯỜNG GẶP VÀ GIÁO DỤC PHÒNG TRÁNH ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ MẦM NON 4.1 Một số tai nạn thương tích có thể xảy ra cho trẻ 4.2 Cách phòng tránh và xử trí ban đầu một số tai nạn thương tích 4.3 Nội dung Hình thức tổ chức 4.4 Một số hoạt động cụ thể 4.5 Một số lưu ý trong chăm sóc - giáo dục trẻ khuyết tật. 4.6 Một số tai nạn thương tích *Ôn tập + dẫn dò	12/24	5.1 5.2 5.3	-Thuyết trình -Đàm thoại -Thảo luận nhóm - Thực hành	- - - - SV đọc giáo trình [2] trang (170-184) và trả lời câu hỏi trang 185. + Cấp cứu ngừng thở và ngừng tim. + Băng bó vết thương. - - SV đọc giáo trình [2] trang (186- 197). - - SV nhận và làm bài tập từ GV (Sv tập dạy, hội thảo, tuyên truyền, hóa trang, kịch bản ..v.v..)	- 9.1 - 9.2
6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có): Không có					
7. Tài liệu học tập					

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần	Giáo trình: Vệ sinh - Dinh dưỡng	2008	NXB Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần	Giáo trình: <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i>	2008	NXB GD, Hà Nội.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Nguyễn Thị Phong, Trần Thanh Tùng	Vệ sinh trẻ em	2001	NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Thị Phương	Phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	2012	NXB ĐHSP	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo)	2009	Nhà xuất bản Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Phần 1, Phần 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài tập nhóm – Lần 1	Phần 1	5.1 5.2	0.1
9.1.2	Bài tập nhóm- Lần 2	Phần 2	5.1 5.2 5.3	0.1
9.1.3	Bài tập cá nhân	Phần 1, phần 2	5.1; 5.2; 5.3	0.2

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.2	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Phần 1, Phần 2	5.1 5.2	0.6

6.1.11. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4002 - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không có
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang Chức danh, học hàm, học vị: GV - Thạc sỹ
- Điện thoại: 0908732782 Email: sang.lethithanh@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai Chức danh, học vị: GV - Thạc sỹ
- Điện thoại: 0983482042 E-mail: nguyenumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“Đánh giá kết quả giáo dục mầm non” là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên năng lực về đánh giá trong giáo dục mầm non.

Học phần “Đánh giá kết quả giáo dục mầm non” trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Vai trò, chức năng, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá trong giáo dục mầm non, sinh viên tập luyện nhận xét, đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chất lượng chương trình giáo dục mầm non, đánh giá hoạt động nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ mầm non. Từ đó làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non, biết cách thực hiện nhiệm vụ đánh giá trong giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh công tác đào tạo - giáo dục thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Khái quát các lý luận về nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá trong giáo dục mầm non.

4.2. Kỹ năng:

Đánh giá được hiệu quả việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, sự phát triển của trẻ Mầm non, đánh giá được hiệu quả hoạt động của người giáo viên mầm non trong bối cảnh xã, chất lượng của cơ sở giáo dục mầm non.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Hướng dẫn, giám sát những người thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ được giao. Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Mô tả được các nội dung, yêu cầu, phương pháp, hình thức đánh giá; các hoạt động đánh giá trong giáo dục mầm non	1.5	2
5.1.2	Xác định tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ mầm non.		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được các phiếu đánh giá phù hợp với nội dung đánh giá	2.1.5	3
5.2.2	Đánh giá hiệu quả của chương trình giáo dục mầm non, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non chất lượng cơ sở giáo dục mầm non; sự phát triển của trẻ mầm non.		5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Hướng dẫn, giám sát những người thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ được giao.	3.1; 3.2	4
5.3.2	Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết:

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC MẦM NON 1.1. Những vấn đề cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. 1.1.1. Đo lường, đánh giá và định giá trị 1.1.2. Vị trí & vai trò của đánh giá trong GDMN 1.1.3. Chức năng của đánh giá 1.1.4. Những yêu cầu đối với việc đánh giá 1.2. Mục tiêu giáo dục - Cơ sở của đánh giá trong giáo dục mầm non. 1.2.1. Phân biệt định hướng, mục đích và mục tiêu 1.2.2. Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học	05 05/10	5.1.1 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập	+ Đọc tài liệu: [1] trang 5 đến trang 36 + Trả lời các câu hỏi .[1]Các khái niệm: Đo lường, Đánh giá, Giá trị, Mối quan hệ giữa các khái niệm. [2]Những yêu cầu, nội dung, và phương pháp đánh giá trong GDMN. + Đọc tài liệu [1]: mục 2.	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
<p>1.3. Nội dung và phương pháp đánh giá trong giáo dục MN</p> <p>1.3.1. Nội dung đánh giá trong giáo dục</p> <p>1.3.2. Phương pháp đánh giá trong giáo dục</p>				<p>Cách xây dựng mục tiêu cấp độ lớp học.. (trang 22 đến 29)</p> <p>☞ Lựa chọn một nội dung bất kỳ trong chương trình giáo dục mầm non, vận dụng quy trình xây dựng mục tiêu bài dạy để thiết kế các mục tiêu cụ thể cho những bài dạy đó về kiến thức, kỹ năng, thái độ.</p>	
<p>CHƯƠNG 2: ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>2.1. Một số khái niệm liên quan.</p> <p>2.1.1. Cơ sở GDMN</p> <p>2.1.2. Chất lượng - chất lượng giáo dục - chất lượng GD mầm non</p> <p>2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.</p> <p>2.2.1. Chất lượng cơ sở giáo dục theo Unesco</p> <p>2.2.2. Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non</p>	<p>05</p> <p>05/10</p>	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.2</p> <p>5.3</p>	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Đàm thoại</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Làm bài tập</p>	<p>+ Xem tài liệu [1] trang 37 đến trang 48.</p> <p>Phân tích các tiêu chí cơ bản tạo nên chất lượng giáo dục mầm non, mô tả hoạt động đánh giá chất lượng trường mầm non.</p> <p>Lập Phiếu đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục mầm non.</p>	<p>9.1.2</p> <p>9.2</p>
<p>CHƯƠNG 3: ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON</p> <p>3.1. Đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.1. Chương trình GD và đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.2. Các tiêu chí đánh giá chương trình giáo dục</p> <p>3.1.3. Các loại chương trình giáo dục</p> <p>3.1.4. Người đánh giá chương trình</p> <p>3.2. Chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>3.2.1. Quan điểm xây dựng chương trình</p> <p>3.2.2. Nội dung chương trình GD mầm non</p> <p>3.3. Tổ chức đánh giá thực hiện chương trình giáo dục mầm non</p> <p>3.3.1. Hình thức đánh giá chương trình</p>	<p>03</p> <p>03/06</p>	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2</p> <p>5.3</p>	<p>+ Thuyết giảng</p> <p>+ Đàm thoại</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ Làm bài tập</p>	<p>+ Xem tài liệu [1] trang 49 đến 64; [2].</p> <p>+ Trả lời trước các câu hỏi</p> <p>[1] Chương trình giáo dục là gì?</p> <p>[2] Đánh giá chương trình giáo dục mầm non là gì?</p> <p>[3] Phân tích các tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình giáo dục.</p>	<p>9.1.2</p> <p>9.2</p>

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
3.3.2. Những công việc cần tiến hành khi đánh giá chương trình GD				+ Mô tả tóm tắt chương trình giáo dục mầm non đang hiện hành. + Bài tập: Sử dụng các tiêu chí đánh giá chương trình để đánh giá chương trình giáo dục mầm non đang hiện hành	
<p>CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON</p> <p>4.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.</p> <p>4.1.1. Chuẩn</p> <p>4.1.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.</p> <p>4.2. Nguồn cung cấp minh chứng trong đánh giá giáo viên.</p> <p>4.2.1. Nguồn cung cấp minh chứng về công việc ở trường của người GV</p> <p>4.2.2. Nguồn minh chứng về các hoạt động khác của người GV</p>	06 06/12	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập.	+ Xem tài liệu [1] trang 65 đến 86; tài liệu [4] trang 39 đến 50. + Trả lời trước các câu hỏi : [1] Giải thích các khái niệm: Chuẩn, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. [3]Giới thiệu nội dung, ý nghĩa, quy trình đánh của chuẩn nghề nghiệp GVMN. + Bài tập: Cá nhân dựa vào chuẩn nghề nghiệp GVMN đang hiện hành, thử đánh giá bản thân,	9.1.1 9.2
<p>CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ</p> <p>5.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em và nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ</p> <p>5.1.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em</p> <p>5.1.2. Nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ</p> <p>5.2. Nội dung đánh giá sự phát triển của trẻ</p> <p>5.2.1. Các mốc phát triển kỳ vọng cho mỗi giai đoạn lứa tuổi của trẻ.</p>	11 11/22	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	+ Thuyết giảng + Đàm thoại + Thảo luận nhóm + Làm bài tập.	+ Xem tài liệu [1], [2], [3] + HV đọc và nghiên cứu tài liệu trang 100 đến 107). Phân tích các nguyên tắc đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em. - Suu tầm các mẫu phiếu	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của học viên	Đánh giá hoạt động
5.2.2. Chỉ số đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non. 5.2.3. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. 5.3. Hình thức đánh giá trẻ. 5.4. Phương pháp đánh giá trẻ.				đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non theo giai đoạn. Xây dựng Phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ	

6.2. Thực hành: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo trình Đánh giá trong giáo dục mầm non	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG	x	
2	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2021	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
3	Bộ GD & ĐT	Tài liệu Hướng dẫn sử dụng Bộ công cụ đánh giá sự phát triển trẻ em năm tuổi	2012		Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
4	Nguyễn Mạnh Tuấn (chủ biên), Phạm Thị Diệu Thúy	Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non	2019		Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
5	Bộ GD & ĐT	Tài liệu hướng dẫn hỏi - đáp Chuẩn nghề nghiệp GVMN	2019	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x

8. Quy định đối với học viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, chương 2, chương 3, chương 4, chương 5	5.1;5.2;5.3	0.4

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 4, chương 5	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 1,2,3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá cuối kỳ Thi kết thúc học phần: tự luận</i>	<i>Chương 1, 2,3,4,5</i>	5.1 5.2	0.6

6.1.12. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4238- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ VUI CHƠI
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/45)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non.
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại: 0919.520.999
- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi*” là một học phần thuộc nhóm kiến thức cơ bản đóng vai trò rất quan trọng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Khái quát những kiến thức về lý luận và phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi

4.2. Kỹ năng

Tổ chức các hoạt động vui chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ mầm non trong điều kiện thực tiễn.

Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.

4.2. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được , đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi.	1.5	3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Thiết kế môi trường tổ chức trò chơi an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động	2.1.3	6
5.2.2	Tổ chức trò chơi trong các hoạt động chăm sóc – giáo dục phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.3	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.3	5
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**6.1. Lý thuyết**

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Khái niệm hoạt động vui chơi 1.2. Đặc điểm của hoạt động vui chơi 1.3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.4. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi (tự học) 1.5. Phân loại trò chơi của trẻ em (tự học) 1.6. Đồ chơi (tự học) 1.7. Các loại trò chơi - Trò chơi mô phỏng - Trò chơi xây dựng - Trò chơi đóng kịch – đóng vai - Trò chơi học tập - Trò chơi vận động - Trò chơi dân gian - Trò chơi điện tử (tự học)	08/16	4.1 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	SV đọc tài liệu [1]	9.1
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Mục tiêu tổ chức 2.2. Nguyên tắc tổ chức 2.3. Nội dung – hình thức – phương pháp tổ chức 2.3.1. Chơi trong giờ đón – trả trẻ 2.3.2. Chơi ở hoạt động góc 2.3.3. Chơi ngoài trời 2.3.4. Chơi trong hoạt động học tập có chủ đích 2.3.5. Chơi theo ý thích 2.3.6. Chơi trong sinh hoạt tập thể/ lễ hội 2.4. Sáng tạo các trò chơi mới	04/12	4.1 4.2	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình		9.1
CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI THEO CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA TRẺ 3.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường MN 3.2. Tổ chức HĐVC theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường MN 3.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong HĐVC	18/36	4.1 4.2 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 3.1; 3.2 và 3.3 - PP đàm thoại - PP thuyết trình - PP thực hành Mỗi nhóm thực hành tập dạy các loại trò chơi 1. ĐVTCD 2. LG-XD	SV đọc tài liệu [1] từ trang 214 – 227. Tham khảo tài liệu [2]; [3]; [4]; [5]; [6] + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch làm theo nhóm, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Các nhóm tự phân công lên	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			3. TCVD 4.TCHT 5. TC ÂN 6.TCDG	tiết dạy. Phải xác định rõ: Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, cách tiến hành. Tập dạy thử + Trưởng nhóm nộp danh sách <u>có ký tên</u> của từng thành viên trong nhóm và kế hoạch cho giảng viên trước khi tập dạy	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Đình Văn Vang	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2009	NXB GD Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng	X	
2	Đặng Thu Huỳnh	Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ	2004	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
3	Lê Thị Thanh Nga	Bé chơi trò chơi vận động	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	Hướng dẫn bé làm quen với toán qua các trò chơi	2014	NXB Giáo dục Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
5	Lý Thu Hiền	Trò chơi âm nhạc cho trẻ từ 2-6 tuổi theo hướng tích hợp chủ đề	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
6	Trần Hoà Bình	Trò chơi dân gian trẻ em	2008	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1,2, 3,	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành-Vấn đáp</i>	<i>Chương 1,2,3</i>	<i>5.1; 5.2;</i>	<i>0.6</i>

6.1.13. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TẠO HÌNH CHO TRẺ MẦM NON**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: KI4238- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC CHO TRẺ VUI CHƠI
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 30 (15/15/45)
- Học phần điều kiện: Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non.
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non
- Điện thoại: 0919.520.999
- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi*” là một học phần thuộc nhóm kiến thức cơ bản đóng vai trò rất quan trọng cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục mầm non giúp sinh viên trang bị kiến thức về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi. Đồng thời, rèn luyện sinh viên có được kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non trong bối cảnh địa phương.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức:**

Khái quát những kiến thức về lý luận và phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi

4.2. Kỹ năng

Tổ chức các hoạt động vui chơi phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ mầm non trong điều kiện thực tiễn. Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CĐR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được , đặc điểm, ý nghĩa, phân loại, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ vui chơi.	1.5	3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Thiết kế môi trường tổ chức trò chơi an toàn, đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động	2.1.3	6
5.2.2	Tổ chức trò chơi trong các hoạt động chăm sóc – giáo dục phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.3	Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.3	5
5.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**6.1. Lý thuyết**

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CỦA TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Khái niệm hoạt động vui chơi 1.2. Đặc điểm của hoạt động vui chơi 1.3. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi 1.4. Nguồn gốc và bản chất của hoạt động vui chơi (tự học) 1.5. Phân loại trò chơi của trẻ em (tự học) 1.6. Đồ chơi (tự học) 1.7. Các loại trò chơi - Trò chơi mô phỏng - Trò chơi xây dựng - Trò chơi đóng kịch – đóng vai - Trò chơi học tập - Trò chơi vận động - Trò chơi dân gian - Trò chơi điện tử (tự học)	08/16	4.1 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình	SV đọc tài liệu [1]	9.1
CHƯƠNG 2: PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Mục tiêu tổ chức 2.2. Nguyên tắc tổ chức 2.3. Nội dung – hình thức – phương pháp tổ chức 2.3.1. Chơi trong giờ đón – trả trẻ 2.3.2. Chơi ở hoạt động góc 2.3.3. Chơi ngoài trời 2.3.4. Chơi trong hoạt động học tập có chủ đích 2.3.5. Chơi theo ý thích 2.3.6. Chơi trong sinh hoạt tập thể/ lễ hội 2.4. Sáng tạo các trò chơi mới	04/12	4.1 4.2	- PP thảo luận nhóm: mục 1.3; 1.6 và 1.7 - PP đàm thoại - PP thuyết trình		9.1
CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI THEO CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MỘT NGÀY CỦA TRẺ 3.1. Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi ở trường MN 3.2. Tổ chức HĐVC theo chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường MN 3.3. Đánh giá sự phát triển của trẻ trong HĐVC	18/36	4.1 4.2 4.3	- PP thảo luận nhóm: mục 3.1; 3.2 và 3.3 - PP đàm thoại - PP thuyết trình - PP thực hành Mỗi nhóm thực hành tập dạy các loại trò chơi 1. ĐVTCD 2. LG-XD	SV đọc tài liệu [1] từ trang 214 – 227. Tham khảo tài liệu [2]; [3]; [4]; [5]; [6] + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch làm theo nhóm, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Các nhóm tự phân công lên	9.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			3. TCVD 4.TCHT 5. TC ÂN 6.TCDG	tiết dạy. Phải xác định rõ: Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, cách tiến hành. Tập dạy thử + Trưởng nhóm nộp danh sách <u>có ký tên</u> của từng thành viên trong nhóm và kế hoạch cho giảng viên trước khi tập dạy	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Đình Văn Vang	Giáo trình Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2009	NXB GD Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng	X	
2	Đặng Thu Huỳnh	Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ	2004	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
3	Lê Thị Thanh Nga	Bé chơi trò chơi vận động	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
4	Nguyễn Thị Thanh Giang	Hướng dẫn bé làm quen với toán qua các trò chơi	2014	NXB Giáo dục Việt Nam	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
5	Lý Thu Hiền	Trò chơi âm nhạc cho trẻ từ 2-6 tuổi theo hướng tích hợp chủ đề	2007	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X
6	Trần Hoà Bình	Trò chơi dân gian trẻ em	2008	NXB Giáo dục	TT-HL Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phân;

Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phân theo các quy định trong đề cương chi tiết học phân

Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.

Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Chương 1, 2, 3</i>	<i>5.1; 5.2; 5.3</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Bài tập	Chương 1, 2, 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1,2, 3,	5.1; 5.2; 5.3	
9.1.3	Thực hành tập dạy	Chương 3	5.1; 5.2; 5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành-Vấn đáp</i>	<i>Chương 1,2,3</i>	<i>5.1; 5.2;</i>	<i>0.6</i>

6.1.14. ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4154 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 02

Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30 (20/20/60)

- Học phần điều kiện (nếu có):

- Học kỳ:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Nhỏ

Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0945.703.880

Email: ytnho@dthu.edu.vn

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Liễu Gia

Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0977.341.028

Email: nngiao@dthu.edu.vn

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Lê Anh Tuấn

Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0914.555.875

Email: latuan@dthu.edu.vn

- Đơn vị: Phòng Đào tạo

3. Tổng quan về học phần

Học phần “**Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non**” thuộc khối kiến thức bắt buộc dành cho chuyên ngành Giáo dục mầm non. Học phần *Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học Mầm non* giới thiệu công dụng của CNTT trong dạy học mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên (SV) những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về CNTT trong dạy học; sử dụng các dịch vụ Web 2.0 trong dạy học và khai thác mô hình E-Learning; công nghệ và thiết bị dạy học; thiết kế các trò chơi học tập, thiết kế bài dạy mầm non có ứng dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực. Đồng thời, học phần giúp SV hình thành khả năng sử dụng phần mềm hỗ trợ giảng dạy mầm non theo xu hướng hiện đại. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức nhằm tránh những tác động tiêu cực của việc lạm dụng CNTT trong dạy. Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: *Stem trong dạy học mầm non*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

- Trình bày kiến thức về lý luận môn Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non. Khai thác một số phần mềm: Gimp, ProShow Gold, Violet, MS PowerPoint, iMindMap, Adobe Presenter/iSpring Suite ... để xây dựng được các hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ ở tất cả các lĩnh vực ở mầm non.

- Khả năng phân tích tài liệu học tập và thiết kế bài giảng, xác định rõ quy trình thiết kế bài giảng điện tử có ứng dụng CNTT ở mầm non. Có kỹ năng làm việc hợp tác và thuyết trình.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất

Sử dụng được các phương tiện kỹ thuật để dạy học ở Mầm non. Sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng giáo dục tạo ra sản phẩm tin học cụ thể, để xây dựng các sản phẩm CNTT

phục vụ cho dạy học. Biết lựa chọn những nội dung phù hợp cho việc ứng dụng CNTT có hiệu quả. Thực hành thiết kế một số tình huống, bài giảng cụ thể có sự hỗ trợ của CNTT.

4.3. Mức độ tự chủ, chịu trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân. Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm. Có ý thức ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả dạy học. Có ý thức tìm hiểu và cập nhật ứng dụng những phần mềm giáo dục mới vào dạy học cũng như hỗ trợ học tập và hoạt động nghề nghiệp của mình. Phát triển năng lực: khai thác, vận dụng được các phần mềm giáo dục mầm non để học tập và phát triển nghề nghiệp của bản thân. Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	- Diễn giải được mục tiêu môn Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non, định hướng tạo ra các sản phẩm tin học: xây dựng trò chơi, bài dạy mầm non có sử dụng CNTT. - Nêu được cách sử dụng các sản phẩm tin học như: trò chơi, bài dạy có UDCNTT... cách ứng xử văn hóa trong môi trường số vào tình huống cụ thể.	1.6	3
5.1.2	Xác định được các yếu tố cấu thành trò chơi; kế hoạch bài dạy có UDCNTT như: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, hình thức đánh giá trong việc thiết kế. Phác thảo được kế hoạch bài dạy có UDCNTT phù hợp với dạng bài và đối tượng trẻ cụ thể.	1.6	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện được các thao tác thực hành tạo ra sản phẩm mầm non có UDCNTT theo cá nhân hoặc nhóm.	2.1.6	3
5.2.2	Tổ chức và thiết kế kế hoạch dạy học các bài học, chuẩn bị và sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học, đánh giá có sử dụng CNTT khi dạy các lĩnh vực mầm non. Phát huy vai trò chủ động tích cực học tập của trẻ.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Chuyên cần, tích cực tham gia hoạt động học tập. Chủ động, sáng tạo, cầu tiến trong học tập, thực hành. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm và ý thức kỉ luật.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG DẠY HỌC Ở MẦM NON 1.1 Các khái niệm 1.2 Vai trò của CNTT trong dạy học mầm non 1.2.1. CNTT là phương tiện dạy học 1.2.2. CNTT là môi trường tổ chức dạy học 1.3 Các phương thức ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non	3/6	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm. (Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài)	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời câu hỏi theo yêu cầu giảng viên	[5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.3.1. Sử dụng các dịch vụ We 2.0 trong dạy học 1.3.2. Khai thác các mô hình E-Learning 1.4 Một số yêu cầu đối với giáo viên khi ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non			- Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các ứng dụng CNTT trên quy trình làm quan sát, thực hiện thao tác nội dung mẫu hướng dẫn ứng dụng		
CHƯƠNG 2: CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC 2.1 Các thiết bị dạy học hiện đại 2.1.1. Công nghệ in trong dạy học 2.1.2. Công nghệ nhìn trong dạy học 2.1.3. Công nghệ chiếu rọi trong dạy học 2.2. Lựa chọn công nghệ và thiết bị dạy học	2/4	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3.1	- Thuyết trình, - Thảo luận nhóm. (Vấn đáp hướng dẫn SV tự nghiên cứu tài liệu, các vấn đề liên quan bài dạy và làm rõ nội dung bài) - Giảng giải làm rõ các nội dung bài - Hướng dẫn cách quan sát các công nghệ và lựa chọn công nghệ.	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3 và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu giảng viên	[5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH, PHIM 3.1. Giới thiệu 3.2. Khai thác phần mềm chỉnh sửa ảnh 3.3. Khai thác phần mềm chỉnh sửa phim	3/12	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ TRÊN VIOLET 4.1 Các kỹ thuật thiết kế trên Violet 4.2 Khai thác các mẫu bài tập 4.3 Sử dụng các mô đun cắm thêm (Plugin)	4/14	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]
CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT 5.1 Các kỹ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Tiểu học với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Tiểu học với MS PowerPoint 5.4 Nhúng các công cụ hỗ trợ 5.4.1. Nhúng Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite	8/24	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Diễn giảng và luyện tập thực hành	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Bài tập cá nhân làm sản phẩm ở mục [5.1.1] [5.1.2] [5.2.1] [5.3.1]

6.2. Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có)

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 3: SỬ DỤNG PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH, PHIM 3.1 Phần mềm chỉnh sửa ảnh (Gimp) 3.2 Phần mềm chỉnh sửa phim (ProShow Gold, Format Factory)	3/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ TRÊN VIOLET 4.1 Các kỹ thuật thiết kế trên Violet 4.2 Khai thác các mẫu bài tập 4.3 Sử dụng các mô đun cắm thêm (Plugin)	4/6	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu 1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Hoàn thành bài tập thực hành theo yêu cầu
CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BÀI GIẢNG TRÌNH CHIẾU TRÊN MS POWERPOINT	8/8	5.1.2 5.2.1 5.2.2	Thực hành, thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu	Hoàn thành bài tập

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
5.1 Các kỹ thuật thiết kế trên MS PowerPoint 5.2 Thiết kế các trò chơi trong dạy học Tiểu học với MS PowerPoint 5.3 Thiết kế bài giảng ở Tiểu học với MS PowerPoint 5.4 Những công cụ hỗ trợ 5.4.1. Nhúng Violet vào MS PowerPoint 5.4.2. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy (iMindMap) 5.4.3. Thiết kế bài giảng e-learning với Adobe Presenter / iSpring Suite		5.3.1		1, 2, 3, 4 và làm bài tập thực hành theo yêu cầu giảng viên	Thực hành theo yêu cầu

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Giảng viên	Bài giảng “Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non”	2022			x	
2	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 1)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Dự án phát triển giáo viên tiểu học	Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học (Tập 2)	2006		Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Tony Buzan	Nền tảng và ứng dụng của bản đồ tư duy	2014	NXB Tổng hợp TP.HCM	Thư viện Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá/Tên	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	Thực hành cá nhân	Chương 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	

Mã	Hình thức đánh giá/Tên	Nội dung được đánh giá	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1.2	Điểm sản phẩm giữa kỳ	Chương 3,4,5	5.1; 5.2; 5.3	
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	<ul style="list-style-type: none">- Thực hành- Thời gian: 90 phút- Đề mở (Sinh viên được sử dụng tài liệu)	Chương 1,2,3,4,5	5.1, 5.2, 5.3	

6.1.15. LÀM ĐỒ CHƠI VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4249 - LÀM ĐỒ CHƠI VÀ THIẾT KẾ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần: - Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ: 80 (10LT/70ThH/90TH)

- Học phần điều kiện: Mỹ thuật mầm non (KI4219)

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Hồ Thị Huyền Chức danh, học vị: Giảng viên, CN

- Điện thoại: 0972718186 E-mail: hthminhhuyen@gmail.com

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Minh Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ

- Điện thoại: 0915724600 E-mail: tuyetminh321979@yahoo.com.vn

- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“*Làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên nghiệp của chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non. Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về đồ chơi trẻ em và ý nghĩa của đồ chơi trong giáo dục trẻ; định hướng phương pháp làm từng loại hình đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ ở trường mầm non nhằm góp phần phát triển năng lực thực hành làm đồ chơi đơn giản bằng đa dạng các loại nguyên vật liệu tự nhiên và sẵn có; đồng thời biết tạo môi trường thực hiện hấp dẫn sinh động và linh hoạt cho trẻ vào các hoạt động chơi tập hàng ngày, đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Có kiến thức lí luận cơ bản về đồ chơi trẻ em, biết cách làm từng loại đồ chơi cho trẻ mầm non, hiểu vai trò và tầm quan trọng của đồ chơi, phối hợp hiệu quả vào việc thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất:

Thực hiện được các dạng đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau, tự tin hướng dẫn trẻ tạo ra một số đồ chơi đơn giản phục vụ thiết thực cho các hoạt động chơi tập hàng ngày. Thiết kế được môi trường giáo dục đối với các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học chủ động trình bày, chia sẻ thông tin về các sản phẩm mình thực hiện, biết phản hồi ý kiến, tương tác với các thành viên khác. Hình thành thói quen sưu tầm tư liệu, nguyên vật liệu; tích cực thực hành bài tập, yêu thích môn học; biết ứng dụng những kỹ năng làm đồ chơi, thiết kế môi trường giáo dục vào trong giảng dạy sau này.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1	Kiến thức		

5.1.1	Nhận định những kiến thức khoa học cơ bản về làm đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục để sáng tạo được một số đồ dùng dạy học và đồ chơi đáp ứng nhiệm vụ tổ chức hoạt động tạo hình và tổ chức các hoạt động khác ở trường mầm non.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thực hiện khéo léo bằng đôi tay để tạo ra các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi như đồ chơi học tập, miêu tả hình tượng, sân khấu âm nhạc, trang trí và xếp hình xây dựng bằng các kỹ thuật xử lý vật liệu từ thiên nhiên và tái chế, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.6	3
5.2.2	Thiết kế môi trường giáo dục an toàn cho các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời đa dạng, sáng tạo và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động.	2.1.3	6
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để tạo ra các sản phẩm đồ dùng, đồ chơi; biết phân tích, đánh giá, nhận xét sản phẩm; sử dụng những kiến thức lý luận đã học vào việc thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non phù hợp điều kiện thực tiễn và có thể thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3.	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương	Số tiết (10LT/ 20TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
Chương 1: Những vấn đề chung về đồ chơi cho trẻ mầm non 1.1. Khái niệm và đặc trưng của đồ chơi 1.2. Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với sự phát triển của trẻ mầm non 1.3. Phân loại đồ chơi 1.4. Những nguyên tắc cần đảm bảo khi làm đồ chơi 1.5. Các kỹ thuật làm đồ chơi từ những nguyên vật liệu khác nhau	(02/04)	5.1; 5.3	- Thuyết giảng; - Đưa vấn đề; - Giải quyết vấn đề; - Thảo luận nhóm; - Thuyết trình; - Tìm hiểu thực tế;... + GV giới thiệu ĐCCT và một số vấn đề lưu ý với học phần.	- Đọc ĐCCT. - Xem TL [1, tr.9 - 20]. + SV thảo luận và trình bày các nội dung trong chương 1. * Bài tự học: SV tìm hiểu thực tế đồ chơi trong trường mầm non.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 2: Phương pháp làm đồ chơi 2.1. Đồ chơi học tập 2.1.1. Khái niệm, tác dụng và những yêu cầu của đồ chơi học tập ở trường mầm non 2.1.2. Cấu tạo, cách làm và cách chơi 2.2. ĐC miêu tả hình tượng 2.3. ĐC sân khấu, âm nhạc 2.4. Đồ chơi trang trí 2.5. ĐC xếp hình xây dựng	(04/08)	5.1; 5.3	- Thuyết giảng; - Đưa vấn đề; - Giải quyết vấn đề; - Thảo luận nhóm; - Thuyết trình; - Đàm thoại; - Tìm hiểu thực tế;...	- Xem TL [1, tr.21 - 75]. - Tham khảo TL [4]. - Xem lại kiến thức học phần Mỹ thuật. + SV thảo luận và trình bày các nội dung trong chương 2.	- 9.1; - 9.2; - 9.3
Chương 3: Thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non	(04/08)	5.1; 5.2.2; 5.3	- Thuyết giảng; - Thuyết trình; - Đàm thoại; - Tìm hiểu thực tế;	- TL [2, tr.106 - 133]; - TL [3, 4] - SV đọc và nghiên cứu:	- 9.1; - 9.2

Chương	Số tiết (10LT/ 20TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>3.1. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>3.2. Cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động.</p> <p>3.2.1. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý tưởng, sắp xếp trình tự hoạt động - Bố cục và trang trí không gian tổ chức hoạt động - Thực hiện <p>3.2.2. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động góc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm - Điều kiện cơ sở vật chất - Nguyên tắc thiết kế - Một số hoạt động góc: <ul style="list-style-type: none"> + Góc Phân vai + Góc Nghệ thuật tạo hình + Góc Nghệ thuật âm nhạc + Góc Thư viện <p>(sách, truyện)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Góc Xây dựng (xd hình khối lớn, lắp ráp và ghép hình) + Góc Khám phá khoa học <p>3.3.3. Thiết kế môi trường giáo dục cho hoạt động ngoài trời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sân cỏ, vườn hoa, cây xanh. - Khu vực đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời. - Khu vực chơi với cát, nước và các vật liệu tự nhiên. 			<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động nhóm; + Công não,... 	<ul style="list-style-type: none"> + <i>Khái niệm, ý nghĩa của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường MN.</i> + <i>Các nguyên tắc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non.</i> - <i>Tìm hiểu thực tế môi trường giáo dục một trường mầm non gần nhất.</i> - <i>SV thiết kế, trình bày kết hợp minh họa.</i> 	

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (70ThH/ 70TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 2. Phương pháp làm đồ chơi</p> <p>2.6. Thực hành</p> <p>2.6.1. Đồ chơi học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lô tô, tranh bù chỗ thiếu - Bộ chồng tháp, lồng hộp <p>2.6.2. Đồ chơi miêu tả hình tượng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm các con vật, đồ vật bằng bìa cứng - May con vật bằng vải <p>2.6.3. Đồ chơi sân khấu âm nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rối (rối dẹt, rối tay, rối que) - Mặt nạ, mũ múa <p>2.6.4. Đồ chơi trang trí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm hoa giấy - Làm lồng đèn 	(50/50)	<p>5.1; 5.2.1; 5.3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực quan; - Dự án; - Thực hành theo nhóm;... + <i>GV hướng dẫn SV thực hành chương 2 với nguyên vật liệu tự chọn.</i> + <i>GV hướng dẫn SV trưng bày, thuyết minh, nhận xét,</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các NVL. - Xem TL[1], các ấn phẩm, internet,... * Bài tự học 2.6.1. <i>Cờ đô mi nô, ghép tranh, chấp hình, khâu hạt, gài nút, ...</i> 2.6.2. <i>Làm đồ chơi có chủ đề (bác sĩ, bán hàng, ...), búp</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 9.1; - 9.2; - 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (70ThH/ 70TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp đạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	HĐĐG
2.6.5. Đồ chơi xếp hình, xây dựng - Xếp hình bằng que, hạt hạt, lá cây, hình màng - Bộ đồ chơi xếp khối bằng bìa, nhựa, gỗ,...			chỉnh sửa sản phẩm .	bê, trang phục của bé, các loại quả, ... 2.6.3. Làm một số rối ngôn 2.6.4. Làm lẵng hoa trang trí lớp học. 2.6.5. Thiết kế một bộ đồ chơi lắp ráp xếp hình.	
Chương 3: Phương pháp thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động ở trường mầm non 3.4. Thực hành 3.4.1. Thiết kế môi trường một giờ học cụ thể cho trẻ MG (5-6 tuổi). 3.4.2. Thiết kế môi trường một hoạt động góc cho trẻ MG (5-6 tuổi). (chủ đề tự chọn). 3.4.3. Thiết kế môi trường một hoạt động ngoài trời cho trẻ MG (5-6 tuổi).	(16/16)	5.1; 5.2.2; 5.3	- Hoạt động nhóm; - GV hướng dẫn nhóm thiết kế, trình bày kết hợp minh hoạ. <i>Có thể cho SV báo cáo trên power point hoặc sản phẩm mô hình môi trường giáo dục cho các hoạt động được sắp xếp từ các sản phẩm đồ chơi đã làm.</i>	- TL [2,tr.106- 133]; - TL [3, 4]. Phác thảo thiết kế và báo cáo. Bài tự học: <i>Tìm hiểu thực tế về môi trường giáo dục bên trong (nếu có thể) và tổng quan bên ngoài các cơ sở giáo dục mầm non.</i>	- 9.1; - 9.2
Thi kết thúc học phần <i>Thiết chế một hoặc nhóm sản phẩm đồ chơi trẻ em.</i>	(04/04)	5.1; 5.2.1; 5.3	Thi thực hành Thời gian: 150 phút. Tổ chức trưng bày, nhận xét, đánh giá bài thi.	- Chuẩn bị dụng cụ thi. - SV làm bài thi cá nhân theo đề đã cho.	9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Loan, Phạm Thị Thu	<i>Đồ chơi trẻ em</i>	2015	GĐVN	TTHL LVH, GVHD	x	
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	<i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i>	2007	GĐVN	TTHL Lê Vũ Hùng	x	

3	Lê Thị Huệ, Trần Thị Hương, Phạm Thị Tâm	<i>Thiết kế các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc và hoạt động ngoài trời trong trường mầm non. (Bộ sách)</i>	2011	GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Thị Tuyết Minh	<i>Bài giảng Làm Đồ chơi trẻ em và thiết kế môi trường GD cho trẻ MN.</i>	2021	ĐHĐT	GVHD		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Chuyên cần	Đánh giá quá trình Bài tập tại lớp và tự học Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.1
9.2	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	0.3
9.2.1	Bài tập tại lớp	Chấm các bài tập tại lớp Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.2	Bài tập về nhà	Chấm các bài tập tự học Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.2.3	Kiểm tra	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2; 5.3	
9.3	Đánh giá kết thúc học phần (Thực hành)	Chương 1, 2, 3.	5.1; 5.2.1; 5.3	0.6

6.1.16. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI225 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
- GIÁO DỤC MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 02 Số tiết tín chỉ: 30 (30/00/60)
- Học phần điều kiện (nếu có): Không
- Học phần điều kiện: *GE4072N, GE4074N-*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Trần Nguyễn Thị Như Mai Chức danh, học vị: GV, Ths
- Điện thoại: 0983482042 Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Lê Thị Bích Vân Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0948. 332. 468 E-mail: levan.ltbv@gmail.com
- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Khoa - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914443524 Email: nthkhoaathu@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

3. Tổng quan về học phần

“*Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, là một học phần rất cần thiết đối với sinh viên ngành giáo dục mầm non.

Nội dung của học phần này cung cấp cho sinh viên hiểu một cách đúng đắn, đầy đủ về chương trình và cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non: phân tích về chương trình giáo dục mầm non, lập các loại kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non, tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề, tổ chức chương trình theo sự kiện, xây dựng môi trường giáo dục, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Từ đó sinh viên có thể vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức này vào các học phần phương pháp, rèn luyện và thực tập tốt nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Khái quát các kiến thức về chương trình giáo dục mầm non cách tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Nhận định được những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non, chuẩn xác trong phân tích và phát triển chương trình, lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non phù hợp với thực tiễn..

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc: SV tích cực tham gia các hoạt động trong quá trình học tập, tích cực nghiên cứu và học tập trạng bị kiến kiến chuẩn về môi trường xung quanh.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Diễn giải được cấu trúc, bản chất và cách sử dụng chương trình GDMN,	1.4	2
5.1.2	Sử dụng các kiến thức về chương trình GDMN trong xây dựng các loại kế hoạch giáo dục cho trẻ phù hợp với thực tiễn giáo dục		3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Nhận định những thay đổi của xu hướng giáo dục mầm non trong bối cảnh hội nhập quốc tế trong phân tích và phát triển chương trình	2.1.1	2
5.2.2	Thiết kế kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ linh hoạt, phù hợp với thực tiễn	2.1.2	5
5.2.3	Phân tích cách xây dựng môi trường, giáo cụ phục vụ mục tiêu giáo dục mầm non trong các hoạt động giáo dục	2.1.4.	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GDMN</p> <p>1.1. Khái niệm về chương trình giáo dục và phát triển chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục MN</p> <p>1.2.1. Cơ sở lý luận</p> <p>1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>1.3. Các bước phát triển chương trình giáo dục.</p> <p>1.4. Phân tích chương trình giáo dục mầm non.</p>	06 09/18	5.1.1 5.2.1 5.3	<p>- Thuyết giảng mục :1.1.1.2</p> <p>- Thảo luận – báo cáo nhóm mục 1.4</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu [1], [2]</p> <p>- Đọc tài liệu [1] trang 4 đến 5, trả lời các câu hỏi</p> <p>[1] Chương trình là gì? Phát triển chương trình là gì? Vẽ sơ đồ biểu diễn quá trình phát triển chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>[2]Nêu tóm tắt nội dung cơ bản của các học thuyết về sự phát triển trẻ em, và cách vận dụng</p> <p>[3]Nguyên tắc xây dựng chương trình</p>	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				giáo dục mầm non nào? - Các nhóm Sinh viên chuẩn bị báo cáo ngắn gọn về chương trình: giáo dục Mầm non 1. Chương trình được ban hành khi nào, do ai ban hành? Căn cứ để xây dựng chương trình? 2. Chương trình được phân chia theo những độ tuổi nào / phân chia theo những lĩnh vực nào? 3. Chương trình cho ta biết cụ thể những gì? 4. Chương trình giúp ích gì cho giáo viên	
CHƯƠNG 2: LẬP KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc lập kế hoạch. 2.2. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục mầm non 2.3 Các loại kế hoạch thực hiện chương trình, cấu trúc và nội dung của từng loại kế hoạch.	13 10/20	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3	-Thuyết giảng mục :2.1;2.2;2.3 -Thảo luận nhóm -Làm bài tập: mục 2.3	❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [3], [5] - SV đọc và nghiên cứu, trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 4) - Suu tầm đủ các bản kế hoạch cần phải có của một giáo viên mầm non. - Biết căn cứ vào chương trình GDMN → soạn được tất cả các loại kế hoạch. -Thành lập nhóm, thực hành lập các loại kế hoạch trước - Lập kế hoạch giáo dục năm	9.1.1 9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				học, kế hoạch giáo dục tháng / chủ đề, kế hoạch giáo dục tuần, hoạt động.	
<p>CHƯƠNG 3: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TÍCH HỢP THEO CHỦ ĐỀ</p> <p>3.1. Quan điểm tích hợp.</p> <p>3.2. Tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề.</p> <p>3.3 Tiếp cận sự kiện trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mầm non và chương trình phát sinh</p>	04 04/08	5.2.2 5.2.5 5.3	<p>-Thuyết giảng mục 3.1</p> <p>-Thảo luận nhóm: mục 3.2;3.3</p> <p>-Thực hành: mục 3.2;3.3</p>	<p>❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [3], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học.</p> <p>- Soạn bài tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3)</p> <p>- Xác định được các vấn đề có thể phát triển thành chủ đề → lập danh mục chủ đề.</p> <p>- Lập danh mục chủ đề gốc, chủ đề nhánh, chủ đề sự kiện, chủ đề phát sinh</p>	9.1.2 9.1.1 9.2
<p>CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC TRONG TRƯỜNG MẦM NON</p> <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc xây dựng môi trường giáo dục mầm non</p> <p>4.2. Nguyên tắc chung của việc thiết kế môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>4.3. Qui trình xây dựng môi trường giáo dục trong trường mầm non</p> <p>4.4. Hướng dẫn cách thiết kế môi trường giáo dục cho các hoạt động.</p> <p>4.5. Đánh giá hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục.</p>	04 04/08	5.1.2 5.2.3	<p>-Thuyết giảng [4.1.4.2.4.3]</p> <p>- Trò chơi hiểu ý đồng đội [chương 4]</p> <p>- Hoạt động nhóm:</p> <p>❖ Xem clip về môi trường GD , và phân tích về môi trường GD của một số Trường Mầm non</p>	<p>❖ Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 2).</p> <p>- Hình ảnh minh họa mô tả môi trường giáo dục (toàn cảnh trường MN, cách bố trí của một lớp học). Thiết kế MTGD</p> <p>- Lời nhận xét cụ thể, rõ ràng.</p>	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				Ý kiến đề xuất điều chỉnh phù hợp.	
CHƯƠNG 5: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON 5.1. Khái niệm, ý nghĩa của đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non 5.2. Nội dung, phương pháp, hình thức đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non	03 03/06	5.1.1 5.1.2	-Thuyết giảng -Thảo luận nhóm -Thực hành: sưu tầm các mẫu phiếu đánh giá	❖ CB tài liệu: [1], [2], [3], [4], [5] - SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.	9.1.1

6.2: Thực hành: không có

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo trình <i>Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non</i>	2008	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG	x	
2	Bộ GD &ĐT	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư số 51/2021/TT-BGDĐT)	2020	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
3	Bộ GD &ĐT	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	Năm 2010	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Bình	Hướng dẫn Xây dựng môi trường trong các cơ sở giáo dục mầm non	2016	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x
5	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) Trần Thị Ngọc Trâm Hoàng Thị Bình	Hướng dẫn Xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	, 2016	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu LÊ VŨ HÙNG		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số %
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1,2,3,4,5	5.1,5.2;5.3	0.4
9.1.1	Bài tập cá nhân	Chương 1: Mô tả chương trình GDMN - kiểm tra	5.1'5.2/5.3	0.2
9.1.2	Bài tập nhóm	Chương 2: - Xây dựng loại kế hoạch GD: kế hoạch năm, kế hoạch tháng/ chủ đề, kế hoạch tuần, Chương 3: Thiết kế kế hoạch và tổ chức chương trình tích hợp sự kiện	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3	0.2
9.2	Thi kết thúc học phần: thi tự luận 90 phút	Chương 1,2,3,4	5.1 5.2 5.3	0.6

6.1.17. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4229N-PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (15/30/60)

- Học phần điều kiện: *Tiếng Việt*

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: **Lê Thị Mai An**

- Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0919.107.161

- Email: lethimaiian.dth@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: **Phạm Thị Minh Hiếu**

- Chức danh, học vị: Giảng viên, thạc sĩ

- Điện thoại: 0914912759

- Email: phamhieu25182@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục TH-MN

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc, có vai trò quan trọng trong việc hình thành tri thức và kỹ năng thuộc lĩnh vực ngôn ngữ cho sinh viên (SV) mầm non. Học phần nhằm trang bị cho SV: (1) những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ, (2) tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ, (3) cách đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non. Học phần cung cấp toàn bộ những kiến thức về phát triển ngôn ngữ lần thực hành, ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chuẩn bị học đọc, học viết cho trẻ.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, SV có thể tiếp tục học tập nâng cao ở các học phần: *Phương pháp phát triển ngôn ngữ mạch lạc, Dạy trẻ tập nói, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 5*. Đồng thời, học phần còn trang bị cho SV kỹ năng tổ chức quá trình dạy học một cách khoa học, có hiệu quả để có thể dạy tốt sau khi tốt nghiệp hoặc học tập ở trình độ cao hơn.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Phân tích được kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học lĩnh vực ngôn ngữ ở mầm non.

4.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức

4.2.1. Tổ chức được các hoạt động giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ ở lĩnh vực ngôn ngữ.

4.2.2. Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm:

Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Lập được kế hoạch giáo dục.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Phân tích được những kiến thức cơ bản của Tiếng Việt vào quá trình giáo dục trẻ mầm non	1.3	3
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Tổ chức và đánh giá được các hoạt động ngôn ngữ (phát âm, từ, câu, làm quen đọc và viết) phù hợp lứa tuổi	2.1.3 2.1.5	5
5.2.2	Vận dụng kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	3.1	3
5.3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động, phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>1.1. Đối tượng, mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác</p> <p>1.2. Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ từ 0 – 6 tuổi</p> <p>1.3. Vai trò ngôn ngữ đối với sự học tập và phát triển trẻ MN</p> <p>1.4. Nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>1.5. Nội dung chương trình, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN</p> <p>1.6. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ có khó khăn về ngôn ngữ và trong lớp MG ghép</p>	06 (03/03)	5.1.1 5.3.1	Giảng giải Thảo luận nhóm Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý chính</u> mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập</u>:</p> <p>1. <u>Đặc điểm ngôn ngữ của trẻ ở các mặt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, mạch lạc)?</u></p> <p>2. <u>Vai trò ngôn ngữ đối với sự học tập và phát triển trẻ MN.</u></p> <p>3. <u>Nhiệm vụ PTNN cho trẻ mầm non. Trình bày cụ thể từng nhiệm vụ.</u></p> <p>4. <u>Nội dung chương trình, phương pháp và hình thức phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN.</u></p> <p>- <u>Tự nghiên cứu</u>: 1) <u>Mối liên hệ giữa phương pháp phát triển ngôn ngữ với các ngành khoa học khác.</u></p>	[9.1, 9.2]

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				2) Nội dung liên quan (thực tế, văn bản pháp quy...) đến PTNN cho trẻ có khó khăn về NN và trong LG.	
<p>Chương 2: Các hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</p> <p>2.1. Dạy trẻ nghe và phát âm đúng (7)</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Nội dung công tác luyện nghe và phát âm</p> <p>2.1.3. Các giai đoạn dạy trẻ phát âm</p> <p>2.1.4. Các phương pháp, biện pháp dạy trẻ phát âm</p> <p>2.1.5. Thiết kế bài tập luyện phát âm cho trẻ</p> <p>2.2. Phương pháp phát triển vốn từ (6)</p> <p>2.2.1. Nhiệm vụ hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</p> <p>2.2.2. Nội dung phát triển vốn từ</p> <p>2.2.3. Các biện pháp và hình thức phát triển vốn từ</p> <p>2.2.4. Thiết kế trò chơi phát triển vốn từ cho trẻ mầm non</p> <p>2.3. Dạy trẻ nói đúng các mẫu câu tiếng Việt (5)</p> <p>2.3.1. Những biện pháp dạy trẻ nói đúng câu theo độ tuổi</p> <p>2.3.2. Xây dựng trò chơi dạy trẻ nói đúng mẫu câu theo độ tuổi</p> <p>2.4. Chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết (20)</p> <p>2.4.1. Cơ sở của việc chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết</p> <p>2.4.2. Nội dung, CT chuẩn bị cho trẻ học đọc, học viết</p> <p>2.4.3. Các hoạt động làm quen với đọc, viết cho trẻ mẫu giáo</p> <p>2.4.4. Tổ chức các hoạt động làm quen với đọc, viết trẻ MG</p>	36 (12/24)	5.1 5.2 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Luyện tập thực hành Tự học	<p>- <u>Đọc và ghi ý chính</u> mỗi mục.</p> <p>- <u>Thực hiện bài tập:</u></p> <p>1) Xây dựng trò chơi và bài tập <i>luyện phát âm âm s/x; tr/ch; r/g; v/d, p/b; các nguyên âm: o/ô/ơ; ă/â; các nguyên âm đôi; các âm cuối: i/y; u/o; thanh hỏi/thanh ngã.</i></p> <p>2) Xây dựng trò chơi làm giàu vốn từ; trò chơi tăng cường khả năng hiểu nghĩa của từ; trò chơi giúp trẻ sử dụng từ chính xác, hay</p> <p>3) Xây dựng trò chơi giúp trẻ nói đúng các mẫu câu tiếng Việt</p> <p>4) Kế hoạch Làm quen với chữ cái và Hướng dẫn bé tập tô</p> <p>- <u>Luyện tập:</u></p> <p>1) Soạn giáo án</p> <p>2) Gửi giáo án trước 2 - 3 tuần</p> <p>3) Chuẩn bị ĐD</p> <p>4) Tập dạy</p> <p>[Lưu ý. Nhóm 8-10 SV. Dạy</p>	[9.1, 9.2, 9.3]

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/BT)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				trên lớp SV. Gửi clip nếu không đủ thời gian]	
Chương 3: Lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non 3.1. Mục đích và cơ sở của việc lập kế hoạch thực hiện chương trình phát triển ngôn ngữ của trẻ 3.2. Đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mầm non	03 (00/03)	5.2 5.3	Giảng giải Thảo luận nhóm Luyện tập thực hành Tự học	- <u>Đọc và ghi ý chính</u> mỗi mục. - <u>Tự nghiên cứu</u> khả năng ngôn ngữ của trẻ ở một trường mầm non <i>các mặt phát âm, vốn từ và sử dụng từ; sử dụng câu; nhận biết các chữ cái</i>).	[9.1, 9.2]

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Thị Thu Hà	<i>Bài giảng PP phát triển NN</i>	2017	Tài liệu nội bộ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Đình Hồng Thái	<i>Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em</i>	2007	NXBGD			x
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Chương trình Giáo dục MN</i>	2017	NXBGD			x
4	Nguyễn Thị Phương Nga	<i>Tuyển tập trò chơi phát triển ngôn ngữ</i>	2005	NXBGD			x
5	Bùi Kim Tuyến	<i>Các hoạt động phát triển ngôn ngữ của trẻ MN</i>	2011	NXBGD			x
6	Đặng Thu Quỳnh	<i>Trò chơi với chữ cái và phát triển ngôn ngữ</i>	2009	NXBGD			x
7	Phan Lan Anh	<i>Giúp bé nhận biết và làm quen chữ cái</i>	2011	NXBGD			x

8. Quy định đối với sinh viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
1) Đánh giá thường kì			5.1, 5.2, 5.3	0.4
9.1	- Chuyên cần	- Thời gian dự học - Tích cực phát biểu (cá nhân)	5.2.3 5.3.1	
9.2	- Bài tập	- Làm bài tập [chương 1,2,3] - Tổ chức dạy – học [chương 2]	5.1, 5.2, 5.3	
9.3	- Kiểm tra	- Chương 1,2		
2) Đánh giá kết thúc			5.1, 5.2, 5.3	0.6
	Vấn đáp	- Dự đủ 80% số tiết - Lý thuyết+bài tập [chương 1,2]		

6.1.18. MÚA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY MÚA CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4233 - MÚA VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY MÚA CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (15/60/90)
- Học phần điều kiện: *Không có*
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Bích Hằng Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0973.144.101 Email: bichhang5552000@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Lan Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0834481070 Email: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Trinh Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc Sĩ
- Điện thoại: 0908.031.093 Email: ngoctrinh310@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những tri thức và kỹ năng Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non, (2) phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non, (3) khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, học phần còn trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng nhằm giúp sinh viên xác định được vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ, phương pháp dạy trẻ múa trong chương trình giáo dục mầm non, sưu tầm các bài múa phù hợp với lứa tuổi mầm non, biên soạn được một số bài múa cho trẻ và tự tin hướng dẫn trẻ thực hiện các động tác theo chủ đề ở trường mầm non. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn góp phần rèn luyện phát triển thể chất và phát triển thẩm mỹ cho trẻ. Từ đó, làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần “*Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non*”.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Khái quát hóa được những kiến thức về nghệ thuật múa vào quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non; giải thích được những kiến thức về dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non nhằm phát triển thẩm mỹ cho trẻ.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

Xác định được phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình giáo dục mầm non; Nhận diện được đặc điểm tâm - sinh lí, khả năng vận động của trẻ trong quá trình biên đạo múa.

Đánh giá được khả năng vận động của trẻ và biên đạo tốt các bài múa cho trẻ mầm non phù hợp với chủ đề.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về bài múa mà mình biên đạo; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Trình bày được những kiến thức về nghệ thuật múa, điệu nhảy chachacha và chất liệu múa dân gian Việt Nam trong quá trình biên đạo múa cho trẻ mầm non.	1.3	3
5.1.2	Giải thích được những kiến thức về phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc, thực hành các bài múa trong chương trình giáo dục mầm non nhằm phát triển thẩm mỹ cho trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xác định được vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ, các thể loại múa trong trường mầm non, phương pháp biên đạo múa cho trẻ và phương tiện dạy trẻ vận động theo nhạc trong chương trình GDMN; Xác định được đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi trong quá trình biên đạo múa.	2.1.1	4
5.2.2	Thao tác chuẩn xác những kỹ năng thực hành múa, sử dụng hiệu quả các phương pháp trong quá trình biên đạo múa và dạy trẻ vận động theo nhạc phù hợp với khả năng vận động của trẻ.	2.1.5	4
	Đánh giá được khả năng vận động của trẻ ở từng độ tuổi và biên đạo tốt các bài múa cho trẻ mầm non phù hợp với từng chủ đề		5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Giải quyết nhiệm vụ độc lập, dựa vào chương trình GDMN lập luận để bảo vệ quan điểm của bản thân, có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình biên đạo múa; chủ động và tương tác tốt với các thành viên trong nhóm, thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1: MÚA CƠ BẢN CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT MÚA 1.1. Múa và nguồn gốc của múa. 1.2. Quan hệ giữa múa và âm nhạc. 1.3. Phân loại múa. 1.4. Chức năng của nghệ thuật múa 1.5. Đặc trưng của nghệ thuật múa. 1.6. Đặc trưng của ngôn ngữ múa.	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Hỏi nhanh đáp lẹ” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết	- Nghiên cứu TL [1,2,4,5]. - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,...	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.7. Các kỹ năng múa cơ bản			quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Chia nhóm (8-10 sinh viên); - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Khái quát chung về nghệ thuật múa	
CHƯƠNG 2: CHẤT LIỆU MÚA DÂN GIAN VIỆT NAM <i>2.1 Các vị trí tay - chân cơ bản.</i> <i>2.2. Chất liệu cơ bản múa dân gian Việt Nam</i> 2.2.1. Tổ hợp nhún mềm 2.2.2. Tổ hợp guồn đèn 2.2.3. Tổ hợp nhún dật 2.2.4. Tổ hợp đi xuyên 2.2.5. Tổ hợp rung quạt 2.2.6. Tổ hợp Mõ 2.2.7. Tổ hợp dân tộc Tày 2.2.8. Tổ hợp dân tộc H'Mông 2.2.9. Tổ hợp xòe Thái 2.2.10. Tổ hợp đánh cồng	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV quan sát video các tổ hợp. - PP thuyết giảng: GV phân tích động tác từng tổ hợp	- Mỗi sinh viên chuẩn bị: Quạt múa (2 cái), khăn voan (2 cái) - Trang phục thể thao, giày múa. - Vở ghi chép	9.1.1
CHƯƠNG 3: ĐIỆU NHẢY CHACHACHA 3.1. Bước cơ bản 3.2. Bước nâng cao	03/06	5.1.1 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV quan sát video điệu nhảy chachacha - PP thuyết giảng: GV phân tích điệu nhảy	- Mỗi sinh viên chuẩn bị: + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép	9.1.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 2: MÚA CHUYÊN NGÀNH CHƯƠNG 1: PHƯƠNG PHÁP BIÊN ĐẠO MÚA CHO TRẺ MN 1.1. Vai trò của nghệ thuật múa trong công tác giáo dục trẻ. 1.2. Đặc điểm phát triển vận động của trẻ theo từng độ tuổi. 1.3. Các thể loại múa trong trường mầm non. 1.4. Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 1.5. Phương tiện dạy trẻ vận động theo nhạc</p>	03/06	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Cặp đôi hoàn hảo” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu TL [1,2,3,4,5]. + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép - Chia nhóm (8-10 sinh viên); - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non 	
<p>CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG CÁC BÀI MÚA CHO TRẺ MẦM NON 2.1. Một số bài múa cho trẻ mầm non theo chủ đề 2.2. Một số bài múa cho trẻ xem.</p>	03/06	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP trực quan: GV cho SV quan sát video 1 số bài múa dạy cho trẻ MN theo các chủ đề - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu TL [1,2,3,4,5]. + Trang phục thể thao, giày múa. + Vở ghi chép - Chia nhóm (8-10 sinh viên) thảo luận - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: Một số bài múa cho trẻ mầm non theo chủ đề. 	9.1.3

6.2. Thực hành

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 1: MÚA CƠ BẢN CHƯƠNG 2: CHẤT LIỆU MÚA DÂN GIAN VIỆT NAM</p>	24/24	5.1.1 5.2.2 5.3.1	<ul style="list-style-type: none"> - PP làm mẫu: GV múa mẫu các tổ hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi sinh viên chuẩn bị: Quạt múa (2 	9.1.1 9.2

			- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	cái), khăn voan (2 cái) - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện - Trang phục thể thao, giày múa.	
CHƯƠNG 3: ĐIỀU NHẢY CHACHACHA	09/09	5.1.1 5.2.2 5.3.1	- PP làm mẫu: GV thể hiện điệu nhảy. - PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát, chỉnh sửa động tác.	- Trang phục thể thao, giày múa. - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện	9.1.2
PHẦN 2: MÚA CHUYÊN NGÀNH CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG CÁC BÀI MÚA CHO TRẺ MẦM NON	21/21	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- PP làm mẫu: GV múa mẫu 1 số bài múa cho phù hợp với các chủ đề - PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm tập luyện, GV quan sát và chỉnh sửa động tác	- Trang phục thể thao, giày múa. - Đạo cụ - Chia nhóm (8-10 sinh viên) tập luyện	9.1.3 9.2
ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- PP thực hành: GV đánh giá SV 2 nội dung: 1 tổ hợp động tác múa và 1 bài múa dành cho trẻ mầm non. - PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm tiết mục múa của mỗi nhóm.	- Trang phục, giày múa, đạo cụ. +Dàn dựng một tổ hợp động tác múa đã học ở phần Chất liệu dân gian Việt Nam. +Biểu diễn một bài hát múa tập thể dành cho trẻ trên cơ sở một bài múa từ một chủ đề trong chương trình giáo dục mầm non.	9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Trọng Quang	Giáo trình Múa và phương pháp biên dạy múa cho trẻ	2004	NXB ĐHQG HN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Trần Minh Trí	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc	1997	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Hoàng Văn Yến	Trẻ thơ hát	1996	NXB Âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Văn Yến	Trò chơi âm nhạc cho trẻ mầm non	1999	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lê Thu Hương – PGS.TS Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (3 tháng - 6 tuổi)	2009	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Phần 1: Chương 1, 2, 3 Phần 2: Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Bài thực hành 1	Phần 1: Chương 2 (<i>Thế tay - thế chân</i>)	5.1.1; 5.2.2	
9.1.2	Bài thực hành 2	Phần 1: Chương 3 (<i>Khiêu vũ chachacha</i>)	5.1.1; 5.2.2	
9.1.3	Bài thực hành 3	Phần 2: Chương 2 (<i>Bài múa cho trẻ MN</i>)	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)	Phần 1: Chương 2 Phần 2: Chương 2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.19. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4226 - PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ MẦM NON
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (30/30/90)
- Học phần điều kiện: KI4221N
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Giảng viên: **Lê Thị Lan** Chức danh, học vị: GV - Thạc sỹ
- Điện thoại: 0834.481.070 Email: lelanthmn@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*” là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những tri thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản chung về (1) đặc điểm phát triển thể chất của trẻ mầm non qua từng giai đoạn, (2) các nguyên tắc cần tuân thủ khi tổ chức phát triển thể chất cho trẻ, (3) những nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ theo khung chương trình GDMN.

Từ những kiến thức và kỹ năng cơ bản trên, học phần còn trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất theo hướng tích hợp ở trường mầm non một cách khoa học, có hiệu quả và làm cơ sở chuẩn bị cho quá trình học tập học phần “*Rèn luyện NVSPTX6*”.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Khái quát hóa được những kiến thức về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non.

4.2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức

Tổ chức được các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình biên soạn; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được những đặc điểm và phương pháp GDTC trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục thể chất phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	2
5.1.2	Giải thích được những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non trong việc thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp phù hợp với điều kiện thực tiễn.		3

5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Thiết kế được kế hoạch phát triển vận động, thể dục sáng cho trẻ mầm non phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.2	3
5.2.2	Chuẩn bị môi trường giáo dục an toàn và kích thích trẻ tích cực tham gia hoạt động giáo dục phát triển thể chất.	2.1.3	3
5.2.3	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu giáo dục thể chất trong chương trình giáo dục MN.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1.1. Một số khái niệm cơ bản trong lý luận giáo dục thể chất 1.1.1. Phát triển thể chất 1.1.2. Giáo dục thể chất 1.1.3. Chuẩn bị thể chất 1.1.4. Hoàn thiện thể chất 1.1.5. Tổ chức thể lực 1.1.6. Kỹ năng vận động 1.1.7. Kỹ xảo vận động 1.2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất 1.3. Cơ sở lý luận của phương pháp giáo dục thể chất 1.4. Mọi quan hệ giữa phương pháp giáo dục thể chất với các khoa học khác 1.5. Đặc điểm phát triển thể chất ở trẻ em lứa tuổi mầm non 1.5.1. Đặc điểm phát triển cơ thể ở trẻ em mầm non 1.5.2. Đặc điểm phát triển vận động ở trẻ em 1.6. Nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi MN 1.6.1. Nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe 1.6.2. Nhiệm vụ giáo dục 1.6.3. Nhiệm vụ giáo dục 1.7. Các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non. 1.7.1. Nguyên tắc hệ thống	06/12	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1,2] - Vở ghi chép nội dung học tập - Chia nhóm thảo luận và trả lời các câu hỏi sau: 1. Phát triển thể chất là gì? Thế nào là GD thể chất? Chuẩn bị thể chất? Hoàn thiện thể chất? 2. Đối tượng nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất là gì? 3. Hãy chỉ ra mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các môn khoa học khác? 4. Trình bày nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận GDTC?	9.1.19.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
1.7.2. Nguyên tắc tự giác và tích cực 1.7.3. Nguyên tắc trực quan 1.7.4. Nguyên tắc vừa sức và giáo dục cá biệt 1.7.5. Nguyên tắc phát triển 1.7.6. Nguyên tắc đảm bảo an toàn trong tập luyện				5. Hãy tóm tắt sơ lược lịch sử giáo dục thể chất ở Việt Nam. 6. Khái quát đặc điểm phát triển thể chất và phát triển vận động ở trẻ em lứa tuổi MN. 7. Sưu tầm các hình ảnh và minh họa chúng theo trình tự phát triển thể chất và vận động ở trẻ MN. 8. Khái quát bằng sơ đồ và trình bày 03 nguyên tắc đầu tiên trong GDTC cho trẻ em lứa tuổi MN. 9. Trình bày 03 nguyên tắc tiếp theo. - SV tự nghiên cứu và đặt câu hỏi cho các nhóm trình bày nội dung, mỗi nhóm ít nhất 3 câu hỏi.	
CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON 2.1. Một số vấn đề về bài tập thể chất. 2.1.1. Nguồn gốc và bản chất của các bài tập TC 2.1.2. Nội dung và hình thức của BTTC 2.1.3. Kỹ thuật của các BTTC 2.1.4. Phân loại BTTC	03/06	5.1.1 5.1.2 5.3.1	- PP trực quan: GV cho SV xem video về tiết học thể dục, giờ TDS, trò chơi vận động - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và liên hệ nội dung của bài học - PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.	- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5], nắm rõ nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. - Hoàn thiện bảng tóm tắt những nội dung GDTC cho trẻ theo từng độ tuổi. - Vở ghi chép nội dung học tập của sinh viên.	9.1.1 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- Xem video, thảo luận và trả lời câu hỏi: 1. Nêu nội dung GDTC cho trẻ mầm non. 2. Trình bày một số vấn đề về bài tập thể chất? Bài tập thể dục và trò chơi vận động?	
<p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>3.1. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.1.1. Đặc điểm của quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.1.2. Quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động</p> <p>3.2. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi MN</p> <p>3.2.1. Nhóm PP trực quan</p> <p>3.2.2. Nhóm PP dùng lời</p> <p>3.2.3. Nhóm PP thực hành</p>	06/12	5.1.1 5.1.2 5.3.1	<p>- PP trực quan: GV cho SV xem video về tiết học thể dục.</p> <p>- PP nêu vấn đề: GV nêu ra nội dung và dành thời gian cho SV suy nghĩ, phân tích các phương pháp GV đã sử dụng trong clip đã được xem.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>1. GV đã sử dụng những phương pháp nào?</p> <p>2. Trình tự xuất hiện các phương pháp và ý nghĩa của việc sử dụng phương pháp trong qui trình hình thành KN, KX cho trẻ</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 4, 5]</p> <p>- Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu:</p> <p>1. Phân biệt khái niệm kỹ năng và kỹ xảo vận động cho trẻ MN.</p> <p>2. Phân tích quá trình hình thành kỹ năng và kỹ xảo vận động cho trẻ mầm non</p> <p>3. Trình bày các phương pháp GDTC cho trẻ MN</p> <p>- SV phân tích các phương pháp GV đã sử dụng trong video đã được xem</p>	9.2
<p>CHƯƠNG 4: HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>4.1. Đặc điểm chung của các hình thức GD thể chất cho trẻ</p> <p>4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ</p>	10/20	5.1.1 5.1.2 5.3.1	<p>- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Cặp đôi hoàn hảo”</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5].</p> <p>- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu.</p> <p>- Cả lớp tích cực phát biểu,</p>	9.1.2 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
4.3. Các yêu cầu đối với giáo viên khi tổ chức các hình thức giáo dục thể chất cho trẻ.				tranh luận, nhận xét cụ thể, rõ ràng. - Thiết kế hoạt động GDTC thực hành theo nhóm.	
<p>CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON.</p> <p>5.1. Đặc điểm chung</p> <p>5.2. Các phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ em</p> <p>5.2.1. Phương tiện vệ sinh</p> <p>5.2.2. Phương tiện thiên nhiên</p> <p>5.2.3. Bài tập thể chất</p> <p>5.3. Nhiệm vụ của các phòng ban.</p> <p>5.4. Kế hoạch GDTC.</p> <p>5.4.1. Khái niệm và ý nghĩa</p> <p>5.4.2. Các loại kế hoạch</p>	05/10	5.1.1 5.1.2 5.3.1	<p>- PP nêu vấn đề: GV nêu nội dung, dành thời gian cho SV suy nghĩ và trả lời câu hỏi.</p> <p>1. Xác định nhiệm vụ chính của các phòng ban trong việc tổ chức GDTC cho trẻ ở trường MN.</p> <p>2. Liệt kê các loại kế hoạch GDTC</p> <p>3. Phân tích việc đánh giá công tác GDTC cho trẻ ở trường MN</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét và kết luận.</p>	<p>- Sinh viên đọc và nghiên cứu tài liệu [1, 2]</p> <p>- Chuẩn bị tốt theo yêu cầu</p> <p>- Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Đọc và trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Phân tích ý nghĩa của các phương tiện GDTC trong quá trình GDTC cho trẻ MN.</p> <p>2. Tại sao bài tập thể chất là phương tiện GDTC cơ bản, đặc biệt?</p> <p>- Cả lớp tích cực phát biểu, tranh luận, lời nhận xét cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Thiết kế từng loại kế hoạch GDTC cho trẻ theo từng độ tuổi, đánh giá hiệu quả công tác GDTC và điều chỉnh phù hợp.</p> <p>Mỗi nhóm sưu tầm 01 kế hoạch GDTC cho trẻ ở một độ tuổi cụ thể và phân tích, đánh giá kế hoạch đó.</p>	9.1.29.2

6.2. Thực hành

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 2: NỘI DUNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON</p> <p>2.2. Bài tập thể dục</p> <p>2.2.1. Khái niệm chung</p> <p>2.2.2. Ý nghĩa</p> <p>2.2.3. Phân loại</p> <p>2.3. Trò chơi vận động</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Ý nghĩa</p> <p>2.3.3. Phân loại</p> <p>2.3.4. Nội dung TCVD đối với trẻ em các độ tuổi</p>	06/12	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành trò chơi vận động ở các độ tuổi</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Xem tài liệu [4,5] và tập trước các bài tập ở nhà</p> <p>- Thực hành theo nhóm nhỏ các trò chơi vận động cho trẻ ở các độ tuổi.</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2
<p>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>3.3. Phương pháp dạy bài tập thể dục cho trẻ em</p> <p>3.3.1. PP dạy bài tập đội hình đội ngũ</p> <p>3.3.2. PP dạy BT phát triển chung cho trẻ</p> <p>3.3.3. PP dạy BT VĐ cơ bản cho trẻ</p>	06/12	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành các bài tập: BT đội hình đội ngũ, BTPTC, BT vận động cơ bản cho trẻ ở các độ tuổi</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Xem tài liệu [4,5] và tập trước các bài tập ở nhà</p> <p>- Thực hành theo nhóm nhỏ các bài tập vận động ở các độ tuổi</p> <p>+ BT đội hình đội ngũ</p> <p>+ Bài tập phát triển chung</p> <p>+ BT vận động cơ bản</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (Th/H/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 4: HÌNH THỨC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON.</p> <p>4.2. Các hình thức tổ chức giáo dục thể chất cho trẻ</p> <p>4.2.1. Tiết học thể dục</p> <p>4.2.2. Thể dục sáng</p> <p>4.2.3. Thể dục chống mệt mỏi</p> <p>4.2.4. Trò chơi vận động</p> <p>4.2.5. Đạo chơi</p> <p>4.2.6. Tham quan</p> <p>4.2.7. Hội thể dục thể thao</p> <p>4.2.8. Tổ chức GDTC trong thời gian tự hoạt động của trẻ</p>	09/09	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành: mỗi nhóm thiết kế và tổ chức hoạt động Thể dục sáng</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Xem tài liệu [4,5]</p> <p>- Mỗi nhóm chọn 1 độ tuổi trẻ và tổ chức hoạt động TDS cho trẻ theo nội dung đã chọn.</p> <p>- Tập dạy và lên tiết dạy cho cả lớp và giáo viên xem và nhận xét.</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2
<p>CHƯƠNG 5: TỔ CHỨC CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO TRẺ Ở TRƯỜNG MẦM NON.</p> <p>5.5. Thực hiện kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ.</p> <p>5.6. Đánh giá công tác giáo dục thể chất cho trẻ ở trường mầm non.</p>	09/09	5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>- PP thực hành: GV tiến hành cho SV chia nhóm thực hành: mỗi nhóm thiết kế và tổ chức hoạt động Phát triển vận động</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa.</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu [4,5]</p> <p>- Mỗi nhóm chọn 1 độ tuổi trẻ và tổ chức hoạt động PTVĐ theo đề tài đã chọn.</p> <p>- Tập dạy và lên tiết dạy cho cả lớp và giáo viên xem và nhận xét.</p> <p>- SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	9.1.3 9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đặng Hồng Phương	Giáo trình Lý luận và Phương pháp giáo dục	2008	NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học	X	

		thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non			liệu Lê Vũ Hùng		
2	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2020	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	2010	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Nhà trẻ	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Mẫu giáo	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Báo cáo nhóm	Chương 1, 2	5.1.1; 5.1.2	
9.1.2	Thiết kế kế hoạch	Chương 4, 5	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3	
9.1.3	Thực hành	Chương 2, 3, 4, 5	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Thi vấn đáp - thực hành)	Chương 1, 2, 3, 4, 5	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.20. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN MTXQ CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4241- PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN MTXQ CHO TRẺ

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 03

Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 45 (33/24/90)

- Học phần điều kiện (nếu có): Tâm lý học mầm non; Giáo dục học mầm non, Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi

- Học kì:

Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Sang

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0908732782

Email: sang.lethithanh@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Nguyệt

- Chức danh, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 091952099

- Email: nguyet76dhdt@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần **Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen MTXQ cho trẻ mầm non** là một học phần thuộc nhóm kiến thức ngành bắt buộc đóng vai trò rất cần thiết trong việc trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản nhất về môi trường xung quanh (MTXQ). Những kiến thức tích lũy được từ nội dung học phần còn giúp sinh viên học tập hiệu quả rèn kỹ năng tổ chức hướng dẫn trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh. Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục trẻ bảo vệ môi trường trong trường mầm non. Từ học phần này sẽ giúp sinh viên có thể vận dụng tốt hơn khi tham gia học phần KTSP và thực tập tốt nghiệp tại trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

Giải thích một số tri thức cơ bản về phương pháp làm quen với môi trường xung quanh, các hình thức, phương pháp, cách lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen môi trường xung quanh, cách xây dựng môi trường giáo dục, cách đánh giá việc thực hiện các hoạt động làm quen môi trường xung quanh trong chương trình giáo dục mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

Lập kế hoạch thực hành, tổ chức, thiết kế các hoạt động thuộc lĩnh vực nhận thức giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ; Thể hiện lối sống lành mạnh, văn minh, trung thực, tự trọng, có lòng nhân ái, yêu thiên nhiên

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Phân tích được những phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen môi trường xung quanh.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Đánh giá được sự phát triển của trẻ mầm non và hiệu quả thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2.1.5	5
5.2.2	Tổ chức hoạt động giáo dục trẻ mầm non linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Thảo luận đề cương, hướng dẫn khai thác tài liệu, hướng dẫn cách học, phân nhóm, thống nhất cách đánh giá học phần	01 /02	5.3.1	Đàm thoại Giảng giải	Đề cương Bài giảng Giáo trình Kế hoạch học tập	Sinh viên hiểu nhiệm vụ, thống nhất nội dung đánh giá
<p>CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU</p> <p>1.1. Đối tượng của môn học.</p> <p>1.1.1. Những khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>1.2. Nhiệm vụ của môn học</p> <p>1.2.1. Trang bị cho SV những kiến thức chung về môn học</p> <p>1.2.2. Hình thành và rèn luyện cho SV kỹ năng tổ chức các hoạt động cho trẻ LQMTXQ.</p> <p>1.2.3. Trang bị cho SV phương pháp nghiên cứu đánh giá thực tiễn về MTXQ.</p> <p>1.2.4. Hình thành cho SV hứng thú học tập...</p> <p>1.3. Những cơ sở khoa học của môn học</p> <p>1.3.1. Cơ sở triết học của môn học.</p> <p>1.3.2. Cơ sở khoa học tự nhiên và xã hội.</p>	02/04	5.1.1	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm - Tự nghiên cứu	Chuẩn bị tài liệu: [1], [2] - SV nghiên cứu thảo luận ngắn (thời gian 5 phút) trả lời các câu hỏi Trang 7- 18	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>1.3.3. Cơ sở tâm lý giáo dục học</p> <p>1.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của môn học</p> <p>1.4.1. Chương pháp luận nghiên cứu.</p> <p>1.4.2. Các phương pháp nghiên cứu.</p>					
<p>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG CỦA BỘ MÔN LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>2.1. Vai trò của tri thức đối với sự phát triển trẻ em.</p> <p>2.1.1. Chức năng thông tin của tri thức.</p> <p>2.1.2. Chức năng xúc cảm của tri thức.</p> <p>2.1.3. Chức năng điều khiển của tri thức.</p> <p>2.2. Quá trình lĩnh hội tri thức ở trẻ em</p> <p>2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.</p> <p>2.2.2. Quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ em.</p> <p>2.2.3. Các hình thức lĩnh hội tri thức của trẻ em</p> <p>2.2.4. Quan niệm về việc lĩnh hội tri thức hiện nay.</p> <p>2.3. Đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ em</p> <p>2.3.1. Trẻ em có nhu cầu cao trong việc nhận thức thế giới xung quanh.</p> <p>2.3.2. Nhận thức của trẻ mang tính trực quan cảm tính.</p> <p>2.3.3. Quá trình hình thành khái niệm ở trẻ em là sự tự điều chỉnh.</p> <p>2.3.4. Khả năng nhận thức của trẻ phụ thuộc vào lứa tuổi.</p>	03/06	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>-SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3)</p> <p>- SV nắm được vai trò và đặc điểm quá trình lĩnh hội tri thức của trẻ MN.</p> <p>Tài liệu [1] trang 28- 42</p>	<p>9.1;</p> <p>9.2</p>
<p>CHƯƠNG 3: MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>3.1. Mục đích hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.2. Nhiệm vụ hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.2.1. Rèn luyện và phát triển các quá trình tâm lý nhận thức.</p> <p>3.2.1. Củng cố tri thức, mở rộng sự hiểu biết của trẻ về MTXQ.</p> <p>3.2.3. Kích thích hứng thú và phát triển tính ham hiểu biết của trẻ về MTXQ.</p> <p>3.2.4. Giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, lao động, thể chất trong quá trình hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>3.3. Nội dung hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p>	08/16	<p>5.1.1</p> <p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>- Tự nghiên cứu</p>	<p>+ Xem tài liệu [1] trang 43 đến 64</p> <p>Các nhóm SV trình bày câu 1 đến câu 10</p>	<p>9.1;</p> <p>9.2</p>

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>3.3.1. Các nguyên tắc xác định nội dung</p> <p>3.3.2. Nội dung hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</p> <p>3.3.3. Cấu trúc nội dung hướng dẫn trẻ LQMTXQ trong chương trình giáo dục trẻ mầm non</p>					
<p>CHƯƠNG 4: PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>4.1. Cơ sở xác định phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.2. Các phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.2.1. Nhóm phương pháp trực quan.</p> <p>4.2.2. Nhóm phương pháp dùng lời.</p> <p>4.2.3. Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>4.3. Mối quan hệ giữa các phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>4.3.1. Dựa vào đặc điểm quá trình nhận thức của trẻ em.</p> <p>4.3.2. Dựa vào nguồn tri thức về MTXQ.</p> <p>4.3.3. Dựa vào khả năng nhận thức của trẻ ở từng lứa tuổi.</p>	05/10	<p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>-Tự nghiên cứu</p>	<p>SV Chuẩn bị tài liệu: [1], [2], [5]</p> <p>- SV đọc và nghiên cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>- Bài viết tóm tắt trả lời trước các câu hỏi (câu 1 đến câu 3).</p> <p>- SV nắm được 3 nhóm phương pháp cơ bản và những ưu điểm và hạn chế của chúng.</p>	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 5: CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ</p> <p>5.1. Cơ sở xác định các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p> <p>5.2. Các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p> <p>5.2.1. Giờ học hướng dẫn trẻ LQMTXQ.</p> <p>5.2.2. Hoạt động vui chơi.</p> <p>5.2.3. Hoạt động ngoài trời.</p> <p>5.2.4. Hoạt động tham quan.</p> <p>5.2.5. Hoạt động lao động.</p> <p>5.3. Mối quan hệ giữa các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQVMTXQ.</p>	03/06	<p>5.1.2</p> <p>5.2.1</p> <p>5.2.2.</p> <p>5.3</p>	<p>- Thuyết trình</p> <p>- Đàm thoại</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p>-Tự nghiên cứu</p>	<p>Sinh viên chuẩn bị tài liệu: [1]</p> <p>SV trả lời câu hỏi 1,2</p> <p>Trang 120 – 127</p> <p>SV trả lời câu 3,4,5</p> <p>trang 128 – 139</p> <p>Sau khi đi tham quan về (hoặc clip)</p> <p>+ SV tự nhận xét và rút kinh nghiệm.</p> <p>+ GV cung cấp tri thức về các hình thức tổ chức cho trẻ hoạt động LQMTXQ, cung cấp tri</p>	9.1; 9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				thức về MTXH thông qua những di tích lịch sử của Tỉnh Đồng Tháp; Danh lam thắng cảnh đẹp địa phương vùng miền	
<p>CHƯƠNG 6 : CÁC PHƯƠNG TIỆN HƯỚNG DẪN TRẺ LQVMTXQ</p> <p>6.1. Nguyên tắc lựa chọn các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.1. Đáp ứng mục đích hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.2. Tạo tiềm năng lớn trong quá trình hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.1.3. Có khả năng điều khiển từ phía người lớn.</p> <p>6.2. Các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ.</p> <p>6.2.1.Môi trường tự nhiên xung quanh trẻ.</p> <p>6.2.2. Hiện thực xã hội xung quanh trẻ.</p> <p>6.2.3. Thế giới đồ vật.</p> <p>6.2.4.Các phương tiện nghệ thuật</p> <p>6.3. Phối hợp sử dụng các phương tiện hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</p>	02/04	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm -Tự nghiên cứu	- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi 1,2 Tài liệu [1] trang 141- 150 - SV xuống trường MN Hoa Hồng để quan sát các phương tiện hướng dẫn trẻ LQMTXQ. So sánh giữa lý thuyết và thực tiễn.	9.1; 9.2
<p>CHƯƠNG 7 : LẬP KẾ HOẠCH VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ CỦA TRẺ MẦM NON</p> <p>7.1. Lập kế hoạch hoạt động LQVMTXQ của trẻ ở trường MN</p> <p>7.1.1. Khái niệm.</p> <p>7.1.2. Lập kế hoạch chương trình LQMTXQ cho trẻ.</p> <p>7.1.3. Lập kế hoạch hoạt động về MTXQ cho trẻ.</p> <p>7.2. Đánh giá hoạt động LQVMTXQ của trẻ.</p> <p>7.2.1. Khái niệm.</p> <p>7.2.2 Những đặc điểm của đánh giá hoạt động LQMTXQ cho trẻ.</p> <p>7.2.3. Phương pháp đánh giá hoạt động LQMTXQ cho trẻ</p>	04/08	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	- Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm -Tự nghiên cứu	Mỗi SV sưu tầm một kế hoạch tổ chức cho trẻ LQMTXQ. Trình bày trước lớp	9.1; 9.2

6.1 Thực hành, thí nghiệm, thực tế (nếu có):

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>CHƯƠNG 5: CÁC HÌNH THỨC TÔ CHỨC CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG LQVMTXQ</p>	12/ 24	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đàm thoại - Thảo luận nhóm -Tự nghiên cứu - Thực hành 	1. Xem băng dạy mẫu. 2. Thực hành tập dạy tại lớp. + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Phải xác định rõ: Mục đích yêu cầu, chuẩn bị, cách tiến hành. Thực hành tập dạy: + Khi nhận bài tập: SV lên kế hoạch làm theo nhóm, đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. + Các nhóm tự phân công lên tiết dạy. Tập dạy thử + Trưởng nhóm nộp danh sách nhóm có <i>ký tên</i> và bài thực hành cho GV trước khi dạy + SV tự tin, mạnh dạn dạy trước lớp. biết phối hợp các phương tiện hiện đại, các phương pháp, hình thức vào trong giờ dạy của mình. + Nhận xét đánh giá giờ dạy, những ưu hạn chế, những điều cần học hỏi rút kinh nghiệm	9.1 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Phương	<i>Lí luận và phương pháp hướng dẫn trẻ LQVMTXQ</i>	2008	NXBĐHSP	TT- HL Lê Vũ Hùng	x	
2	Bộ GD & ĐT	<i>Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm thông tư số 51/2021/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo)</i>	2021	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x
3	Bộ GD & ĐT	<i>Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, Năm 2010</i>	2012	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD & ĐT	<i>Tài liệu Hướng dẫn sử dụng Bộ công cụ đánh giá sự phát triển trẻ em năm tuổi</i>	2012	NXB Giáo dục,	TT- HL Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7	5.1; 5.2; 5.3	0, 4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7	5.1.2 5.2.1 5.2.2. 5.3	0,6

6.1.21. PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4228 – PHƯƠNG PHÁP CHO TRẺ MẦM NON LÀM QUEN VỚI TOÁN
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 03 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (45/00/90)
- Học phần điều kiện (nếu có): KI4222
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Thị Tuyết Trinh Chức danh, học hàm, học vị: GVC, TS
- Điện thoại: 0888556869 Email: letrinh1282@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan Thị Hiệp Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS
- Điện thoại: 0919155680 Email: hiepdongthapmuoi@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

2.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Hà Thái Thủy Lam Chức danh, học hàm, học vị: GV, ThS
- Điện thoại: 0939277679 Email: httlam@dthu.edu.vn
- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán* thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Môn học này cung cấp cho người học những tri thức liên quan đến đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ; tìm hiểu nội dung và lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Môn học này phối hợp với các bộ môn khác trong trường Mầm non góp phần giáo dục toàn diện đưa trẻ, hướng tới việc xây dựng cơ sở đầu tiên của nhân cách con người. Môn học *Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán* là học phần điều kiện tiên quyết để sinh viên học tiếp môn học rèn luyện NVSPTX3.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Trình bày được đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ mầm non và quy trình lĩnh hội tri thức của trẻ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi.

4.1.2. Phân tích được hoạt động nhận thức biểu tượng toán của trẻ theo độ tuổi và đặc điểm cá nhân của trẻ; Đề xuất được các định hướng phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ Mầm non theo lứa tuổi.

4.2. Kỹ năng

4.2.1. Thiết kế được trò chơi học tập cho trẻ làm quen với biểu tượng toán phù hợp chủ đề và đạt mục tiêu dạy học đáp ứng Chương trình giáo dục Mầm non.

4.2.2. Vận dụng được phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ làm quen với biểu tượng toán vào việc lập kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức làm quen với biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp.

4.3. **Mức tự chủ, chịu trách nhiệm**

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. **Chuẩn đầu ra học phần:**

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Mô tả được đặc điểm và quy trình lĩnh hội tri thức, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo độ tuổi.	1.5	3
5.1.2	Lựa chọn được những phương pháp, hình thức, phương tiện dạy học, phương pháp đánh giá phù hợp vào hoạt động hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán.		3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Xác định đúng yêu cầu cần đạt của bài dạy cụ thể; Xác định đúng tri thức cơ sở của trẻ mầm non để hình thành tri thức mới; Xác định được các hoạt động giáo dục chủ yếu hướng dẫn trẻ mầm non làm quen biểu tượng toán trên cơ sở yêu cầu cần đạt của bài học cụ thể.	2.1.2, 2.1.3	3
5.2.2	Thiết kế được kế hoạch bài dạy và tổ chức hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non làm quen với biểu tượng toán theo hướng tích hợp.	2.1.4; 2.1.5	5
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng phát huy trí tuệ tập thể và lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. **Nội dung học phần và kế hoạch dạy học**

6.1 Lý thuyết

Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Vai trò và nhiệm vụ của môn học 1.2. Những vấn đề cơ bản của chương trình LQVT cho trẻ	15/30	1.5	GV giới thiệu môn học, mục tiêu môn học, nội dung học, kế hoạch từng buổi học Hướng dẫn cách lấy tài liệu trên nền tảng <i>hocructuyen.dthu.edu.vn</i> thông qua quy định và yêu cầu của môn học GV giảng giải, minh họa các vấn đề	SV nghiên cứu tài liệu trước. Trên lớp SV thảo luận theo nhóm (mỗi nhóm 1 đề tài). 1. Vì sao gọi là biểu tượng toán sơ đẳng? Liệt kê và phân loại những biểu tượng toán ở MN? 2. Chứng minh “Kiến thức kỹ	9.1.1

<p>1.3. Đặc điểm của việc LQVT</p> <p>1.4. Các nguyên tắc LQVT</p> <p>1.5. Các PP dạy trẻ làm quen với toán</p> <p>1.6. Các hình thức tổ chức dạy trẻ LQVT</p> <p>1.7. Trò chơi và tổ chức học tập toán cho trẻ</p> <p>1.7.1. Một số vấn đề về trò chơi học tập toán</p> <p>1.7.2 Cách tổ chức trò chơi học tập toán cho trẻ</p>			<p>Phân nhóm học viên.</p> <p>Học viên chuẩn bị theo yêu cầu để tham gia bài học, thảo luận nhóm:</p> <p>GV bóc sâm 1 SV bất kì trong nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét. GV nhận xét điều chỉnh và chấm điểm.</p> <p>1. Cô cho sẵn 1 số câu hỏi và bài tập, Mỗi nhóm SV xác định từng c.hỏi / b.tập đó thuộc loại c.hỏi/b.tập nào? Vì sao?</p> <p>Cô cho sẵn 1 tình huống, Mỗi nhóm SV đặt các loại câu hỏi và bài tập theo tình huống đó?</p> <p>Nội dung:- Đặc điểm, vai trò, cấu trúc TCHT toán;- Sử dụng TCHT với toán; - Cách tổ chức trò chơi cho trẻ</p>	<p>năng toán ở MN là cơ sở chuẩn bị cho trẻ vào học toán lớp 1” (Mỗi nhóm chứng minh trên 1 mạch biểu tượng: Số lượng / Hình dạng / Kích thước).</p> <p>3. Mỗi SV cho VD minh họa 3 loại câu hỏi (sao chép, tái tạo, sáng tạo) và 3 loại bài tập (sao chép, tái tạo, sáng tạo).</p> <p>Sinh viên làm việc nhóm, báo cáo trước lớp:</p>	
<p>Chương 2: NỘI DUNG VÀ PP HƯỚNG DẪN TRẺ LÀM QUEN VỚI TOÁN</p> <p>2.1. Nội dung và PP LQ về tập hợp số và phép đếm</p>	4/8	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5	<p>Giảng viên hướng dẫn học viên/sinh viên thực hiện các công việc sau:</p> <p>1. NDCT giáo dục MN 2018</p> <p>2. Liệt kê các bài dạy, sắp xếp và đánh số thứ tự</p> <p>3. Vẽ sơ đồ</p> <p>4. Chọn bài dạy; soạn kế hoạch dạy học GV chỉnh sửa.</p> <p>Mỗi nhóm chọn một bài dạy trong NDCT, thảo luận xác định (kiến thức cơ sở, các hoạt động dạy học chủ yếu giúp trẻ khám phá kiến thức mới, dự kiến khó khăn của trẻ khi khám phá, biện pháp khắc phục).</p>	<p>1. Liệt kê NDCT theo chương trình GD năm 2018.</p> <p>2. Sắp xếp trật tự các bài dạy và đánh số thứ tự chúng.</p> <p>3. Vẽ sơ đồ cấu trúc giữa chúng (từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, các bài giống nhau gồm lại gần nhau, các mũi tên không được chồng chéo lên nhau).</p>	9.1.1 9.1.2 9.2
<p>2.2. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>kích thước</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.3. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>hình dạng</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.4. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm quen <i>định hướng không gian</i></p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	
<p>2.5. Nội dung và PP Hướng dẫn trẻ làm</p>	4/8		Thực hiện các công việc như trên	Thực hiện các công việc như trên	

quen định hướng thời gian 2.6. Tổ chức cho trẻ LQVT theo hướng tích hợp	4/8			<ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi sắp xếp tranh về trình tự thời gian - Vì sao phải tích hợp? - Tích hợp như thế nào? - Liệt kê các môn học có thể tích hợp vào môn học này? VD? Liệt kê các chủ đề chủ điểm có thể tích hợp vào môn học này? VD?	
2.7. Thiết kế bài dạy và cách tổ chức	4/8		GV hướng dẫn hv/sv soạn kế hoạch dạy học hoàn chỉnh; với đầy đủ các yêu cầu cần đạt, chuẩn bị đồ dùng, tiến hành các hoạt động, các trò chơi bổ trợ	Sinh viên làm việc nhóm, soạn kế hoạch dạy học (GV chỉnh sửa), làm đồ dùng, <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận biết chữ số... 2. So sánh chiều cao 2 ĐT 3. Phân biệt hình tròn – hình tam giác 4. Xác định phía Trên dưới trước sau của bạn khác 	
Kiểm tra, ôn tập cuối học phần	2/4	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5	Trực tiếp theo yêu cầu của GV		

6.2 Thực hành, thí nghiệm, thực tế: không có

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						TL chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Kim Châu, Phan Thị Hiệp, Lê Thị Tuyết Trinh	Bài giảng Trò chơi và Phương pháp làm quen với biểu tượng toán, lưu hành nội	2017	Nội bộ	Giảng viên	X	
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chương trình giáo dục Mầm non	2018	Bộ GD & ĐT	Thư viện	X	
3	Đỗ Thị Minh Liên	Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với Toán	2016	NXBGD	Thư viện		X
4	Nguyễn Ngọc Bảo – Đỗ Thị Minh Liên	<i>Sử dụng trò chơi học tập nhằm hình thành các biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo, , 2007</i>		NXBGD	Thư viện		X

5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi,	2011	Bộ GD và ĐT, Huế	Thư viện		X
---	------------------------	---	------	------------------	----------	--	---

8. Quy định đối với sinh viên/ học viên

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	0.4
9.1.1	Xeminar	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	
9.1.2	Bài kiểm tra	Chương 1, 2	1.5, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận)	Chương 1, 2	2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5.	0.6

6.1.22. PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4254 - Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non
- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 3 Số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 45 (45/0/90)
- Học phần điều kiện: *Văn học trẻ em* (Học trước)
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Phạm Thị Minh Hiếu - Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0914 759 251
- Email: phamhieu2501@gmail.com

2.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Lê Thị Thanh Hồng
- Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp
- Điện thoại: 0918 282 625
- Email: hongdhdt@gmail.com

3. Tổng quan về học phần

Học phần *Phương pháp cho trẻ làm quen văn học* thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học. Học phần có những kiến thức trọng tâm như: khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của hoạt động cho trẻ làm quen văn học; nội dung chương trình thơ truyện cho trẻ mầm non; đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non; những nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở từng độ tuổi với các dạng bài khác nhau. Từ những kiến thức trên, sinh viên có thể học tiếp các học phần như *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5, Thực tập tốt nghiệp*.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức:

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận liên quan đến việc tổ chức các hoạt động làm quen văn học ở trường mầm non, hình thành tư duy lý luận, vận dụng và thiết kế được kế hoạch giáo dục cho trẻ làm quen với văn học theo từng độ tuổi (nhà trẻ/mẫu giáo) và từng thể loại (thơ/truyện).

4.2. Kỹ năng

Thiết kế và tổ chức được các hoạt động cho trẻ làm quen văn học ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường, làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được khái niệm, nhiệm vụ của hoạt động cho trẻ làm quen văn học, đặc điểm của thơ - truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non, đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non; Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học.	1.5.1	3
5.1.2	So sánh những điểm khác biệt giữa các độ tuổi trong các dạng bài tổ chức hoạt động làm quen văn học; phân tích, đánh giá các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non.	1.5.2	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học để thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học theo từng độ tuổi (nhà trẻ/mẫu giáo) và thể loại (thơ/truyện).	2.1.2	3
5.2.2	Đánh giá các hoạt động giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non; Phân tích chuẩn xác kết quả kiểm tra, đánh giá trẻ trong giáo dục phát triển ngôn ngữ	2.1.5	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; khả năng nhận định đánh giá và quyết định giải pháp phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	3.1.	3
5.3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	3.3	4

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Khái niệm làm quen với tác phẩm văn học 1.2. Ý nghĩa, nhiệm vụ của hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học 1.2.1 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần mở rộng nhận thức, phát triển trí tuệ cho trẻ 1.2.2 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần giáo dục đạo đức cho trẻ 1.2.3 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần giáo dục thẩm mỹ - 1.2.4 Tổ chức hoạt động LQTPVH góp phần phát triển ngôn ngữ - 1.2.5. Tổ chức hoạt động LQTPVH phát triển ở trẻ hứng thú “đọc sách”, kỹ năng đọc và kể tác phẩm. 1.3. Chương trình thơ truyện cho trẻ mầm non 1.3.1 Đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ lứa tuổi mầm non 1.3.2 Nội dung chương trình làm quen với văn học ở trường mầm non - 1.3.3 Các nguyên tắc lựa chọn tác phẩm văn học cho trẻ em	10/20	5.1.1 5.2.1 5.3.1	- - Thảo luận nhóm - Thuyết giảng - Đàm thoại -	- Đọc tài liệu [1, 2,3,4,5] - Câu hỏi: 1. Nêu và giải thích khái niệm cho trẻ làm quen với TPVH? 2. Nêu và cho ví dụ về ý nghĩa của hoạt động cho trẻ làm quen với TPVH? 3. Nêu và cho ví dụ về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của thơ, truyện viết cho tuổi MN? 4. Nêu các nguyên tắc lựa chọn TPVH cho trẻ? 5. Nêu và phân tích những đặc	9.1.1 9.2

<p>1.4. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ mầm non</p> <p>1.4.1 Tiếp nhận mang tính gián tiếp</p> <p>1.4.2 Tiếp nhận mang tính tập thể</p> <p>1.4.3 Tiếp nhận phụ thuộc vào kinh nghiệm sống của trẻ</p> <p>- 1.4.4 Tiếp nhận chịu tác động của các yếu tố tâm lí</p>				điểm tiếp nhận văn học của trẻ MN?	
<p>CHƯƠNG 2. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>2.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.1.1 Phát huy tính tích cực sáng tạo của chủ thể trẻ em trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.2 Đảm bảo tính vừa sức</p> <p>2.1.3 Đảm bảo tính sư phạm, hệ thống trong kế hoạch tổ chức các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.4 Phải đảm bảo sự gợi cảm thẩm mỹ, hứng thú</p> <p>2.1.5 Hướng trẻ vào cảm nhận giá trị nội dung, hình thức của tác phẩm văn học</p> <p>2.1.6 Tích hợp nội dung hướng vào mục tiêu giáo dục, đặc biệt văn học và ngôn ngữ trong tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học</p> <p>2.1.7 Thống nhất các nguyên tắc, phối hợp các phương pháp, biện pháp</p> <p>2.2. Phương pháp cơ bản tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.2.1 Nhóm phương pháp sử dụng lời nói</p> <p>2.2.2 Nhóm phương pháp trực quan</p> <p>2.2.3 Nhóm phương pháp thực hành</p> <p>2.3. Hình thức tổ chức hoạt động làm quen văn học</p> <p>2.3.1 Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe mọi lúc, mọi nơi</p> <p>2.3.2 Kể chuyện, đọc thơ cho trẻ nghe trong hoạt động làm quen với thơ truyện</p>	15/30	5.1.1 5.2.1 5.3.1	Thảo luận nhóm Thuyết giảng Đàm thoại Tự nghiên cứu và thực hành Xem video tiết dạy mẫu	<p>- Đọc tài liệu [1, 2,3,4,5]</p> <p>- Câu hỏi:</p> <p>1. Trình bày các nguyên tắc tổ chức hoạt động làm quen với thơ truyện?</p> <p>2. Trình bày các phương pháp cơ bản tổ chức cho trẻ làm quen với thơ truyện?</p> <p>3. Rút ra các phương pháp được sử dụng trong tiết dạy mẫu (Tên? Mục đích, Thời điểm...)</p> <p>4. Chọn một số tác phẩm thơ, truyện hay và phân tích các kỹ thuật đọc-kể, thực hành đọc – kể diễn cảm trên lớp.</p>	9.1.1 9.2

<p>CHƯƠNG 3. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VĂN HỌC CHO TRẺ MẦM NON</p> <p>3.1. Tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ nhà trẻ</p> <p>3.1.1 Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</p> <p>3.1.2 Tổ chức hoạt động kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>3.1.3. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</p> <p>3.2. Tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mẫu giáo</p> <p>3.2.1 Tổ chức hoạt động đọc thơ cho trẻ nghe</p> <p>3.2.2. Tổ chức hoạt động dạy trẻ đọc thuộc thơ diễn cảm</p> <p>3.2.3. Tổ chức hoạt động kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>3.2.4. Tổ chức hoạt động dạy trẻ kể lại truyện</p> <p>3.2.5. Tổ chức hoạt động đóng kịch theo cốt truyện</p>	20/40	5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.2.3 5.2.4 5.3.1	Thảo luận nhóm Thuyết giảng Đàm thoại Soạn giáo án theo sự phân công của GV Lên tiết dạy thực hành theo nhóm	<p>- Đọc tài liệu [1,2,4,6] và trả lời các câu hỏi:</p> <p>1. Nêu quy trình tổ chức hoạt động đọc thơ, kể chuyện và tập cho bé kể chuyện đối với tuổi 24-36 tháng?</p> <p>- 2. Xác định mục tiêu, chuẩn bị, các hoạt động chính của cô và trẻ khi tổ chức hoạt động đọc thơ, kể chuyện lứa tuổi mẫu giáo?</p> <p>- 3. Xác định mục tiêu, chuẩn bị, các hoạt động chính của cô và trẻ khi tổ chức hoạt động dạy bé kể lại chuyện lứa tuổi mẫu giáo?</p> <p>4. Thiết kế kế hoạch dạy học, chuẩn bị đồ dùng, thực hành tiết dạy: nhóm gồm 8-10 SV; mỗi nhóm 1 chủ đề, thực hành 4 hoạt động khác nhau ở cả 2 độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo.</p>	9.1.2 9.1.3 9.2
---	-------	--	--	--	-----------------------

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hà Nguyễn Kim Giang	<i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học,</i>	2008	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	

2	Ngô Thị Thái Sơn	<i>Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học</i>	2006	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X
3	Bộ GD&ĐT	<i>Chương trình Giáo dục Mầm non</i>	2017	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
4	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường MN theo chủ đề (ở 3 độ tuổi).</i>	2009	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
5	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Tuyển chọn trò chơi, câu đố, bài hát, thơ truyện theo chủ đề (dành cho trẻ nhà trẻ và mẫu giáo).</i>	2015	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x
6	Trần Thị Ngọc Trâm (chủ biên)	<i>Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo)</i>	2009	GD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x

8. Quy định đối với sinh viên

- Tham dự đủ từ 80% trở lên số tiết lý thuyết của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2,3	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Thảo luận nhóm/ Bài kiểm tra	Chương 1,2	5.1.1; 5.2.1; .3.1	
9.1.2	Bài kiểm tra / Giáo án	Chương 3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3.1	
9.1.3	Tập dạy	Chương 3	5.1.2; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.2.4; 5.3.1	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Tự luận, 120 phút, không được sử dụng tài liệu)	Chương 1,2,3	5.1; 5.2;	0.6

6.1.23. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: KI4106N - PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ÂM NHẠC CHO TRẺ MẦM NON

- Mã lớp học phần:

- Số tín chỉ: 3

Số tiết tín chỉ (15LT/60Th.H/90TH):

- Học phần điều kiện (nếu có): KI4233, KI4220, GE4072N – GE4074N

- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: Võ Ngọc Quyên Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Điện thoại: 0943229662 Email: ngocquyenspdt@gmail.com

- Đơn vị công tác: Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Phương pháp Giáo dục Âm nhạc là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non (GVMN), nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non như: mục đích, vai trò, nhiệm vụ và các phương pháp dạy trẻ hát, nghe nhạc/ nghe hát, vận động theo nhạc... ở Trường Mầm non; Giúp sinh viên lập kế hoạch và đánh giá được các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở Trường Mầm non.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Kiến thức

- Khái quát hóa về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non;

- Xác định được vai trò, nhiệm vụ và các hình thức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng/ phẩm chất

- Thiết kế được kế hoạch và tổ chức được các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non; Đánh giá được kế hoạch giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.

- Giao tiếp chuẩn mực, có tác phong sư phạm chuẩn mực, phẩm chất đạo đức tốt.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có sáng kiến, khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc; Có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể, có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân/ quan điểm thống nhất của nhóm trong giờ học.

5. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
<i>5.1 Kiến thức</i>			
5.1.1	Khái quát hóa về lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non như: mục đích, vai trò, ý nghĩa và các phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non...	1.3	3
5.1.2	Xác định được vai trò, nhiệm vụ và các hình thức giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non.	1.3	3
<i>5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức</i>			
5.2.1	Thiết kế được kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non phù hợp với đặc điểm khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.2	6
5.2.2	Đánh giá được kế hoạch giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non. Cụ thể qua 4 hoạt động: dạy hát, dạy nghe nhạc/ nghe hát, vận động theo nhạc và trò chơi âm nhạc.	2.1.4	5

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	CB của sinh viên	HĐĐG
<p>Chương 3: Thiết kế bài dạy và tập dạy</p> <p>3.1 Phân phối chương trình</p> <p>1.3.1. Các chủ đề ở lớp mẫu giáo 3 - 4, 4 - 5 tuổi</p> <p>1.3.2. Các chủ đề ở lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi</p> <p>3.2 Xây dựng kế hoạch và thực hành dạy</p> <p>3.2.1. Xây dựng kế hoạch.</p> <p>3.2.2. Thực hành tập dạy</p> <p>3.2.3. Ôn tập, kiểm tra</p> <p>3.3. Luyện tập một số bài hát trong chương trình.</p> <p>3.3.1. Một số bài hát tiêu biểu cho các tính chất ÂN.</p> <p>3.3.2. Luyện tập hát ru và dân ca</p> <p>3.3.3. Một số bài VDTN, múa; luyện võ/gõ đệm các dạng tiết tấu.</p>	15/30	5.1.1; 5.1.2; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	<p>- Thực hành và thảo luận nhóm.</p> <p>+ Thảo luận nhóm</p> <p>+ GV hướng dẫn, giải thích, sửa giáo án...</p>	<p>- SV tham khảo tài liệu [4; 5] và chuẩn bị các nội dung sau:</p> <p>+ <i>Tìm hiểu các hoạt động âm nhạc cho trẻ ở từng giai đoạn từ nhà trẻ đến mẫu giáo.</i></p> <p>+ <i>Tập hát một số bài hát trong/ ngoài chương trình kết hợp vỗ đệm theo hát.</i></p> <p>- Chia nhóm, thực hành soạn giáo án và tập dạy</p>	9.1.1
<p>3.4. Thực hành trải nghiệm ở Trường Mầm non</p>	15/30	5.1.1; 5.1.2; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	<p>- GV và lớp trưởng liên hệ trường MN Hoa Hồng xin kế hoạch dạy học theo tuần/ tháng.</p> <p>- Dựa theo kế hoạch ở trường mầm non phân công nhiệm vụ cho từng nhóm (4 nhóm), mỗi nhóm chuẩn bị 4 giáo án: Nhà trẻ (1 tiết), Mẫu giáo (3 tiết).</p> <p>- Hướng dẫn SV xây dựng được tiêu chí và kế hoạch đánh giá trẻ qua các hoạt động giáo dục âm nhạc.</p> <p>- Giám sát các hoạt động của SV.</p>	<p>- SV tuân thủ các quy tắc ở Trường Mầm non.</p> <p>- Nghiêm túc chuẩn bị đầy đủ giáo án, giáo cụ trước khi lên tiết dạy.</p> <p>- Quay video tiết dạy của nhóm.</p> <p>- Nộp video và sổ/ bảng ghi chép cá nhân đánh giá trẻ qua từng hoạt động giáo dục âm nhạc.</p>	9.1.1; 9.1.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Hoà	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non	2011	Nxb GDVN	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Nhị Bình, Võ Ngọc Quyên	Bài giảng PPGD Âm nhạc cho trẻ MN		Nội bộ	Giảng viên		x
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ mầm non ca hát.	1993	Nxb Âm nhạc	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Hoàng Văn Yên	Trẻ thơ hát	1995	Nxb Âm nhạc	TTHL Lê Vũ Hùng		x
5	Các hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non	Nhiều tác giả	2015	Nxb Giáo dục VN	Giảng viên	x	

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá/ Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1. Đánh giá thường xuyên				0.4
9.1.1	- Chuyên cần	Chương 1, 2, 3	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	0.1
9.1.2	- Bài tự học	Chương 1, 2	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	0.1
9.1.3	Video thực hành trải nghiệm ở trường mầm non.	Chương 3 [3.4]	5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3.	0.2
9.2. Đánh giá kết thúc học phần				0.6
	Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận	Chương 1, 2, 3	5.1.1; 5.2.1; 5.2.2; 5.2.3; 5.3	

6.1.24. RÈN LUYỆN NVSPTX 1 (NGHE, NÓI, ĐỌC VIẾT)**1. Thông tin về học phần**

- Mã lớp học phần:
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ: 00/30/30
- Học phần điều kiện (nếu có):
- Học kì: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên**2.1. Giảng viên 1:**

- Họ và tên: Trần Hoàng Anh Chức danh, học vị: GVC, Tiến sĩ
- Điện thoại: 0979.671.678 E-mail: tranhoanganh678@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: Vũ Thị Hiền Chức danh, học vị: GV, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0974.814.712 E-mail: hienvuth123@gmail.com
- Đơn vị: Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non

3. Mô tả tóm tắt/ Tổng quan về học phần

RLNVSPTX1 là học phần thuộc nhóm thực hành, thực tập nghề nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non về các kỹ năng: đọc, kể, nói, viết. Học phần chú trọng tính tự học, tự thực hành, làm việc nhóm của sinh viên dưới sự kiểm tra, đánh giá của giảng viên hướng dẫn.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Kiến thức**

Giải thích được kiến thức về Tiếng Việt khi vận dụng vào hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.

4.2. Kỹ năng

Vận dụng được các kỹ năng cơ bản: đọc, kể, nói, viết vào việc tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng của trẻ ở trường mầm non.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Không ngừng học hỏi, phấn đấu nhằm hoàn thiện năng lực, phẩm chất và hình thành lý tưởng, lương tâm của người giáo viên mầm non.

5. Chuẩn đầu ra

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Giải thích được kiến thức về Tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết; xác định đúng ngữ điệu kể của một câu chuyện; biết cách để thể hiện tốt kỹ năng nói của mình; biết viết đúng, đẹp mẫu chữ hiện hành để vận dụng vào hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm phục vụ cho quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ mầm non.	1.3	2
5.2. Kỹ năng			
5.2.1	Có năng lực tổ chức các hoạt động phát triển năng khiếu phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, hứng thú và khả năng cá nhân của trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	3
5.2.2	Có kỹ năng giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với các đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp. Luôn có ý thức hoàn thành nhiệm vụ chung trong môi trường sư phạm.	2.2	3
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			

5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác làm việc theo nhóm và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc. Không ngừng học hỏi, phấn đấu nhằm hoàn thiện năng lực và phẩm chất của người giáo viên mầm non	3	3
-------	---	---	---

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
Nội dung 1. Rèn kĩ năng đọc diễn cảm	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Đọc TLTK [1], [3]. Chọn các tác phẩm thơ, truyện để luyện kĩ năng đọc diễn cảm. - Luyện cách cầm sách, lật sách, vị trí đứng và cách đọc mẫu, tốc độ đọc mẫu - Luyện đọc diễn cảm các văn bản thuộc các thể loại khác nhau (Yêu cầu phát âm chuẩn; đọc rõ ràng, lưu loát; có cảm xúc; có ngữ điệu, nhịp điệu, tốc độ, cường độ phù hợp; biết kết hợp động tác, cử chỉ...) + Thơ, câu đố, ca dao, đồng dao: đọc thuộc lòng một bài tự chọn + Truyện: Cầm sách đọc một truyện tự chọn.	9.2.1
Nội dung 2. Rèn kĩ năng kể chuyện	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Đọc TLTK [1], [3]. Chọn tác phẩm truyện để luyện kĩ năng kể chuyện. - Luyện kể diễn cảm toàn bộ chuyện (Xác định giọng điệu cơ bản, ngữ điệu lời kể; cách ngừng nghỉ, nhấn giọng, chuyển giọng, giả giọng, tốc độ kể; kết hợp động tác, cử chỉ...) - Biết kể chuyện sáng tạo (đổi ngôi kể, trang phục, tranh ảnh minh họa,...) Nhận xét đánh giá cách kể chuyện của bạn.	9.2.2
Nội dung 3. Rèn kĩ năng nói	06	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan. - Rèn luyện cá nhân.	- Xây dựng nội dung bài nói. - Luyện tập kĩ năng trình bày. -Xác định các yếu tố phụ trợ: thái độ, giọng nói, giao cảm với người nghe. - GV đưa ra các chủ đề: <i>Giới thiệu về quê hương; Thuyết trình về các vấn đề liên quan đến giáo dục hoặc xã hội; Bình luận vấn đề yêu thích; Nghề giáo viên mầm non; Ý nghĩa, tác động của việc đọc thơ, kể chuyện đối với trẻ mầm non, ...</i> SV lựa chọn chủ đề, xây dựng nội dung và tập thực hiện bài nói.	9.2.3
Nội dung 4. Rèn kĩ năng viết chữ	08	5.1, 5.2, 5.3.	- Thực hành trực quan.	- Tập cầm viết đúng quy định. PHẦN X: - Luyện viết chữ viết thường, chữ số trong	9.2.4

Chương/ Chủ đề	Số tiết	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			- Rèn luyện cá nhân.	vở tập viết tiểu học (lớp 1, lớp 2, mỗi lớp 01 cuốn) - Luyện viết chữ: thường, in thường, in hoa, chữ số và viết văn bản vào tập ô li. (Chọn các văn bản thuộc các thể loại khác nhau trong chương trình MN, mỗi SV viết đủ một cuốn tập dày 200 trang). Chú ý viết đúng chính tả và đúng mẫu chữ, cỡ chữ theo quy định.	
Tổng cộng: 30 tiết (00/30/60)					

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	NXB	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thị Ánh Tuyết	<i>Phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ mầm non</i>	2006	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thu Hương (Chủ biên)	<i>Tuyển tập trò chơi, bài hát, thơ ca, truyện, câu đố dành theo chủ đề</i>	2011	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Phan Lan Anh (Chủ biên)	<i>Tuyển chọn trò chơi, thơ ca, truyện kể, câu đố.</i>	2018	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần.
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần.
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số	Tổng số
9.2.1	Kỹ năng Đọc diễn cảm	- Nội dung thi: 1, 2, 3, 4. - Thi thực hành cá nhân theo bộ đề thống nhất.	5.1, 5.2, 5.3.	0.3	1.0
9.2.2	Kỹ năng Kể chuyện			0.3	
9.2.3	Kỹ năng Nói			0.2	
9.2.4	Kỹ năng Viết chữ			0.2	

PHỤ LỤC: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ*1. Kỹ năng đọc diễn cảm.*

- Phát âm chuẩn: 3.0 điểm.
- Đọc rõ ràng, lưu loát theo đặc trưng thể loại: 3.0 điểm.
- Biết sử dụng cảm xúc, ngữ điệu đọc: 3.0 điểm.
- Sử dụng yếu tố ngoài ngôn ngữ phù hợp: 1.0 điểm.

2. Kỹ năng kể chuyện.

- Kể đúng cốt truyện: 3.0 điểm.
- Biết thể hiện ngữ điệu: 3.0 điểm.
- Điệu bộ, cử chỉ phù hợp: 2.0 điểm.
- Lời cuốn, hấp dẫn: 2.0 điểm

3. Kỹ năng nói.

- Đề cương rõ ràng, cấu trúc hợp lí: 2.0 điểm.
- Nội dung đầy đủ: 2.0 điểm.
- Trình bày lưu loát: 3.0 điểm.
- Phối hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ: 1.0 điểm.
- Lời cuốn, hấp dẫn: 2.0 điểm

4. Kỹ năng viết chữ.

- Chữ viết đúng hình dạng, kích cỡ: 3.0 điểm.
- Viết liền mạch: 2.0 điểm.
- Nét thanh, nét đậm: 2.0 điểm.
- Khoảng cách giữa các tiếng, dấu thanh: 1.0 điểm.
- Đúng chính tả: 1.0 điểm.
- Tốc độ: 1.0 điểm.

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Phân biệt được khả năng vận động cho từng nhóm đối tượng năng khiếu khi rèn luyện kỹ năng múa.	1.3	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xác định và thể hiện đúng tính chất, sắc thái,... của những bài hát. Từ đó hình thành các kỹ năng âm nhạc cần thiết trong giáo dục âm nhạc cho trẻ ở trường mầm non.	2.1.4	4
5.2.2	Thực hành rèn luyện các kỹ năng múa và biên đạo các dạng múa ở trường mầm non một cách thành thạo và sáng tạo.	2.1.4	5
5.2.3	Có kỹ năng quản lý cảm xúc; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp.	2.2	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có kỹ năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>Chương 1. HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG HÁT</p> <p>1.1. Ôn tập một số kỹ thuật trong ca hát</p> <p>1.1.1 Tư thế ca hát</p> <p>1.1.2. Cách sử dụng hơi thở trong ca hát</p> <p>1.1.3. Một vài kỹ thuật trong ca hát</p> <p>1.2. Rèn luyện kỹ năng hát: cá nhân hoặc nhóm từ 2 - 3 SV thể hiện một ca khúc Việt Nam. Ca khúc được Bộ văn hóa cho phép lưu hành. Không hát nhạc nước ngoài lời Việt.</p>	15/15	5.1.1 5.2.1 5.2.3 5.3.1	<p>* PP: Đàm thoại (nội dung 1.1)</p> <p>* PP: Thực hành (nội dung 1.2)</p> <p>* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm.</p> <p>* Hướng dẫn thực hành: Giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.</p>	<p>* Nội dung: (1.1) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [1], liệt kê các nội dung liên quan và nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>* Nội dung: (1.2) mỗi sinh viên lựa chọn ca khúc phù hợp với chất giọng và tâm cứ giọng hát của mình và thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.</p> <p>- Chuẩn bị nhạc đệm cho ca khúc;</p> <p>- Chuẩn bị trang phục phù hợp với nội dung cần thể hiện.</p>	9.1
<p>Chương 2. HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN KỸ NĂNG MÚA</p> <p>2.1. Ôn tập một số nội dung lý thuyết</p> <p>2.1.1. Nguyên tắc biên đạo múa phụ họa một bài hát</p>	15/15	5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1	<p>* PP: Đàm thoại (nội dung 2.1)</p> <p>* PP: Thực hành (nội dung 2.2)</p>	<p>* Nội dung: (2.1) sinh viên tự nghiên cứu tài liệu [2], liệt kê các nội dung liên quan</p>	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.1.2. Các bước biên đạo múa phụ họa một bài hát 2.1.3. PP biên đạo múa phụ họa một bài hát 2.2. Hướng dẫn thực hành: cá nhân hoặc nhóm từ 10 – 12 sinh viên thể hiện một tiết mục múa do cá nhân hoặc nhóm biên đạo.			* Tổ chức lớp học: Hoạt động nhóm. * Hướng dẫn thực hành: Giảng viên hướng dẫn, tư vấn, giải đáp, động viên và hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.	và nêu câu hỏi thắc mắc. * Nội dung: (2.2) cá nhân hoặc nhóm từ 10 – 12 sinh viên lựa chọn thể loại múa và thể hiện tiết mục múa do cá nhân hoặc nhóm biên đạo; - Lập kế hoạch tập luyện; - Chuẩn bị âm nhạc, trang phục và đạo cụ phù hợp với nội dung cần thể hiện;	

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Văn Yên	Trẻ thơ hát	1995	Âm nhạc	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Minh Trí	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo nhạc	1997	Bộ GD&ĐT	TT học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Hoàng Văn Yên	Trẻ mầm non ca hát.	1993	Nxb Âm nhạc	TT học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi

tiết học phần

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Đánh giá kết thúc học phần	Chương 1, 2	5.1; 5.2; 5.3	0.6

6.1.26. RÈN LUYỆN NVSPTX 3 (PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC)

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: RÈN LUYỆN NVSPTX 3
- Mã lớp học phần: KI4403
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15(00/30/30)
- Học phần điều kiện: KI4241, KI4228
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Nguyệt** Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0919 520 999E-mail: nguyet76dhdt@gmail.com
- Đơn vị: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.2. Giảng viên 2:

- Họ và tên: **Trần Nguyễn Thị Như Mai** - Chức danh, học vị: Thạc sĩ.
- Điện thoại: 0983482042 Email: nguyennhumaidhdt@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học –Mầm non

2.3. Giảng viên 3:

- Họ và tên: **Phan Thị Hoàng Nguyên.**Chức danh, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ
- Điện thoại: 0918041882 Email: pthnguyen8182@gmail.com
- Đơn vị công tác: Khoa GD Tiểu học – Mầm non

3. Tổng quan về học phần

Học phần “*Rèn luyện NVSPTX 3*” đây là học phần nằm trong khối thực hành thực tập nghề nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần.

4.1. Kiến thức:

Khái quát các xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non, những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để phát triển nhận thức cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Có tư duy độc lập, lập luận khoa học để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch của cá nhân soạn; có ý tưởng trong quá trình thiết kế giáo án phát triển nhận thức.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Lựa chọn linh hoạt các xu hướng giáo dục mầm non và những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non vào việc thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ theo hướng tích hợp, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.2	Giải thích được những đặc điểm phát triển nhận thức, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức PTNT trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục nhận thức phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được giáo án lĩnh vực phát triển nhận thức: khám phá khoa học, khám phá xã hội và làm quen với toán phù hợp với mục tiêu và nội dung các độ tuổi trong chương trình GDMN	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển nhận thức cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Giải quyết nhiệm vụ độc lập nhiệm vụ, có khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của bản thân; chủ động và tương tác tốt với các thành viên trong nhóm, thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: không có

6.2: Thực hành:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>NỘI DUNG 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN</p> <p>-Giảng viên hướng dẫn sinh viên soạn kế hoạch tổ chức hoạt động: 4 giáo án Khám phá MTXQ(1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo), 4 giáo án Làm quen với biểu tượng toán (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo)</p>	03/03	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<p>a) Giảng giải - thuyết trình: hướng dẫn soạn bài</p> <p>b) Làm việc cá nhân <u>mục: chọn đề tài</u></p> <p>c):<u>sinh viên tự nghiên cứu thiết kế bài dạy phù hợp với năng lực của bản thân</u></p>	<p>- <u>Đọc, ghi chép</u> những ý chính.</p> <p>- <u>Tự nghiên cứu, phân tích</u> những ví dụ về cách dựa vào chương trình giáo dục mầm non lựa chọn nội dung thiết kế giáo án cho phù hợp</p> <p>- <u>Trả lời câu hỏi:</u></p> <p>1. Lĩnh vực PTNT gồm những hoạt động nào</p> <p>2. Căn cứ vào đâu để chọn đề tài soạn giáo án .</p> <p>3. Cấu trúc cơ bản của một giáo án LQMTXQ, LQVT là như thế nào?.</p> <p>4. Phân biệt tên đề tài KPMTXQ, LQVT của nhà trẻ và mẫu giáo.</p> <p>5. Những khó khăn thường gặp khi soạn giáo án trong lĩnh vực này?.</p>	

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]	
<p>NỘI DUNG 2: LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</p> <p>2.1 Lập kế hoạch</p> <p>2.1.1. Cách chọn đề tài 2.1.2 Viết mục tiêu: kiến thức, kỹ năng, thái độ các dùng thuật ngữ kiến thức, kỹ năng, thái độ</p> <p>2.1.3 Cách tiến hành: các hoạt động đảm bảo sự đa dạng, cho trẻ trải nghiệm thực hành, cách thiết kế trò chơi học tập</p> <p>2.1.4 Sự thống nhất giữa mục tiêu và nội dung bài học</p>	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	a) Giảng giải - thuyết trình = b) Làm việc cá nhân <u>mục</u> <u>2.1.1;2.1.2.;2.1.3;2.1.4</u>	- <u>Đoc, ghi chép</u> những ý chính của bài học. - <u>Thực hiện</u> chỉnh sửa giáo án theo góp ý - Xem trang 41,42, 60,61 tài liệu [3]	9.1.1
<p>NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>- Mỗi SV lên 2 tiết dạy (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: khám phá, làm quen với toán</p> <p>- Các bạn trong nhóm dự giờ, nhận xét, rút kinh nghiệm</p>	15/15	5.2.2 5.3	PP thực hành: SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thẻ đục sáo và phát triển vận động - GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.	+ SV chuẩn bị giáo án. + Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: khám phá MTXQ, LQVT + Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên giáo án và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm. + SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. - Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.	9.1.2
<p>4.1 Khám phá môi trường xung quanh</p> <p>4.2 Làm quen với toán biệt</p>	06/06	5.2.2 5.3	Thực hành: sinh viên thực hành tổ chức giờ học Thuyết giảng: giảng viên nhận xét rút kinh nghiệm	+ Mỗi SV nộp 8 giáo án + Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản. + Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. + Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa. - Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét. Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung.	

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Phương	LL và PP hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	2008	NXB ĐHSHPH	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Đỗ Thị Minh Liên	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	2009	NXB giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
3	Bộ GD & ĐT	Chương trình GDMN	2021		Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
4	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN từ 0 đến 6 tuổi.	2017	NXB Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Lý Thị Hằng	Tuyển chọn giáo án mẫu giáo lĩnh vực nhận thức	2016	NXB GD Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Nội dung 1,2,3,4</i>	<i>5.1.1;5.1.2;5.2.1</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Lập kế hoạch	Nội dung 2	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.1.2	Tổ chức giờ học	Nội dung 3	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>	<i>Nội dung 4</i>	<i>5.2.2;5.3</i>	<i>0.6</i>

6.1.27. RÈN LUYỆN NVSPTX 4 (PHÁT TRIỂN THẨM MỸ)**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: RÈN LUYỆN NVSPTX 4
- Mã lớp học phần: KI4404
- Số tín chỉ: 01 Số tiết tín chỉ (LT/BT/TH): 15 (00/30/30)
- Học phần điều kiện:
- Học kỳ: Năm học:

2. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Khoa** Chức danh, học vị: Giảng viên - Thạc sĩ
- Điện thoại: 0914. 443. 524 E-mail: nthkhoa@dthu.edu.vn
- Đơn vị: Khoa Giáo Dục THMN

3. Tổng quan về học phần

Học phần “Rèn luyện NVSPTX 4” nằm trong khối kiến thức Thực hành thực tập nghề nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học trên lớp để tự rèn luyện kỹ năng thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non. Đây là những kỹ năng vô cùng cần thiết, nó giúp sinh viên sử dụng và vận dụng vào trong các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ ở trường mầm non.

4. Mục tiêu học phần.**4.1. Kiến thức:**

Liệt kê kiến thức các về lý luận và phương pháp phát triển tạo hình và âm nhạc, xu hướng giáo dục mầm non và kiến thức về chương trình giáo dục mầm non, những kiến thức về khoa học giáo dục mầm non để phát triển thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.2. Kỹ năng:

Tổ chức được hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

4.3. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu ra học phần

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1. Kiến thức			
5.1.1	Liệt kê các xu hướng giáo dục mầm non và những kiến thức về chương trình giáo dục mầm non vào việc thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ theo hướng tích hợp, trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tiễn.	1.4	3
5.1.2	Giải thích được những đặc điểm phát triển thẩm mỹ, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức PTTM trong việc lựa chọn các hoạt động giáo dục thẩm mỹ phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.	1.5	3
5.2. Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Xây dựng được giáo án lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: âm nhạc và tạo hình phù hợp với mục tiêu và nội dung các độ tuổi trong chương trình GDMN	2.1.2	6
5.2.2	Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có khả năng làm việc độc lập, chủ động hợp tác làm việc theo nhóm, phát huy trí tuệ tập thể và chấp nhận chịu trách nhiệm với công việc được giao; Có khả năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức, lập luận, phân tích bảo vệ quan điểm cá nhân.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: không có

6.2: Thực hành:

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>NỘI DUNG 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN</p> <p>Soạn kế hoạch tổ chức hoạt động: 4 giáo án Âm nhạc (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo), 4 giáo án Tạo hình (1 giáo án lứa tuổi nhà trẻ, 3 giáo án lứa tuổi mẫu giáo)</p>	02/02	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng giải - thuyết trình: hướng dẫn soạn bài - Thảo luận nhóm: chọn đề tài - Tự học: sinh viên tự nghiên cứu thiết kế bài dạy phù hợp với năng lực của bản thân 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, ghi chép những ý chính. - Tự nghiên cứu, phân tích những ví dụ về cách dựa vào chương trình giáo dục mầm non lựa chọn nội dung thiết kế giáo án cho phù hợp - Trả lời câu hỏi: <ol style="list-style-type: none"> 1. Lĩnh vực PTTM gồm những hoạt động nào 2. Căn cứ vào đâu để chọn đề tài soạn giáo án . 3. Cấu trúc cơ bản của một giáo án Tạo hình, Âm nhạc là như thế nào?. 4. Phân biệt tên đề tài Tạo hình, Âm nhạc của nhà trẻ và mẫu giáo. 5. Những khó khăn thường gặp khi soạn giáo án trong lĩnh vực này?. <p>Tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]</p>	
<p>NỘI DUNG 2: LẬP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</p> <p>2.1. Cách chọn đề tài 2.2. Viết mục tiêu: kiến thức, kỹ năng, thái độ các dùng thuật ngữ kiến thức, kỹ năng, thái độ</p> <p>2.3. Cách tiến hành: các hoạt động đảm bảo sự đa dạng, cho trẻ trải nghiệm thực hành, cách thiết kế trò chơi học tập</p>	06/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.3	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng giải - Thuyết trình - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, ghi chép những ý chính của bài học. - Thực hiện chỉnh sửa giáo án theo góp ý - Xem trang 41,42, 60,61 tài liệu [3] 	9.1.1

Chương/ Chủ đề	Số tiết (LT/TH)	Chuẩn đầu ra	PP dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
2.4. Sự thống nhất giữa mục tiêu và nội dung bài học					
<p>NỘI DUNG 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>- Thực hành tiết dạy: 2 tiết dạy (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: tạo hình, âm nhạc</p> <p>- Dự giờ, nhận xét, rút kinh nghiệm</p>	15/15	5.2.2 5.3	<p>- Thực hành: SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Tạo hình, âm nhạc</p> <p>- Thuyết giảng: GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	<p>+ SV chuẩn bị giáo án. + Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 8 giáo án đã soạn lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Tạo hình, Âm nhạc</p> <p>+ Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên giáo án và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm.</p> <p>+ SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy.</p> <p>- Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.</p>	9.1.2
<p>NỘI DUNG 4: ĐÁNH GIÁ TIẾT DẠY</p> <p>4.1. Tạo hình</p> <p>4.2. Âm nhạc</p>	07/07	5.2.2 5.3	<p>- Thực hành Sinh viên thực hành tổ chức giờ học</p> <p>- Thuyết giảng Giảng viên nhận xét rút kinh nghiệm</p>	<p>+ Mỗi SV nộp 8 giáo án + Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản. + Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy. + Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa. - Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét. Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung.</p>	9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo

1	Phạm Thị Hòa	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ Mầm non	2011	NXB GDVN	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Thanh Thủy	PP tổ chức HĐTH cho trẻ MN	2006	NXB Đại học Sư Phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Hoàng Văn Yến	Trẻ thơ hát	1995	NXB âm nhạc	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ GD & ĐT	Chương trình giáo dục mầm non	2020	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	<i>Đánh giá thường xuyên</i>	<i>Nội dung 1,2,3,4</i>	<i>5.1.1;5.1.2;5.2.1</i>	<i>0.4</i>
9.1.1	Lập kế hoạch	Nội dung 2	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.1.2	Tổ chức giờ học	Nội dung 3	5.1.1;5.1.2;5.3	
9.2	<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>	<i>Nội dung 4</i>	<i>5.2.2;5.3</i>	<i>0.6</i>

5.1.2	Vận dụng được những kiến thức về lý luận và phương pháp trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ để thực hiện nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ và kiến thức về đánh giá trong giáo dục mầm non.	1.5	3
5.2 Kỹ năng			
5.2.1	Thành thạo kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục, thiết kế đồ dùng, tổ chức các trò chơi, bài tập phát triển ngôn ngữ, các hoạt động làm quen văn học và làm quen chữ cái cho trẻ theo từng độ tuổi một cách khoa học và sáng tạo.	2.1.2	3
5.2.2	Đánh giá được kế hoạch giáo dục, nhận xét các tiết tập dạy của bản thân và của người khác trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.	2.1.4	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận trên cơ sở khoa học để bảo vệ kết luận chuyên môn; có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, sáng kiến và chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết (không)

6.2. Thực hành

Nội dung/ Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
Hướng dẫn rèn luyện và xây dựng nhóm. - Giới thiệu chung - Cách thực hiện RL NVSP - Chọn nhóm, bài RLNVSP	00/01		-Thuyết trình, giải thích, hướng dẫn rèn luyện.	- Chủ động liên hệ với GVHD; - Chuẩn bị đề cương, giáo trình; - Chia nhóm rèn luyện. Mỗi nhóm từ 08-10 SV, tùy số lượng sinh viên trong lớp; - Bắt thăm chủ đề/ lứa tuổi. - Tự thực hành rèn luyện dưới sự hướng dẫn của giảng viên;	
Nội dung 1. Tập luyện kỹ năng tổ chức trò chơi, bài tập phát triển ngôn ngữ: 1. Bài tập luyện phát âm. 2. Trò chơi phát triển vốn từ (nhà trẻ, mẫu giáo) 3. Trò chơi dạy trẻ nói đúng mẫu câu tiếng Việt	00/06	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Mỗi sinh viên chọn 1 trong 3 dạng, soạn giáo án theo chủ đề/ lứa tuổi đã bắt thăm. Đề tài tự chọn. - Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực	9.1 9.2

Nội dung/ Chủ đề	Số tiết (LT/ThH)	CDR	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của SV	HĐĐG
				hành 1 trong 3 dạng đã chọn; GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm tiết dạy.	
<p>Nội dung 2. Tập luyện kỹ năng tổ chức hoạt động làm quen văn học (tuổi nhà trẻ và mẫu giáo)</p> <p>1) <i>Đọc thơ cho bé nghe;</i></p> <p>2) <i>Kể chuyện cho bé nghe;</i></p> <p>3) <i>Dạy bé đọc thơ;</i></p> <p>4) <i>Dạy bé kể lại truyện.</i></p>	00/15	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Trực quan; - Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Tự xem băng dạy mẫu; thực hành các dạng bài ở lứa tuổi NT và MG; - Mỗi sinh viên chọn 2 trong 4 dạng, soạn giáo án theo chủ đề/ lứa tuổi đã bắt thăm. <i>Lưu ý: Bắt buộc 01 giáo án NT, 01 giáo án MG.</i> - Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực hành tập dạy 02 giáo án (2 trong 4 dạng); GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm.	9.1 9.2
<p>Nội dung 3. Tập luyện kỹ năng tổ chức hoạt động làm quen với chữ cái:</p> <p>1) <i>Hướng dẫn trẻ làm quen với chữ cái;</i></p> <p>2) <i>Hướng dẫn trẻ tập tô.</i></p>	00/08	5.1.1 5.1.2 5.2.1 5.2.2 5.3.1	- Thực hành; - Tự học; - Làm việc nhóm.	- Mỗi sinh viên soạn 02 giáo án theo chủ đề đã bắt thăm. - Mỗi nhóm sinh viên chuẩn bị ĐDDH và thực hành tập dạy 02 giáo án; GVHD sửa và đánh giá/ cho điểm tiết dạy.	9.1 9.2

7. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hồ Thị Thu Hà	<i>Bài giảng PP phát triển NN</i>	2017	TL nội bộ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Hà Nguyễn Kim Giang	<i>Phương pháp tổ chức hoạt động làm</i>	2008	Giáo dục	Trung tâm học	X	

TT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
		<i>quen với tác phẩm văn học,</i>			liệu Lê Vũ Hùng		
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Chương trình giáo dục mầm non</i>	2017	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<i>Hướng dẫn tổ chức thực hiện CT GDMN</i>	2017	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Lê Thu Hương	<i>Tuyển chọn thơ ca, truyện kể, bài hát, câu đố (từng độ tuổi)</i>	2010	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Nguyễn Thị Phương Nga	<i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ</i>	2007	Giáo dục	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Tài liệu học tập

- Tham dự đủ từ 80% trở lên số tiết lý thuyết của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường.
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Nội dung/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Kế hoạch bài dạy; Tập giảng	Nội dung 1, 2, 3	5..1; 5.2; 5.3	0.4
9.2	Thực hành tiết dạy trên lớp	Nội dung 1, 2, 3	5..1; 5.2; 5.3	0.6

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTDT	Đánh giá mức độ năng lực
5.2.2	A.2. Tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện thực tiễn... phục vụ mục tiêu giáo dục thể chất trong chương trình giáo dục mầm non.	2.1.4	5
5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, lập luận theo chương trình GDMN để bảo vệ và dám chịu trách nhiệm về kế hoạch mà mình biên soạn; có khả năng dẫn dắt và có ý tưởng trong quá trình lập kế hoạch giáo dục phát triển thể chất; thích ứng tốt với hoạt động nhóm có sự thay đổi.	3	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

6.1. Lý thuyết: Không có

6.2. Thực hành

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1: HƯỚNG DẪN RÈN LUYỆN 1.1. Thực hành tìm hiểu, phân tích mục tiêu, nội dung bài dạy cụ thể; 1.2. Lập kế hoạch hoạt động; 1.3. Tổ chức tập dạy trên đối tượng sinh viên: 1.3.1. Nhà trẻ: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 1.3.2. Mẫu giáo: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 1.4. Đăng ký đánh giá kết quả dạy với GVHD (01 tiết / cá nhân)	03/03	5.1; 5.2; 5.3.	- PP trò chơi: GV tổ chức trò chơi: “Rung chuông vàng” - PP thảo luận nhóm: GV tổ chức cho SV thảo luận và báo cáo kết quả thực hiện, thảo luận. - PP thuyết giảng: GV chỉnh sửa và kết luận.	Chuẩn bị tài liệu [1, 2, 3, 4, 5] - Vở ghi chép - Xem trước đề cương học phần, kế hoạch dạy học, tài liệu,... - Mỗi lớp sinh viên chia thành 04 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 SV; mỗi nhóm cử một nhóm trưởng. - Các nhóm đọc tài liệu, thảo luận và trình bày: phân tích mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục phát triển thể chất.	
PHẦN 2: LẬP KẾ HOẠCH 2.1. Nhà trẻ: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động 2.2. Mẫu giáo: 01 tiết thể dục sáng, 01 tiết phát triển vận động	06/06	5.1 5.2.1 5.3.	- PP thuyết giảng: GV hướng dẫn nội dung lập kế hoạch PTTC. - PP thực hành: GV giao nhiệm vụ cho SV: lập 4 kế hoạch (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG)	Nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3, 4, 5] + Mỗi SV tự lập 4 kế hoạch (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thẻ dục sáng	9.1.1

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
			<p>đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động.</p> <p>- GV chỉnh sửa kế hoạch, SV hoàn thiện.</p>	<p>và phát triển vận động.</p> <p>- Lựa chọn đề tài đúng theo yêu cầu, đúng chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>- Xác định mục tiêu đúng, phù hợp độ tuổi, đủ cả 3 nội dung: kiến thức, kỹ năng, thái độ</p>	
<p>PHẦN 3: THỰC HÀNH TẬP DẠY THEO NHÓM</p> <p>3.1. Nhà trẻ: 01 tiết (thể dục sáng/phát triển vận động)</p> <p>3.2. Mẫu giáo: : 01 tiết (thể dục sáng/phát triển vận động)</p>	15/15	5.1 5.2.2 5.3.	<p>- PP thực hành: GV tổ chức cho SV chia nhóm tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 4 kế hoạch đã lập, lên tiết dạy cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG)</p> <p>đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động</p> <p>- GV quan sát và góp ý, chỉnh sửa. SV tiếp thu ghi nhận ý kiến đóng góp của GV.</p>	<p>+ SV chuẩn bị kế hoạch.</p> <p>+ Nhóm tổ chức tập dạy: mỗi SV tự chọn 2 trong 4 kế hoạch cho cả nhóm dự (đảm bảo 2 độ tuổi: NT & MG) đảm bảo 2 nội dung: Thể dục sáng và phát triển vận động.</p> <p>+ Các thành viên trong nhóm tham gia họp nhóm, nhận xét, rút kinh nghiệm, đánh giá trên kế hoạch và trên tiết dạy của từng thành viên trong nhóm.</p> <p>+ SV tự chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy.</p> <p>- Nhóm lập sổ biên bản và cử một bạn làm thư ký ghi chép toàn bộ quá trình hoạt động của nhóm.</p>	9.1.2

Chương/Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG</p> <p>4.1. Hoàn thành 4 kế hoạch</p> <p>4.1.1. Vận động (nhà trẻ và mẫu giáo)- 2 tiết</p> <p>4.1.2. Thẻ dực sáng (nhà trẻ và mẫu giáo)- 2 tiết</p> <p>4.2. Đánh giá tiết dạy</p> <p>- 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm</p>	06/06	5.1; 5.2; 5.3.	<p>- PP thực hành: GV yêu cầu mỗi SV sẽ đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm (1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung Thẻ dực sáng/Phát triển vận động).</p> <p>- PP thuyết giảng: GV nhận xét, rút kinh nghiệm từng tiết dạy của SV.</p>	<p>+ Mỗi SV nộp 4 kế hoạch.</p> <p>+ Mỗi nhóm nộp 1 sổ biên bản.</p> <p>+ Nhóm chuẩn bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cho 2 tiết dạy.</p> <p>+ Lớp trưởng tự liên hệ với khoa mượn phòng THMN, chịu trách nhiệm mở và đóng cửa.</p> <p>- Khi GV đánh giá, các thành viên trong lớp phải có mặt đầy đủ, theo dõi, ghi chép, nhận xét.</p> <p>Mỗi cá nhân được đánh giá 1 tiết dạy theo hình thức bốc thăm 1 trong 2 lứa tuổi Nhà trẻ/Mẫu giáo, 1 trong 2 nội dung Thẻ dực sáng/Phát triển vận động.</p>	9.2

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Thị Dinh, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thùy Dương	Các bài tập phát triển vận động và trò chơi vận động cho trẻ Nhà trẻ và Mẫu giáo	2015	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	X	
2	Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết	Hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN (0 tháng - 6 tuổi)	2007	NXB Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Chương trình giáo dục mầm non	2020	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
4	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo	Hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi	2010	Bộ Giáo dục và đào tạo	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
5	Đặng Hồng Phương	Giáo trình Lý luận và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi mầm non	2008	NXB Đại học Sư phạm	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X

8. Tài liệu học tập

- Có mặt ở lớp từ 80% trở lên số tiết lên lớp cho học phần;
- Thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương chi tiết học phần;
- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà trường;
- Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu học tập theo yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập

Mã	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Đánh giá thường xuyên	Phần 1, 2, 3, 4	5.1; 5.2; 5.3	0.4
9.1.1	Lập kế hoạch	Phần 2	5.1; 5.2.1; 5.3	
9.1.2	Thực hành tập dạy	Phần 3	5.1; 5.2.2; 5.3	
9.2	Đánh giá kết thúc học phần (Thi thực hành)	Phần 4	5.1; 5.2; 5.3	0.6

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ánh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1.1	Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non, về tâm - sinh lí và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục của cơ sở kiến tập;	2.1.1	4
5.2.2	Nhận diện được đặc điểm tâm – sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc – giáo dục trẻ ở trường mầm non.	2.1.1	4
5.2.3	Tổ chức được hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.4	5
5.2.4	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thể hiện lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.2 2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi (3.1)	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học (Thực hiện tại Trường mầm non)

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1. TÌM HIỂU THỰC TẾ TRƯỜNG MẦM NON 1.1. Nghe báo cáo về cơ cấu tổ chức, chức năng và hoạt động của trường, của lãnh đạo trường, 1.2. Nghe báo cáo về hoạt động giáo dục năm học của giáo viên (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 1.3. Nghe báo cáo về hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 1.4. Tham khảo các loại sổ sách chuyên môn, sổ sách ghi chép về quá trình chăm sóc trẻ của giáo viên mầm non và quan sát các hoạt động thực tiễn của trường. 1.5. Ghi chép và hoàn thành bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục	(05/05)	5.1.1 5.2.1	- PP Thuyết trình - PP giảng giải <u>Tại trường sư phạm</u> : Giảng viên HD họp nhóm sinh viên, hướng dẫn các biểu mẫu, các hoạt động sinh viên sẽ thực hiện và sinh hoạt nề nếp tại cơ sở kiến tập. <u>Tại trường mầm non</u> : Ban giám hiệu báo cáo cho sinh viên	- Chủ động liên hệ với giảng viên HD và cơ sở kiến tập (sau khi họp đoàn với giảng viên HD phụ trách đoàn) - Nêu thắc mắc, trao đổi, thống nhất yêu cầu, nhiệm vụ. - Nghiên cứu kỹ đề cương KTSP, các quy định về KTSP, các biểu mẫu - Sổ ghi chép	9.1
PHẦN 2. KIẾN TẬP HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY (Dự giờ giáo viên dạy mẫu) 2.1. Dự giờ và ghi chép Dự giờ và ghi chép đầy đủ 4 hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH	(10/10)	5.1 5.2 5.3	Trực quan Thực hành Tự học	- Chủ động, tích cực tham gia tất cả các hoạt động cùng với GVMN tại các nhóm lớp theo phân công.	9.2 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
- Nhà trẻ (01 hoạt động) - Mẫu giáo (03 hoạt động) 2.2. Dự hợp rút kinh nghiệm , ghi chép cẩn thận để làm tư liệu học tập				- Sổ ghi chép nội dung dự giờ ở 04 lĩnh vực.	
PHẦN 3. KIẾN TẬP HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC TRẺ 3.1. Quan sát các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo). 3.2. Tham gia các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) theo phân công	(40/40)	5.1 5.2 5.3	- PP trực quan - PP thực hành	- Chủ động, tích cực tham gia tất cả các hoạt động cùng với GVMN tại các nhóm lớp theo phân công. - Sổ ghi chép nội dung công việc đã tham gia tại các nhóm lớp dưới dạng nhật ký kiến tập.	9.2 9.3
Ghi chép và hoàn thiện báo cáo kiến tập theo mẫu	(05/05)		-PP giảng giải	- Hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định	9.1 9.2 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trường ĐHĐT	Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐT ngày 03/11/2019 về việc ban hành Quy định kiến tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp các ngành sư phạm				x	
2	Bộ GD và ĐT	Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non	2020	Bộ GD&ĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo chủ đề (trẻ 24 – 36 tháng tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non (3 – 6 tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với Ban chỉ đạo, GVHD, sinh viên

8.1. Ban chỉ đạo KTSP tại trường Mầm non

- Hỗ trợ đón tiếp sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và môi trường tâm lý để giúp sinh viên hoàn thành học phần KTSP.
- Cử giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm hướng dẫn sinh viên KTSP.
- Lập kế hoạch hướng dẫn sinh viên KTSP, xác định các yêu cầu, nội dung của từng hoạt động và đề xuất các biện pháp chỉ đạo thực hiện.
- Quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên tham gia KTSP.
- Phân công sinh viên vào từng nhóm/ lớp. Mỗi nhóm/ lớp không quá 08 sinh viên, xoay vòng các nhóm ở nhà trẻ và mẫu giáo (tùy theo số lớp Nhà trẻ mà bố trí thời gian kiến tập nhiều hay ít cho phù hợp).
- Chuẩn bị báo cáo về tình hình thực tế hoạt động giáo dục của nhà trường (cơ cấu tổ chức, chức năng nhà trường, lịch sử nhà trường), về hoạt động giáo dục, chăm sóc trẻ của năm học đó.
- Chuẩn bị một số hồ sơ, sổ sách chuyên môn (chăm sóc và giáo dục trẻ) ở các độ tuổi và hướng dẫn giúp sinh viên tham khảo.
- Đánh giá, xếp loại sinh viên sau khi kết thúc đợt KTSP.
- Lập báo cáo tổng kết hoạt động KTSP năm học đó (*mẫu 7*).
- Tổ chức rút kinh nghiệm sau khi kết thúc đợt KTSP.

8.2. Giáo viên mầm non được phân công hướng dẫn KTSP

- Tiếp đón sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương KTSP.
- Chuẩn bị và tổ chức dạy mẫu cho sinh viên dự giờ đủ 4 hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH, trong đó:

+ Nhà trẻ (01 hoạt động)

+ Mẫu giáo (03 hoạt động)

- Đánh giá, chấm điểm vào phiếu đánh giá kiến tập sư phạm (*mẫu 4 và mẫu 5*) và lập bảng điểm tổng hợp kiến tập sư phạm cho sinh viên (*mẫu 6*).

- Phiếu tổng hợp kết quả KTSP (*mẫu 9*)

8.3. Sinh viên mầm non

- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định và sự phân công của Ban chỉ đạo, GVMN hướng dẫn tại Trường mầm non

- Nghe và ghi chép báo cáo tình hình nhà trường; Tìm hiểu thêm tình hình nhà trường qua hồ sơ, sổ sách và quan sát thực tiễn.

- Quan sát, dự giờ dạy mẫu và ghi chép hồ sơ

- Chủ động và tích cực tham gia hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở nhóm /lớp được phân công.

- Viết bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục

8.4. Giảng viên sư phạm phụ trách

- Sinh hoạt với các đoàn sinh viên trước khi đi Kiến tập sư phạm, phổ biến quy định, nội quy của Nhà trường.

- Thường xuyên liên hệ với Cơ sở kiến tập. Theo dõi, đôn đốc và giải quyết những vấn đề xảy ra theo quy định dạy học học phần. Báo về Trung tâm phát triển kỹ năng nghề nghiệp và thành viên Ban chỉ đạo KTSP (phụ trách Khoa GD Tiểu học – Mầm non) những vấn đề ngoài thẩm quyền giải quyết.

- Tạo mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện, hợp tác giữa Trường ĐH Đồng Tháp với các cơ sở kiến tập trong tỉnh Đồng Tháp.

- Số lần đi, về cơ sở kiến tập của giảng viên phụ trách đoàn là **03 lần**. Các đợt xuống cơ sở phải có kế hoạch và có giấy giới thiệu của Nhà trường, đóng dấu xác nhận của trường mầm non để làm cơ sở cho việc tính chế độ cho giảng viên phụ trách đoàn.

- Lập báo cáo về tình hình phụ trách kiến tập sư phạm (*mẫu 8*)

- Nộp hồ sơ về Phòng Đào tạo, gồm có: Bảng điểm tổng hợp KTSP, Báo cáo tổng kết hoạt động KTSP, Báo cáo tình hình phụ trách KTSP.

9. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần KTSP do cơ sở kiến tập đánh giá và cho điểm, thang điểm tối đa 10 điểm, làm tròn 1 chữ số thập phân, trong đó:

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục cơ sở kiến tập (KI)	Hiệu Trường hoặc các Phó Hiệu Trường trường Mầm non chấm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (<i>Mẫu 2 phụ lục 1</i>).		0.4

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.2	Điểm kiến tập giảng dạy (K2)	Giáo viên hướng dẫn kiến tập giảng dạy chăm điểm kiến tập giảng dạy. Điểm kiến tập giảng dạy là điểm trung bình chung của các tiết kiến tập giảng dạy. <i>(Mẫu 4 phụ lục 1)</i>	5.1.1 5.1.2 5.2.2 5.2.3 5.3.1	0.3
9.3	Điểm kiến tập giáo dục (K3)	Giáo viên hướng dẫn kiến tập giáo dục chăm điểm kiến tập giáo dục. Điểm kiến tập giáo dục là điểm trung bình chung của các tiết kiến tập giáo dục <i>(Mẫu 5 phụ lục 1)</i>	1.3.11 2.1.1.1 2.1.1.2 3.2.2	0.3

Điểm học phần KTSP do Trường Ban chỉ đạo CSTTNN phê duyệt và quyết định, trên cơ sở điểm tìm hiểu thực tế giáo dục (K1), điểm kiến tập giảng dạy (K2), điểm kiến tập chăm sóc (K3) do giáo viên mầm non hướng dẫn chăm.

Điểm KTSP = (K1 x 0,4) + (K2 x 0,3) + (K3 x 0,3) (+) hoặc (-) điểm khen thưởng/kỷ luật

Lưu ý: Điểm khen thưởng/kỷ luật căn cứ theo Điều 21, Điều 22 của Quy định về Kiến tập sư phạm và Thực tập tốt nghiệp của Trường Đại học Đồng Tháp

Mã	Mô tả chuẩn đầu ra	Ảnh xạ với CDR CTĐT	Đánh giá mức độ năng lực
5.1 Kiến thức			
5.1.1	Ứng dụng được những kiến thức cơ bản về ngành giáo dục mầm non, về tâm - sinh lí và giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non trong tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.	1.2	3
5.2 Kỹ năng/ Phẩm chất đạo đức			
5.2.1	Phân tích được bối cảnh giáo dục của cơ sở kiến tập; Nhận diện được đặc điểm tâm - sinh lí, nhu cầu đặc biệt và khả năng của trẻ mầm non trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.	2.1.1	4
5.2.3	Lập kế hoạch và tổ chức được hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ trong điều kiện thực tiễn.	2.1.2 2.1.4	5
5.2.4	Giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp, có kỹ năng hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thể hiện lòng yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy, công bằng và tôn trọng trẻ.	2.2 2.3	3
5.3 Mức tự chủ và trách nhiệm			
5.3.1	Có tư duy độc lập, chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; thích ứng tốt với môi trường làm việc thay đổi.	3.1	3

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học (Thực hiện tại Trường mầm non)

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy - học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
PHẦN 1. TÌM HIỂU THỰC TẾ GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ THỰC TẬP 1.1. <i>Nghe đại diện Ban giám hiệu CSTTN báo cáo</i> 1.2. <i>Nghe báo cáo của một giáo viên dạy giỏi.</i> 1.3. <i>Tìm hiểu</i> các hoạt động của tổ chuyên môn, chức năng nhiệm vụ của giáo viên. 1.4. <i>Tìm hiểu</i> các hồ sơ quản lý nhóm lớp của giáo viên mầm non, hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi, các biểu mẫu theo dõi và đánh giá sự phát triển của trẻ.	05/05	5.2.1 5.2.4 5.3.1	-PP thuyết trình - PP trực quan - PP hướng dẫn: + Giảng viên hướng dẫn họp nhóm sinh viên, hướng dẫn các biểu mẫu, các hoạt động sinh viên sẽ thực hiện và sinh hoạt nề nếp tại cơ sở TTTN. + Ban giám Hiệu trường và GVMN báo cáo về tình hình giáo dục của nhà trường/địa phương	- Chủ động liên hệ với giảng viên hướng dẫn, và cơ sở TTTN - Nghiên cứu kỹ đề cương TTTN, các quy định về TTTN, các biểu mẫu - Sổ ghi chép - Nghe báo cáo và ghi chép về tình hình giáo dục của trường MN. - Tìm hiểu và ghi chép về các hoạt động chuyên môn và hồ sơ liên quan của giáo viên mầm non.	9.1
PHẦN 2. THỰC TẬP GIẢNG DẠY	40/40	5.1	- PP trực quan làm mẫu	- Làm việc nhóm theo	9.2

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
<p>2.3. Dự giờ giáo viên mầm non hướng dẫn.</p> <p>2.4. Sinh viên thực tập giảng dạy</p> <p>2.5. Dự giờ của sinh viên khác</p>		5.2 5.3	<p>- PP thực hành + Tổ chức dạy minh họa cho sinh viên dự 02 tiết. Sau mỗi tiết dạy có tổ chức rút kinh nghiệm. + Hướng dẫn đánh giá 04 tiết của SV, trong đó 01 tiết trên đối tượng Nhà trẻ và 03 tiết trên đối tượng Mẫu giáo, yêu cầu sinh viên dạy xoay vòng đủ 04 độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá) và phải đảm bảo 05 lĩnh vực khác nhau.</p>	<p>phân công của cơ sở TTTN (không quá 05 SV/nhóm).</p> <p>- Tham gia dự giờ GVMN hướng dẫn và các bạn SV cùng nhóm, ghi chép cẩn thận.</p> <p>- Nghiên cứu các lĩnh vực phát triển của trẻ, tìm hiểu chủ đề/đề tài/lứa tuổi trẻ trước khi dự giờ dạy mẫu.</p> <p>- Chủ động lập kế hoạch, hoàn thiện giáo án, đồ dùng dạy học.</p> <p>- Thực tập giảng dạy ít nhất là 08 hoạt động (08 tiết) trong đó có 04 hoạt động được đánh giá.</p>	9.3
<p>PHẦN 3. THỰC TẬP CHĂM SÓC TRẺ</p> <p>3.3. <i>Lập kế hoạch</i> tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.</p> <p>3.4. <i>Tham gia trực tiếp</i> vào các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ.</p> <p>3.5. <i>Tham gia vào các hoạt động</i> ở trường Mầm non diễn ra trong đợt TTTN</p>	130/130	5.1 5.2 5.3	<p>- PP trực quan - PP thực hành</p>	<p>- Chia về các nhóm theo phân công của giảng viên hướng dẫn và cơ sở TTTN</p> <p>- Chủ động liên hệ với giáo viên hướng dẫn</p> <p>- Chủ động phối hợp các thành viên trong nhóm tham gia trực tiếp vào quá trình chăm sóc trẻ.</p> <p>- Nghiên cứu kỹ chế độ sinh hoạt của trẻ theo các độ tuổi.</p>	9.2 9.3

Chương/ Chủ đề	Số tiết (ThH/TH)	Chuẩn đầu ra	Phương pháp dạy – học	Chuẩn bị của sinh viên	Hoạt động đánh giá
				- Tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc trẻ và các hoạt động khác ở trường mầm non: Hội thi bé khéo tay, bé khỏe, bé ngoan, thi làm đồ dùng dạy học, tham gia vào các hoạt động văn nghệ - thể dục, thể thao,...	
Ghi chép và hoàn thiện báo cáo thực tập theo mẫu	05/05		-PP giảng giải	- Hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định	9.1 9.2 9.3

7. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả	Tên tài liệu	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
						Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trường ĐHĐT	Quyết định số 12/QĐ-ĐHĐT ngày 03/11/2019 về việc ban hành Quy định kiến tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp các ngành sư phạm				x	
2	Bộ GD và ĐT	Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non	2020	Bộ GD&ĐT	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Bá Minh (chủ biên) và các tác giả khác	Hướng dẫn thực hiện chế độ sinh hoạt trong các cơ sở giáo dục mầm non	2018	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu	Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học		x

	Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	dục theo chủ đề (trẻ 24 – 36 tháng tuổi)			liệu Lê Vũ Hùng		
6	Trần Thị Ngọc Trâm, Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết (Đồng chủ biên)	Hướng dẫn Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non (3 – 6 tuổi)	2017	Giáo dục Việt Nam	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

8. Quy định đối với Ban chỉ đạo, giáo viên/giảng viên hướng dẫn, sinh viên

8.1. Ban chỉ đạo TTNN tại trường Mầm non

- Thành lập Ban chỉ đạo TTNN
- Đón tiếp sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và môi trường tâm lý để hỗ trợ sinh viên hoàn thành tốt học phần TTTN.
- Cử cán bộ - giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm hướng dẫn sinh viên TTNN.
- Lập kế hoạch hướng dẫn sinh viên TTNN, xác định yêu cầu, nội dung từng mặt hoạt động và đề xuất các biện pháp chỉ đạo thực hiện.
- Quản lý sinh viên trong thời gian TTTN. Phân công sinh viên vào từng nhóm/ lớp. Mỗi nhóm/ lớp không quá 05 sinh viên, xoay vòng các nhóm ở nhà trẻ và mẫu giáo.
- Chuẩn bị báo cáo về tình hình thực tế hoạt động giáo dục của nhà trường (cơ cấu tổ chức, chức năng nhà trường, lịch sử nhà trường), về hoạt động giáo dục, chăm sóc trẻ của năm học đó.
- Chuẩn bị một số hồ sơ, sổ sách chuyên môn (chăm sóc và giáo dục trẻ) ở các độ tuổi và hướng dẫn giúp sinh viên tham khảo.
- Đánh giá, xếp loại sinh viên khi kết thúc đợt TTTN.
- Chấm điểm bài thu hoạch thực tế giáo dục (Mẫu 1 + 2, phụ lục 2).
- Tổng hợp bảng điểm TTTN (Mẫu 9, phụ lục 2).
- Lập báo cáo tổng kết đợt TTTN năm học (Mẫu 10, phụ lục 2).
- Đề nghị khen thưởng, kỷ luật sinh viên có thành tích hoặc vi phạm nội quy, quy định tại CSTTTN.
- Tổ chức rút kinh nghiệm sau khi kết thúc đợt TTTN.

8.2. Giáo viên mầm non được phân công hướng dẫn TTTN

- Tiếp đón sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung theo đề cương TTTN.
- Giúp sinh viên tìm hiểu, làm quen với các nhiệm vụ của người giáo viên để phấn đấu trở thành người giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo quy định của ngành.
- Chuẩn bị và tổ chức dạy mẫu cho sinh viên dự giờ đủ các hoạt động thuộc các lĩnh vực sau: PT Nhận thức, PT thể chất, PT ngôn ngữ, PT Thẩm mỹ và PT TC-KNXH, đảm bảo tất cả các độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá).

Lưu ý: Mỗi giáo viên hướng dẫn tổ chức dạy minh họa cho sinh viên dự 02 tiết. Sau mỗi tiết dạy có tổ chức rút kinh nghiệm.

- Đánh giá kết quả TTNN của sinh viên một cách chính xác, khách quan và công bằng theo các mẫu phiếu đánh giá kèm theo Quy định TTTN.

Đánh giá sinh viên lên tiết dạy 08 tiết, trong đó 08 tiết dạy phải đảm bảo 05 lĩnh vực khác nhau và 04 độ tuổi Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá. (Sinh viên thực tập lớp nào thì giáo viên dạy lớp đó hướng dẫn).

- Đề nghị Ban chỉ đạo CSTTNN khen thưởng hoặc kỷ luật sinh viên TTNN theo Điều 21, Điều 22 của Quy định TTTN.

8.3. Sinh viên mầm non

- Chấp hành nghiêm túc nội quy, quy định và sự phân công của Ban chỉ đạo, GVMN hướng dẫn tại Trường mầm non

- Nghe và ghi chép báo cáo tình hình nhà trường; Nghe báo cáo của một giáo viên dạy giỏi để học tập kinh nghiệm; Tìm hiểu thêm tình hình nhà trường qua hồ sơ, sổ sách và quan sát thực tiễn.

- Quan sát, dự giờ dạy mẫu và ghi chép hồ sơ

- Chủ động và tích cực tham gia hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở nhóm /lớp được phân công.

- Về dự giờ và thực tập giảng dạy

+ Dự giờ giáo viên hướng dẫn đủ các hoạt động thuộc 5 lĩnh vực và đảm bảo tất cả các độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá)

+ Thực tập giảng dạy ít nhất là 08 hoạt động, dạy xoay vòng đủ 4 độ tuổi (Nhà trẻ, Mầm, Chồi, Lá) và phải đảm bảo 5 lĩnh vực khác nhau.

+ Giáo án lên lớp của sinh viên phải được giáo viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa, ký duyệt chậm nhất 2 ngày trước khi lên lớp và phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, vận dụng được các phương pháp dạy học tích cực vào tổ chức dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

+ Phải có kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, tài liệu nghiên cứu. Sinh viên không được lên lớp khi chưa có sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

+ Dự giờ của sinh viên khác ở mỗi khối lớp ít nhất là 2 tiết. Sau khi dự giờ, giáo viên hướng dẫn tổ chức cho sinh viên dự họp để rút kinh nghiệm.

- Về thực tập chăm sóc

+ Nhận nhiệm vụ cụ thể từ giáo viên hướng dẫn (xoay vòng 4 độ tuổi), số tiết đánh giá thực tập giáo dục là 4 tiết.

+ Lập kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

+ Tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc trẻ (Nhà trẻ - Mẫu giáo) từ lúc đón trẻ đến lúc trả trẻ.

+ Tham gia vào các hoạt động ở trường Mầm non diễn ra trong đợt TTTN: Hội thi bé khéo tay, bé khỏe, bé ngoan, thi làm đồ dùng dạy học, tham gia vào các hoạt động văn nghệ - thể dục, thể thao,...

- ***Ghi chép và hoàn thiện các biểu mẫu theo quy định***

Sau khi kết thúc TTTN, sinh viên nộp hồ sơ cá nhân về quản lý học tập.

8.4. Giảng viên sư phạm phụ trách

- Sinh hoạt với các đoàn sinh viên trước khi đi TTTN, phổ biến quy định, nội quy của Nhà trường. Tư vấn, giải đáp những thắc mắc về quy định TTNN cho sinh viên, giáo viên hướng dẫn và Lãnh đạo CSTTNN (nếu có).

- Thường xuyên liên hệ với cơ sở TTTN. Theo dõi, đôn đốc và giải quyết những vấn đề xảy ra theo quy định dạy học học phần. Báo về Phòng Đào tạo và thành viên Ban chỉ đạo TTTN (phụ trách Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non) những vấn đề ngoài thẩm quyền giải quyết.

- Hỗ trợ sinh viên lập hồ sơ TTNN.

- Động viên, thăm hỏi sinh viên trong quá trình TTNN.

- Tạo mối quan hệ tốt đẹp, thân thiện, hợp tác giữa Trường Đại học Đồng Tháp với các CSTTNN trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp.

- Số lần đi, về cơ sở TTTN của giảng viên phụ trách đoàn là **05 lần**. Các đợt xuống cơ sở phải có kế hoạch và có giấy giới thiệu của Nhà trường, đóng dấu xác nhận của cơ sở để làm cơ sở cho việc tính chế độ cho giảng viên phụ trách đoàn.

- Lập báo cáo tổng kết hoạt động TTNN của đoàn mình phụ trách (**Mẫu 11, phụ lục 2**) nhằm ghi nhận những thuận lợi, khó khăn và đề xuất về hoạt động TTNN.

9. Đánh giá kết quả học tập

Điểm học phần TTTN do cơ sở kiến tập đánh giá và cho điểm, thang điểm tối đa 10 điểm, làm tròn 01 chữ số thập phân, trong đó:

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
9.1	Điểm tìm hiểu thực tế giáo dục CSTTNN (K1)	Hiệu trưởng CSTTNN hoặc các phó Hiệu trưởng có trách nhiệm chăm bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (Mẫu 2 phụ lục 2).	5.2.1 5.2.4 5.3.1	0.1
9.2	Điểm thực tập giảng dạy (K2)	Giáo viên hướng dẫn thực tập giảng dạy chấm điểm các tiết dạy theo từng kế hoạch dạy học. Điểm thực tập giảng dạy là điểm trung bình chung của các tiết dạy theo từng kế hoạch dạy học. (Mẫu 5 phụ lục 2)	5.1 5.2 5.3	0.5
9.3	Điểm thực tập giáo dục (chăm sóc) (K3)	Giáo viên hướng dẫn thực tập giáo dục có trách nhiệm tổng hợp và quyết định điểm thực tập giáo dục. Điểm thực tập giáo dục là điểm trung bình chung của các tuần thực tập giáo dục	5.1 5.2 5.3	0.4

Lần đánh giá	Hình thức đánh giá	Nội dung được đánh giá (Chương/Chủ đề)	Chuẩn đầu ra	Trọng số
		(Mẫu 7 phụ lục 2)		

Điểm học phần TTTN do Trường Ban chỉ đạo CSTTNN phê duyệt và quyết định, trên cơ sở điểm tìm hiểu thực tế giáo dục, điểm thực tập giảng dạy, điểm thực tập giáo dục do các giáo viên hướng dẫn chấm.

Điểm TTTN= (K1 x 0,1) + (K2 x 0,5) + (K3 x 0,4) (+) hoặc (-) điểm khen thưởng/kỷ luật

Lưu ý: Điểm khen thưởng/kỷ luật căn cứ theo Điều 21, Điều 22 của Quy định về Kiên tập sư phạm và Thực tập tốt nghiệp của Trường Đại học Đồng Tháp

6.2. Đội ngũ giảng viên

(xem Phụ lục)

6.3. Cơ sở vật chất phục vụ dạy và học

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng Múa - Thực hành mầm non 1	Sàn tập, kính quanh tường, tivi, loa, tủ đựng đạo cụ Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
2	Phòng phát triển thể chất – THMN2	Sàn tập, các dụng cụ thể dục thể thao phục vụ cho thực hành: bóng, gậy, vòng, công chui, băng ghế thể dục,... Tủ trưng bày đồ chơi do sinh viên làm Bảng cài di động 2 mặt Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
3	Phòng phát triển ngôn ngữ	Sàn, các bộ tranh, bảng cài di động 2 mặt Bàn, ghế đủ cho một lớp sinh viên
4	Phòng lý thuyết âm nhạc (đàn)	Đàn Piano (01 cây), Đàn Organ (42 cây), tivi, loa, tai nghe, ghế ngồi
5	Phòng thực hành dinh dưỡng	Hệ thống bếp một chiều Trang thiết bị dùng cho nhà bếp của trường mầm non
6	Phòng chức năng (tại trường THSP MN Hoa Hồng)	Sàn trống, ghế bàn, các dụng cụ thể dục thể thao/ dụng cụ âm nhạc và các bộ tranh cho tất cả các chức đề

7. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo này áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở đi.

Tỷ lệ giờ lý thuyết (bài tập, thảo luận), thực hành, thí nghiệm, tự học được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần là cơ sở để giảng viên, sinh viên thực hiện đầy đủ các nội dung của học phần.

Việc phân kỳ trong chương trình đào tạo là cơ sở để Bộ môn lập kế hoạch dạy học cụ thể của từng học kỳ, phòng Đào tạo có trách nhiệm mở các lớp học phần cho sinh viên đăng ký.

Các học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh, Giáo dục Thể chất không chuyên, Kiến tập sư phạm, Thực tập tốt nghiệp được tổ chức dạy và học theo quy định riêng.

Việc tổ chức dạy và học được thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy sửa đổi ban hành theo Quyết định 1465/QĐ-ĐHĐT ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp; Quyết định số 2293/QĐ-ĐHĐT ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Đồng Tháp.

PHỤ LỤC: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH ⁽⁶⁾

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Học vị	Chuyên ngành	Nơi đào tạo (Bằng cao nhất)	Đơn vị	Học phần phụ trách
			Nam	Nữ					
1	Lê Thị Kim Anh	1984		x	Tiến sĩ	Giáo dục mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Nhập môn GDMN 2. Kiến thức MTXQ dành cho GVMN 3. RLNVSP 0
2	Lê Thị Thanh Sang	1975		x	ThS	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. PP tổ chức hoạt động LQMTXQ cho trẻ MN 2. Kiến thức MTXQ dành cho GVMN
3	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	1976		X	ThS	Giáo dục mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.PPLQMTXQ 2. Phương pháp tổ chức HĐVC cho trẻ mầm non
4	Lê Thị Lan	1987		Nữ	ThS	Giáo dục Mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ mầm non 2.Rèn luyện NVSPTX6 (Phát triển thể chất)
5	Lê Thị Kim Chi	1981		X	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học âm nhạc	Trường ĐHSP nghệ thuật trung ương	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Lý thuyết âm nhạc sơ gián mầm non 3.Rèn luyện NVSPTX 2
6	Lê Thị Bích Vân	1986		Nữ	Thạc sĩ	Giáo dục học (mầm non)	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Phương pháp tổ chức cho trẻ vui chơi 2.Tổ chức chương trình GDMN
7	Phan Thị Hoàng Nguyễn	1982		Nữ	Thạc sỹ	QLGD	Trường ĐHĐT	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Vệ sinh – Phòng bệnh cho trẻ MN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Học vị	Chuyên ngành	Nơi đào tạo (Bằng cao nhất)	Đơn vị	Học phần phụ trách
			Nam	Nữ					
8	Nguyễn Thị Tuyết Minh	1979		x	Thạc sĩ	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. 1. Mĩ thuật cơ bản 2. 2. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. 3. 3. Đồ chơi và thiết kế môi trường giáo dục cho trẻ mầm non -
9	Nguyễn Bích Hằng	1985		x	Thạc sĩ	LL&PP dạy học AN	Trường ĐHSP Nghệ thuật TW	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Múa và PP dạy múa cho trẻ mầm non 2. RLNVSPTX2 -
10	Nguyễn Thị Hồng Khoa	1987		Nữ	Thạc sĩ	Giáo dục học (mầm non)	Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	- 1.Tổ chức thực hiện chương trình GDMN - 2.Rèn luyện NVSP4
11	Trần Nguyễn Thị Như Mai	1986		Nữ	ThS	Giáo dục Mầm non	Trường ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non 2.Tổ chức chương trình GDMN 3.Rèn luyện NVSPTX3
12	Nguyễn Ngọc Trinh	1993		x	ThS	Giáo dục Mầm non	Đại học sư phạm Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.RLNVSPTX 6 (PT thể chất) 2. Múa và phương pháp dạy múa cho trẻ mầm non
13	Lê Thị Tuyết Trinh	1982		x	Tiến sĩ	Lí luận và PPDH Toán	ĐHSP Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2.Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Học vị	Chuyên ngành	Nơi đào tạo (Bằng cao nhất)	Đơn vị	Học phần phụ trách
			Nam	Nữ					
14	Phạm Thị Kim Châu	1978		x	Tiến sĩ	Lí luận và PPDH Toán	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
15	Hà Thái Thủy Lam	1983		x	Thạc sĩ	Xác suất thống kê	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
16	Phan Thị Hiệp	1982		x	Thạc sĩ	Đại Số- Lý thuyết số	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Cơ sở Toán mầm non 2. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với Toán
17	Võ Thị Nhỏ	1985		x	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	ĐH Tiền Giang	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non
18	Trần Đức Hùng	1979	x		Tiến sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Tiếng Việt 2. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
19	Trần Hoàng Anh	1980	x		Tiến sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Tiếng Việt 2. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
20	Vũ Thị Hiền	1984		x	Thạc sĩ	Ngôn ngữ VN	ĐH Đồng Tháp	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Tiếng Việt 2. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
21	Lê Thị Mai An	1983		x	Thạc sĩ	Giáo dục tiểu học	ĐH Đồng Tháp	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Học vị	Chuyên ngành	Nơi đào tạo (Bằng cao nhất)	Đơn vị	Học phần phụ trách
			Nam	Nữ					
									2.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5
22	Phạm Thị Minh Hiếu	1982		x	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	ĐH Vinh	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Văn học trẻ em 2.PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN 3.Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non 6.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5
23	Lê Thị Thanh Hồng	1980		x	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	ĐH Cần Thơ	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1.Văn học trẻ em 2.Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen văn học cho trẻ mầm non 3.Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 5
24	Nguyễn Trọng Hiếu	1989	x		Tiến sĩ	Văn học Việt Nam	Viện Văn học	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	Văn học trẻ em
25	Hồ Thị Huyền	27/9/1971		x	Cử nhân	Mỹ thuật	ĐH Nghệ thuật Huế	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	1. Đồ chơi và HD làm đồ chơi 2. PP tổ chức hoạt động tạo hình
26	Hoàng Nhị Bình	1973	Nam		Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	Nhạc viện Hà Nội	Khoa Giáo dục Tiểu học – Mầm non	- PP tổ chức hoạt động GD Âm nhạc cho trẻ MN. - Lý thuyết Âm nhạc sơ giản mầm non.